



Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình bìa: **DeltaWorks (pixabay.com)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 638-0989

(714) 266-4171

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hưởng vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 4
- ♦ **TỰ VẤN, BÁT NHÃ, HỒI HƯỚNG** (thơ Xuyên Trà), trang 8
- ♦ **BIÊN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH**, t.t. (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **MÙA ĐÃ VÀO THU** (thơ Mặc Phương Tử), trang 11
- ♦ **NHỚ ƠN NHI VỊ HÒA THƯỢNG...** (ĐNT Tín Nghĩa), trang 12
- ♦ **THỜI QUỲ MỘNG** (thơ Nguyễn thị Khánh Minh), trang 15
- ♦ **THƯ KHÁNH TUỆ** (Tỳ kheo Thích Tuệ Sỹ), trang 16
- ♦ **MÙA HẠ VÀ BÀN PHÍM** (thơ Thy An), trang 20
- ♦ **NGOÀI BÁT THÁNH ĐẠO KHÔNG CÓ QUẢ VỊ SA-MÔN** (Quảng Tánh), trang 21
- ♦ **CHỚM THU, NGẠI LÁ THU RƠI...** (thơ Lưu Lăng Khách), trang 23
- ♦ **VÔ TƯỚNG TAM MUỘI** (Nguyễn Giác), trang 24
- ♦ **THÔNG ĐIỆP TỪ COVID-19** (thơ Thích Viên Thành), trang 28
- ♦ **PHÁP TU SÁM HỐI** (TN Hằng Như), trang 29
- ♦ **CHÙA AN QUANG VÀ CHÙA XÁ LỢI...**, VNPG Sử Luận, Chương 32 (Nguyễn Lang), trang 33
- ♦ **CHÁNH BIẾN TRI – Câu Chuyện Dưới Cờ** (Thị Nguyên Nguyễn Đình Khôi), trang 38
- ♦ **BÊN DÒNG SINH TỬ CHÂU SA** (Tâm Không Vĩnh Hữu), trang 39
- ♦ **ĐÃ THẤY VÔ THƯỜNG** (thơ Đồng Thiện), trang 42
- ♦ **TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ** (HT. Thích Nguyên Trí), tr. 47
- ♦ **KHI THẦY ĐI TÌM TRÒ** (Huệ Trân), trang 48
- ♦ **TỪ ÁC MỘNG THỜI ĐẠI DỊCH ĐẾN ĐẠI MỘNG CUỘC ĐỜI** (Huỳnh Kim Quang), trang 50
- ♦ **MẸ, NGÔI CHÙA VÀ MÙA THU** (Mang Viên Long), trang 54
- ♦ **NẤU CHAY: CANH KIM CHI** (Trịnh thị Kim Ánh) trang 57
- ♦ **SỰ TIÊU HÓA THỨC ĂN** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 58
- ♦ **NGHỆ THUẬT THUYẾT PHÁP TRONG KINH PHÁP CÚ** (TM. Ngô Tăng Giao) trang 59
- ♦ **TRUYỆN CỰC NGẮN** (Steven N.), trang 64
- ♦ **VỢ GIÀ CHẾT DỐI CHỒNG** (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 66
- ♦ **CHỈ CÓ CON ĐƯỜNG ĐÓ MÀ THÔI** (Tiểu Lục Thần Phong), trang 67
- ♦ **AN LẠC TRONG TĨNH LẠNG** (thơ Thục Uyên), trang 70
- ♦ **TÁM VẠN BÓN NGHÌN CÂY** (Hàn Thủy Giang), trang 71
- ♦ **STORY OF KHEMAKA, THE SON OF A RICH MAN** (Daw Tin), tr. 73
- ♦ **HY SINH** (Truyện cổ Phật giáo), trang 74
- ♦ **CHÂN NHƯ** (thơ Diệu Viên), tr. 75
- ♦ **VU LAN NHỚ MẸ** (Trần Thị Anh Loan), trang 76
- ♦ **NHỚ MẸ VÔ VÂN** (thơ Đào Mạnh Xuân), trang 77
- ♦ **REALM OF SUFFERING** (translated by Bạch Xuân Phê), trang 77
- ♦ **NGỘ THOÁT – chương 1** (Vĩnh Hào), trang 80
- ♦ **THU CẨM** (thơ Chúc Hiền), tr. 82



Báo Chánh Pháp số 107, tháng 10 năm 2020, do Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại (Dallas, Texas) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ân phí. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

SAU THỊNH NỘ LÀ LẶNG IM

Lửa. Lửa lại bùng cháy trên những cánh rừng bạt ngàn miền tây. Khói cuộn cuộn, lan xa hàng nghìn dặm, kéo qua tận miền đông. Tro bụi mịn mù, bao phủ hết bầu trời, làm cho nền trời lúc giữa trưa mà ửng lên màu vàng cam, có khi đỏ ối như ráng chiều hoàng hôn. Hai vầng nhật nguyệt dường như bị che khuất suốt những ngày cuối hạ. Tro tàn theo gió cuốn đi thật xa, rời bỏ núi rừng, rồi rơi lả tả trên những cánh đồng, sông suối, cỏ cây, nhà cửa, xe cộ... khắp các vùng. Không khí như bị đặc quánh lại với mùi khét lẹt của khói. Lệnh giãn cách xã hội và mang khẩu trang chưa được cởi mở hoàn toàn, lại càng cần thiết hơn trong lúc này, khi con người mong tìm nơi trú ẩn an toàn để thở được không khí trong lành.

Lửa là một trong bốn yếu tố to lớn (bốn đại: đất, nước, gió, lửa), có mặt trùm khắp thế giới vật chất, hữu hình. Không đâu mà không có lửa, cũng như không đâu mà không có đất, nước, gió. Lửa là nhu cầu thiết yếu của loài người từ thời nguyên thủy cho đến ngày nay, để thắp sáng, sưởi ấm và làm chín thức ăn. Từ cuối thế kỷ thứ 7 trước kỷ nguyên, một giáo phái tôn thờ lửa được thành lập gọi là Hỏa giáo (1). Lửa trong kinh Phật thì có khi được ẩn dụ như sự bùng cháy của tâm sân hận (2); có khi được dùng để nói về một nguy hiểm tiềm tàng (3); và trong một thi kệ của Thiền sư Khuông Việt thì lửa được dụ cho Phật tính (4).

Dù trong ẩn dụ tốt hay xấu, tính năng của lửa là từ một đốm nhỏ có thể làm bùng lên thành một trận lửa to lớn. Nhìn tiêu cực, và cụ thể, lửa thường được ví với sự nóng nảy, giận dữ, sân hận. Như vậy, tâm sân hận dù nhỏ, cũng có thể bùng phát thành cơn thịnh nộ lớn, gây tổn hại cho mình hoặc hủy diệt cả người khác. Lửa bắt mỗi rất nhạy, lan

nhANH qua những vật thể dễ cháy. Lòng sân của một người cũng dễ tác động dây chuyền đến lòng sân sẵn có của những người khác.

Nhìn những cơn bão lửa thực tế đang cuồng nộ gieo rắc kinh hoàng cho con người và muôn thú trên các cánh rừng, người thực hành chánh pháp có thể dùng đó làm bài học quán niệm, theo dõi và kiểm soát lòng sân hận của mình. Chỉ một niệm sân nhỏ thôi, cũng cần phải nhận biết, cẩn trọng, xem chừng, đừng cho nó mạnh động, tăng trưởng. Quán sát sâu xa hơn, có thể nhận ra cội nguồn của tâm sân hận chính là ái ngã, vị ngã — chỉ thích những ai và những gì làm vừa lòng mình; không chấp nhận những ai và những gì làm trái ý mình. Bất mãn, nổi sân, bấn gắt, khó chịu với người khác cũng chỉ vì yêu thích, cưng chiều, bảo vệ “cái tôi” và “những gì thuộc về tôi” của mình.

Do đó, sự thịnh nộ của bão lửa, dù là thiên tai hay nhân họa, có phần nào được hiểu như là phóng ảnh từ nội tâm con người. Quá vị kỷ sinh ra thù ghét; quá tự tôn sinh ra kỳ thị; quá tư kiến sinh ra thành kiến. Từ đó, phùng phùng đốt lên những ngọn lửa dữ. Chiến tranh tôn giáo, sắc tộc, chủ nghĩa, ý thức hệ, đảng phái... cũng chỉ vì không thể kiểm soát được đốm lửa sân nhỏ.

Lửa, luôn hữu dụng nếu biết kiểm soát. Người ta có thể cắt lửa vào một đầu que diêm, hay nhốt lửa tiềm ẩn trong một cái hộp quẹt. Đốt nhang cúng Phật, đốt củi sưởi ấm, nhen lửa nấu cơm... lửa có hại ai đâu. Hại hay không là do mình biết hay không biết kiểm soát, chế ngự.

Nhưng khi một ngọn lửa chưa bật lên, khi một niệm chưa khởi, thì cái gì, là ai ở nơi ấy?

Tất cả cơn thịnh nộ của địa chấn, cường triều, cuồng phong, hỏa tai... rồi sẽ lắng xuống. Không có gì tự sinh ra, và cũng không có gì sinh mãi không diệt. Lửa không thể cháy mãi. Sóng không thể dâng mãi. Niệm thiện hay niệm ác cũng chỉ là những ba động trên bề mặt bản tâm. Sau cơn thịnh nộ, là im lặng.

1) Theo Wikipedia: [trích] "*Hỏa giáo hay Bái hỏa giáo (cũng còn được gọi là Hiên giáo, Hỏa hiên giáo, Đạo Zoroast, Đạo Mazda hay Mazde, Hỏa yêu giáo) là tôn giáo do nhà tiên tri Zoroaster (Zarathushtra) sáng lập vào khoảng cuối thế kỷ 7 TCN tại miền Đông Đế quốc Ba Tư cổ đại. Đây là một trong những tôn giáo lâu đời nhất của nhân loại, với bộ kinh chính thức là kinh Avesta (Cổ kinh Ba Tư) tôn vinh thần trí tuệ Ahura Mazda là thần thể lực cao nhất. Các đặc điểm nổi bật của Hỏa giáo, bao gồm lòng tin vào một đấng cứu rỗi sẽ tới cứu giúp nhân loại, thiên đàng và địa ngục, và tự do ý chí được cho rằng đã ảnh hưởng đến các hệ thống tôn giáo sau đó như: Do thái giáo đến thờ thứ hai, thuyết ngộ đạo, Kitô giáo và Hồi giáo.*"

2) "*Một đốm lửa sân có thể đốt cháy cả rừng công đức,*" (Kinh Phật).

3) "*Có bốn thứ tuy trẻ nhỏ, nhưng không thể xem thường. Những gì là bốn? Vương tử Sát-lợi, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Rồng con, tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường. Đốm lửa tuy nhỏ, nhưng chớ xem thường. Tỷ-kheo tuổi tuy trẻ nhỏ, nhưng chớ xem thường.*" (Tập A-hàm, Tam Bồ Đề, Kinh số 1226. Việt dịch: Thích Đức Thắng; Hiệu đính & Chú thích: Tuệ Sỹ)

4) Bài kệ của Thiền sư Khuông Việt (933-1011), với ý rằng vì chúng sinh sẵn có tánh Phật nên tu hành mới thành Phật quả; nếu không có tánh Phật thì dù tu hành bao nhiêu đời kiếp cũng không thể thành Phật. Bài kệ đã dùng lửa trong cây làm ẩn dụ:

*"Mộc trung nguyên hữu hỏa,
Hữu hỏa, hỏa hoàn sanh.
Nhược vị mộc vô hỏa,
Toản toại hà do manh."*

Dịch:

Trong cây sẵn có lửa,
Có lửa, lửa mới sanh.
Nếu bảo cây không lửa,
Cọ xát làm gì sanh.



HG-Fotografie (pixabay)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM *lược dịch*

CỘNG HÒA KALMYKIA (Liên bang Nga): Telo Tulku Rinpoche tôn phong Ngôi nhà Đền

Telo Tulku Rinpoche, vị Lạt ma trưởng của người Kalmyk, và các nhà sư Phật giáo từ Tu viện Trung tâm của Kalmykia đã tiến hành nghi lễ tôn phong Zulyn Ger (Ngôi Nhà Đền) để tưởng nhớ tổ tiên của Kalmykia. Zulyn Ger là một tòa nhà nhỏ, ở trung tâm được lắp đặt một chiếc đèn bơ lớn. Đèn bơ này có khả năng cháy liên tục đến cả tháng.

Buổi lễ được tổ chức vào ngày 29-8 tại chân gò Bashmin Tolga ở quận Ketchenerovsky, phía tây bắc nước cộng hòa Kalmykia. Địa điểm này có tính lịch sử đối với người Kalmyk với tu viện Tsannid Chöra nổi tiếng, từng là trung tâm giáo dục đại học Phật giáo, được đặt ở đó từ năm 1907 đến 1922.

Buổi lễ có sự tham dự của cư dân quận Ketchenerovsky và Phật tử từ bên ngoài quận, cùng các đại diện từ các trung tâm Phật giáo Kalmykia khác nhau. Thân nhân của các Lạt ma và sư sãi từng phục vụ tại tu viện Tsannid Chöra cũng đến tham dự sự kiện trọng thể này.

Theo Telo Rinpoche, việc mở cửa Zulyn Ger đã được lên kế hoạch từ lâu, nhưng đã bị trì hoãn do hậu quả của đại dịch coronavirus.

(Buddhistdoor Global – September 1, 2020)



Telo Tulku Rinpoche dâng khăn quàng lễ cho chiếc đèn bơ—Photo: mk-kalm.ru



Zulyn Ger (Ngôi Nhà Đền)



*Telo Tulku Rinpoche chủ trì các nghi thức trong lễ tôn phong Ngôi Nhà Đền
Photos: khurul.ru*

NHẬT BẢN: Mái gác bằng vàng của Kim Các Tự được tu sửa giữa đại dịch

Kyoto, Nhật Bản – Ngày 1-9-2020, gác bằng vàng nổi tiếng tại chùa Kim Các ở Kyoto đã bắt đầu tu sửa ba tháng đối với mái nhà lợp ngói gỗ của nó trong bối cảnh đại dịch coronavirus, vốn khiến lượng du khách giảm đáng kể.

Gác có mặt tiền dát bằng vàng lá này là một phần của Di sản Thế giới ở cố đô Kyoto. Du khách sẽ không thể nhìn thấy toàn bộ ngôi chùa Kim Các trong ba tuần vì giàn giáo sẽ che khuất hoàn toàn gác vàng.

Thay vào đó, một bảng ảnh lớn về ngôi chùa Phật giáo này đã được dựng lên vào ngày 1-9 để du khách và những người chiêm bái có thể xem, vì các tài liệu về công việc cải tạo đã được đưa vào bảng ảnh.

Công việc cải tạo sẽ hoàn thành vào tháng 12.

Kim Các Tự trải qua một cuộc trùng tu tương tự gần đây nhất vào năm 2002.

Được xây dựng lần đầu tiên vào năm 1398, Kim Các Tự đã bị thiêu rụi trong một cuộc tấn công đốt phá vào năm 1950 nhưng được xây dựng lại 5 năm sau đó.

(bignewsnetwork.com – September 3, 2020)



Bảng ảnh lớn về Kim Các Tự dựng lên để du khách và những người chiêm bái có thể xem các tài liệu về công việc cải tạo

Photo: japantimes.com.jp

HÀN QUỐC: Tượng nhà sư Phật giáo cổ xưa nhất của Hàn Quốc được công nhận là Bảo vật Quốc gia

Bức tượng cổ nhất Hàn Quốc về một nhà sư Phật giáo từ triều đại Goryeo sẽ được chỉ định là bảo vật quốc gia.

Ngày 2-9-2020, Cơ quan Quản lý Di sản Văn hóa (CHA) đã đưa ra thông báo trước về việc chỉ định bức tượng ngồi của Nhà sư Huirang tại chùa Haeinsa (ở Hapcheon, tỉnh Gyeongsang Nam) là một bảo vật quốc gia.

Bức tượng của sư Huirang, người đã hoạt động giữa cuối triều đại Shilla và đầu triều đại Goryeo, được cho là đã được tạo tác vào nửa đầu thế kỷ thứ 10.

CHA đánh giá cao giá trị của bức tượng, nói rằng đây là tác phẩm điêu khắc duy nhất hiện có ở đất nước về một nhà sư Phật giáo có đức độ cao.

Sau khi thu thập ý kiến từ nhiều lĩnh vực khác nhau trong 30 ngày tới, cơ quan này có kế hoạch chính thức chỉ định bức tượng thông qua một hội đồng duyệt xét.

(world.kbs.co.kr - September 2, 2020)



*Bức tượng của nhà sư Huirang
Photo: YONHAP News*

NEPAL: 65% công trình tái thiết các tu viện Phật giáo của Nepal đã hoàn thành

Kathmandu, Nepal - Khoảng 65 phần trăm các tu viện Phật giáo đã được xây dựng hoặc cải tạo, với công việc đang được thực hiện từ 87% chi phí của Ngân hàng Exim Ấn Độ.

Trong tổng số 2,703 tu viện đã đăng ký với Ủy ban Phát triển Tu viện và Quảng bá Triết học Phật giáo, có tổng cộng 1, 357 tu viện bị hư hại trong trận động đất năm 2015.

"Chúng tôi đã hoàn thành việc tu bổ khoảng 4 trăm Tu viện và Bảo tháp. Năm năm sau trận động đất, chúng tôi chỉ hoàn thành 65% công việc được giao. Chi phí ước tính cho công việc vào khoảng 270 triệu Rupee Nepal", Ganesh Wasti, Giám đốc Tái thiết Quốc gia Cơ quan, Bộ phận thực hiện xác nhận.

Chính phủ Nepal đã cam kết hỗ trợ 13% tổng chi phí sẽ phát sinh khi thực hiện dự án.

Hầu hết các Tu viện sẽ được xây dựng lại đều có niên đại hàng trăm năm và nằm rải rác trên khắp Nepal.

(ANI - September 5, 2020)

NHẬT BẢN: Đền thờ ở Kyoto hồi sinh nghi lễ Thần Đạo-Phật giáo sau 550 năm gián đoạn

KYOTO - Như một phần trong nỗ lực hồi sinh các nghi lễ cổ xưa, vào ngày 4-9-2020, ngôi đền Kitano Tenmangu nổi tiếng ở Kyoto đã tổ chức một nghi thức Thần đạo và Phật giáo bắt nguồn từ thế kỷ thứ 10.

Đền thờ Kitano Tenmangu, được thành lập vào năm 947, cho biết đã không tổ chức nghi lễ Kitano Goryoe kể từ năm 1467, khi Chiến tranh Onin, một cuộc nội chiến kéo dài 11 năm, nổ ra.

Nghi thức ban đầu được tổ chức để xoa dịu sự nổi giận của linh hồn Sugawara no Michizane (845-903), một học giả và chính trị gia được tôn thờ như một vị thần tại đền Kitano Tenmangu, vì người dân Nhật Bản cổ đại tin rằng thiên tai và dịch bệnh là do lời nguyền tạo ra bởi những nhân vật nổi tiếng đã bị thảm sát hoặc những người chết oan ức.

Vào ngày 4-9 nói trên, các tu sĩ của đền thờ đã thực hiện nghi thức này cùng với các tu sĩ từ Đền Enryakuji ở Otsu, tỉnh Shiga, vì nghi thức Goryoe được tổ chức đồng bộ giữa Thần đạo và Phật giáo.

Ngoài việc cầu nguyện cho linh hồn của Michizane được phục hồi, các tu sĩ còn cầu nguyện cho sự kết thúc của đại dịch coronavirus mới và cho sức khỏe và sự an toàn của mọi người.

(thejapantimes - Sep 4, 2020)



*Ngôi đền Kitano Tenmangu nổi tiếng ở Kyoto đã tổ chức một nghi lễ Kitano Goryoe của Thần đạo và Phật giáo bắt nguồn từ thế kỷ thứ 10
Photo: The Japan Times*

NHẬT BẢN: Chùa Tofukuji ở Kyoto mở cửa các khu vực bị hạn chế để thu hút khách du lịch

Chùa Tofukuji tại Kyoto cho phép một số lượng nhỏ các nhóm du lịch đi vào các khu vực cấm trước đây, bao gồm cả những khu vực chứa bảo vật quốc gia được cất giấu.

Lượng khách du lịch nội địa đến chùa - vốn giảm mạnh do đại dịch COVID-19

gây ra - đã thúc đẩy động thái này.

"Chúng tôi muốn những du khách đang cảm thấy căng thẳng vì virus coronavirus mới có thể tham quan khuôn viên chùa và an ủi tâm hồn họ," Kigen Takeuchi, người đứng đầu ban trị sự của ngôi chùa, nói.

Các chuyến tham quan được giới hạn 5 nhóm mỗi ngày và có một nhân viên của chùa tháp tùng - có sẵn cho các nhóm từ 5 du khách trở lên cho đến ngày 30-9-2020.

Ngôi chùa này là trụ sở của trường phái Tofukuji thuộc Phật tông Rinzaï, tọa lạc ở quận Honmachi thuộc phường Higashiyama. Chùa nổi tiếng với Công Sanmon và khu trú phòng của tu sĩ "hojo" thuộc tòa nhà Ryogin-an - cả hai đều được chính quyền trung ương chỉ định là bảo vật quốc gia.

Ngôi đền cũng tự hào có các khu vườn "karesansui" (nghĩa đen là "nước trên núi khô"), bao gồm "Ryu no Niwa" (khu vườn của rồng) phía tây và "Furi no Niwa" (khu vườn không thể tách rời) phía đông.

(tipitaka.net - September 9, 2020)



Tượng Phật và 16 vị La Hán được đặt bên trong Công Sanmon của chùa Tofukuji



*Các khu vườn "karesansui"
Photos: Jiro Omura*



HOA KỲ: Lễ tốt nghiệp của nhóm giảng viên Đạo Pháp đa dạng nhất trong lịch sử Phật giáo Hoa Kỳ

West Marin, California - Chương trình Giảng viên Đạo Pháp và Lãnh đạo Tâm linh Spirit Rock đã tổ chức một buổi lễ tốt nghiệp lịch sử cho 20 học viên vào ngày 11-9-2020.

Sau một chương trình đào tạo và học tập chuyên sâu kéo dài 4 năm, lớp học đa dạng nhất trong lịch sử của chương trình này đã được trao quyền để giảng dạy giáo pháp.

Mỗi sinh viên tốt nghiệp đều tự nhận mình là thành viên của một nền văn hóa phi ưu thế, không phân biệt giới tính, định hướng, chủng tộc, dân tộc hoặc khả năng. Có lẽ đây là nhóm giảng viên mới đa dạng nhất trong lịch sử Phật giáo Hoa Kỳ.

Đây là chu trình thứ 8 của chương trình đào tạo giảng viên Đạo Pháp của Spirit Rock. Trước khi nhóm 20 giảng viên nói trên tốt nghiệp, cộng đồng Minh Sát Tuệ này đã có hơn 350 giảng viên Đạo Pháp được đào tạo.

(Lion's Roar - September 11, 2020)



Các giảng viên của Chương trình Giảng viên Đạo Pháp và Lãnh đạo Tâm linh Spirit Rock—Photo: Lion's Roar

MIỀN ĐIỆN: Vị tu sĩ Phật giáo đi đầu trong việc thúc đẩy cắt giảm rác thải nhựa ở Miền Điện

Yangon, Miền Điện - Sư trụ trì Ottamasara, người điều hành trung tâm thiền Thabarwa, đã nhận được sự hưởng ứng trước yêu cầu của ông về hộp nhựa thay thế cho bình bát mà tu viện của ông sử dụng để nuôi hàng nghìn người thiếu thốn.

Được hàng chục tình nguyện viên giúp đỡ, nhóm của sư hiện nhận được mỗi ngày vài nghìn chai nhựa đã qua sử dụng từ cộng đồng, một số chai được tái chế làm hộp đựng thức ăn và một số khác được đưa vào làm vật liệu xây dựng sử dụng tại trung tâm thiền.

Trung tâm thiền rộng 3.6 hectare của sư Ottamasara có các xưởng xử lý rác thải nhựa. Tại đây, các tình nguyện viên sử dụng các chai nhựa treo để làm tấm che nắng và thậm chí đã xây dựng một nơi cư trú bằng cách sử dụng lớp ô tô chứa đầy rác thải nhựa và xi măng để tạo thành các bức tường.

Sư Ottamasara ước tính cho đến nay, 2 tấn rác thải nhựa - tương đương khoảng 200.000 chai nhựa - đã được tái chế, tiết kiệm được khoảng 10.000 USD.

Các nhà chức trách Miền Điện không thường xuyên tổ chức tái chế, trong khi có khoảng 2.500 tấn rác bị vứt ra mỗi ngày ở Yangon,

thường là vút trên đường bộ và đường thủy, hoặc đốt.

(Reuters - September 13, 2020)



Sư trụ trì Ottamasara, người điều hành trung tâm thiền Thabarwa, và chai nhựa tái chế—Photos: Reuters & swissinfo.ch



ẤN ĐỘ: Đức Đạt Lai Lạt Ma kêu gọi Hành động Thống nhất Toàn cầu về Biến đổi Khí hậu

Vào ngày 12-9, trong một thông điệp video từ nơi cư trú của mình ở miền bắc Ấn Độ, Đức Đạt lai Lạt ma kêu gọi những người tham dự cuộc họp ảo gồm các diễn giả quốc hội thuộc G7 cần có hành động khẩn cấp, thống nhất để ứng phó với cuộc khủng hoảng biến đổi khí hậu toàn cầu.

Nhà lãnh đạo tinh thần Tây Tạng đã kêu gọi các quốc gia đại diện bởi Hội nghị Diễn giả G7 (có tiêu đề "Giải quyết Khủng hoảng Khí hậu bằng Công bằng Kinh tế và Môi trường cho tất cả mọi người") xem xét những nguy cơ của biến đổi khí hậu - và những đau khổ mà chúng gây ra cho hàng triệu người trên thế giới - một cách nghiêm túc, và có hành động về vấn đề này từ một quan điểm tổng thể.

Hội nghị thượng đỉnh nói trên do diễn giả của Hạ viện Hoa Kỳ, Nancy Pelosi, chủ trì - bản thân bà là người ủng hộ thẳng thắn khu vực Hy Mã Lạp Sơn.

Hội nghị đã quy tụ các đối tác lập pháp từ Canada, Liên minh châu Âu, Pháp, Đức, Ý, Nhật Bản và Vương quốc Anh.

(Buddhistdoor Global - September 14, 2020)



*Đức Đạt lai Lạt ma
Photo: youtube.com*

NHẬT BẢN: Tượng Phật có niên đại hơn 600 năm của nhà điêu khắc bậc thầy Kaikei tại triển lãm mùa thu ở Kyoto

KYOTO-- Tại một cuộc triển lãm đặc biệt của Kyoto vào mùa thu năm nay, công chúng sẽ có cơ hội hiếm hoi để chiêm ngưỡng các bảo

vật văn hóa vốn thường đóng cửa với công chúng. Các hiện vật này sẽ được trưng bày tại các đền chùa khác nhau trên khắp cố đô.

Trong số các tài sản văn hóa có giá trị nói trên, triển lãm sẽ trưng bày một tác phẩm nghệ thuật của nhà điêu khắc bậc thầy Kaikei cách đây hơn 600 năm. Đó là tượng Phật Hokan Amida Nyorai ngồi cao khoảng 72 cm, có từ Thời Kamakura (1185-1333), sẽ được trưng bày từ ngày 15-10 đến ngày 1-11-2020 tại Hidenin, một phần của khu phức hợp chùa Sennyuji ở phường Higashiyama của thành phố Kyoto.

Vào năm 2009, các nhà nghiên cứu đã xác định tượng nói trên là một tác phẩm của nhà điêu khắc Kaikei sau khi họ phát hiện ra văn bản viết bằng mực bên trong đầu của tượng. Các nhà nghiên cứu này hầu hết đến từ Bảo tàng Quốc gia Kyoto và Bảo tàng Lịch sử Thành phố Otsu ở tỉnh Shiga lân cận.

(Tipitaka Network - September 14, 2020)



*Tượng Phật Hokan Amida Nyorai, tác phẩm của nhà điêu khắc Kaikei vào Thời Kamakura (1185-1333)
Photos: tipitaka.net*

TỰ VẤN

*Hỏi mình có lúc giống ai ?
Nửa Sa Tăng- nửa Như Lai đồng hành
Biển đời vạn nẻo chong chanh
Khởi nguyên: nhân, quả ngọn ngành tại tâm...*

BÁT NHÃ

*Thời kinh vừa tụng thom trời đất
Mà cánh chim về cũng ngủ yên
Sáng ra Bát Nhã bưng tâm thất
Rụng trắng ngoài sân: hạt lựu phiền*

HỒI HƯƠNG

*Ai hồi hương, thời kinh chiều đã vãng
Ta nghe chuông đời, kiếp chẳng bao lâu
Khi máu thịt đã nằm yên trong đất
Có ta không? hồi cát bụi nhiệm màu*

*Tụng Hoa Nghiêm, ngồi dưới chân Bồ Tát
Ngày vãng sanh không còn nghiệp hoan mê
Xin hồi hương, tạ ơn đời vô lượng
Nghĩa, tình thom đã trọn chón đi, về...*



thơ XUYÊN TRÀ

BIỆN TRUNG BIÊN LUẬN TỤNG THÍCH

(Giải thích những bài Tụng của bộ luận Biện Minh Trung Đạo
và Nhị Biên, trích từ trong **Thái Hư Toàn Thư**)

Dịch Giả: **THÍCH THẮNG HOAN**

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo kỳ trước)

3> Mười Địa Chứng:
Bài Tụng:

“Biển Hành cùng Tội Thắng, Thắng Lưu và Vô Nhiếp, Tương Tục không sai biệt, vô tạp nhiễm thanh tịnh. Các thứ pháp vô biệt, và không tăng không giảm, bao gồm không phân biệt, v.v... bốn tự tại chỗ nơi Nghĩa (nơi Pháp Giới). Nơi mười Pháp Giới này, có không nhiễm vô minh, chứng công đức mười Địa, cho nên nói là mười Chứng.”

Giải Nghĩa:

Đây là giải thích Thập Địa (mười Địa) có mười chứng. Nhưng mười chứng đây đều chưa đặt tên, chỉ căn cứ theo chỗ chứng ngại nơi mười thứ pháp công đức mà giải thích mười chứng. Ngoài bộ Luận này ra, như Du Già, Thành Duy Thức, v.v... cũng có ghi bằng văn tự nói đến chỗ đoạn trừ mười trọng chứng của Thập Địa, nhưng Luận này chưa đề cập đến.

***1. Biển Hành** là nói: khi chứng được Hoan Hỷ Địa ban đầu, chỗ chứng chính là pháp giới chân như; pháp giới là nhân của tất cả Thánh pháp vô lậu, nguyên do chứng được chân như có thể phát sanh tất cả pháp tịnh, cho nên nơi Sơ Địa này gọi là Biển Hành Pháp Giới và cũng gọi là Biển Hành Chân Như. Biển Hành Chân Như chính là tánh thật hành bình đẳng biến khắp tất cả, không phân biệt tự tha bỉ thử. Nhưng trước khi vào Sơ Địa có thứ vô minh không nhiễm ô cũng có thể làm chứng ngại cho sự chứng ngộ Biển Hành Chân Như này, đó chính là Sơ Địa Chứng.

*** 2. Tội Thắng** là chỉ chỗ Ly Cấu Địa. Ly Cấu Địa là nơi chỗ có thể chứng đặng pháp giới lìa khỏi tất cả hành tướng của hữu vi, cho nên gọi là *Tội Thắng Chân Như*. Trước khi chứng đặng pháp giới này cũng có vô minh không ô nhiễm làm chứng ngại.

*** 3. Thắng Lưu** là chỗ chứng được pháp giới dòng thác tối thắng của Phát Quang Địa thứ ba. Nguyên do ở nơi Địa này định lực tăng lên và ở trong định có thể rộng nghe tất cả Phật Pháp Tổng Trì và tự tâm dung nạp tất cả Phật Pháp Tổng Trì nói trên thành Điều Pháp Quang Minh; những điều pháp đây đều là dòng thác tối thắng của Phật. Chứng được Địa thứ ba này gọi là Thắng Lưu Pháp Giới. Trước khi chưa chứng Địa thứ ba cũng có vô minh không ô nhiễm làm chứng ngại.

*** 4. Vô Nhiếp** là chỗ chứng được pháp giới của Diệm Huệ Địa thứ tư. Vô Nhiếp nghĩa là không có chỗ nhiếp thọ, chính là đối với Phật Pháp chỗ nghe được của ba Địa trước, ở nơi trong Địa này hóa thành Huệ Diệm, tiêu tan tất cả pháp ái, không đắm trước tất cả các pháp, nên gọi là Vô Nhiếp Chân Như. Trước khi chưa chứng Địa này, cũng có vô minh không ô nhiễm làm chứng ngại.

*** 5. Tương Tục Không Sai Biệt** là chỗ chứng được pháp giới của Địa thứ năm. Tương Tục, nghĩa là hữu tình, kể cả chính mình và mọi người trước sau đều lẫn nhau liên tục sai biệt. Nơi trong Địa thứ năm có thể chứng kiến tất cả pháp không có ba đời; kia và đây tất cả đều lẫn nhau liên tục thay đổi, cho nên gọi là pháp giới tương tục không sai biệt. Trước khi chưa chứng Địa này cũng



HT Thắng Hoan

có vô minh không ô nhiễm làm chướng ngại.

***6. Vô Tạp Nhiễm Thanh Tịnh** là chỗ chứng được pháp giới của Địa thứ sáu. Pháp giới chỗ chứng được đây, chính là quán chiếu thấy được tất cả các pháp thay đều bình đẳng như nhau, không có sai biệt, không có nhiệm tịnh. Trước khi chưa chứng Địa này cũng có vô minh không ô nhiễm làm chướng ngại.

***7. Các Thứ Pháp Vô**

Biệt là chỗ chứng được pháp giới của Viên Hành Địa thứ bảy. Các Thứ Pháp Vô Biệt nghĩa là chứng được tất cả mọi thứ pháp đều không sai biệt, chỗ gọi là có công dụng vô tướng. Trước khi chưa chứng Địa này cũng có vô minh không ô nhiễm làm chướng ngại.

*** 8. Không Tăng**

Không Giảm bao gồm không sai biệt, v.v..., bốn tự tại nương nơi nghĩa đây làm chỗ chứng Pháp Giới của ba Địa Sau kể từ Địa thứ tám đến Địa thứ mười. Địa thứ tám là địa vô tướng

vô công dụng hạnh. Chỗ chứng của Địa này chính là Chân Như không tăng không giảm, rất ráo không có tướng sai biệt, không thấy có phàm có Thánh, không thấy có mình có người, đây là công đức chỗ chứng được của Địa thứ tám. Lại nữa, công đức chỗ chứng được của Địa thứ tám có hai thứ tự tại của bốn thứ tự tại. Bốn thứ Tự Tại gồm có: một là Không Sai Biệt Tự Tại, hai là Tịnh Độ Tự Tại, ba là Trí Tự Tại, bốn là Nghiệp Tự Tại. Bốn tự tại nơi chỗ nghĩa tức là chỉ cho Pháp Giới Chân Như. Nhờ Địa thứ tám không mượn chức năng vận dụng, cho nên Trí Vô Phận Biệt vẫn thường phát khởi tự nhiên và vẫn thành thực tất cả pháp thiện, tức là tự tại vô phân biệt thứ nhất. Hơn nữa chứng vào Địa thứ tám này có thể thị hiện Tịnh Độ không bị chướng ngại và đối với tất cả sắc pháp, tâm tướng như thế nào liên biến hiện như thế đó. Trước khi chưa chứng Địa này cũng có vô minh không ô nhiễm làm chướng ngại.

*** 9. Bồ Tát** chứng Thiên Huệ Địa thứ chín thì đặng trí tuệ biện tài tự tại, nhờ trí tuệ mà sanh biện giải không ngăn ngại, cho nên Địa thứ chín đây mới là lúc thuyết pháp chân chánh để độ chúng sanh. Trước khi chưa chứng Địa này cũng có vô minh không ô nhiễm làm chướng ngại.

*** 10. Địa thứ mười**, Bồ Tát được nghiệp tự tại. Bình thường người học Phật đem nghiệp chữ nghĩa ra sử dụng thì hoàn toàn sai lầm, nghĩa là nghiệp đều không tốt, có chỗ gọi là nghiệp nặng chướng sâu; kỳ thật

ngiệp đây lại là rất tốt, trong đây chỗ gọi nghiệp tức là chỉ cho sự nghiệp. Ba nghiệp (*thân, miêng, ý*) của Bồ Tát tận bờ mé vị lai, không cùng không tận, đem lợi lạc hoá độ hữu tình khắp nơi pháp giới. Bồ Tát có được nghiệp dụng không thể nghĩ bàn cho nên gọi là nghiệp tự tại. Tức là Bồ Tát dùng các thứ thần thông tạo tác những sự việc của chỗ nên tạo tác, đây chính là Nghiệp Tự Tại. Trước khi được những sự nghiệp tự tại này cũng có vô minh không ô nhiễm làm chướng ngại.



Như thế mười Địa đều có mười chướng, danh xưng của mười chướng đây nơi Du Già thuyết minh tinh tế tường tận. Luận này chỉ nói một câu tổng quát là: nơi mười pháp giới đều có vô minh không ô nhiễm. Vô minh không ô nhiễm cũng gọi là vô tri không ô nhiễm. Chúng loại vô minh cộng chung có hai thứ:

Một là vô minh ô nhiễm, chính là thứ vô minh thường phát khởi nghiệp cảm sanh tử. Vô minh ô nhiễm chưa đối trị thì không những không thể thành tựu Bồ Đề, mà lại còn bị lưu chuyển sanh tử; cho nên Nhị Thừa La Hán tất nhiên cũng đối trị thứ vô minh nói trên, vì vô minh này thường phát sanh hành nghiệp trong mười hai Chi.

Hai là vô minh không ô nhiễm, nghĩa là đối với vạn hữu nhân quả sai biệt của thế gian và xuất thế gian không thể hiểu biết hoàn toàn, nên gọi là vô minh. Vô Minh đây chỉ chướng ngại nơi Phật và Bồ Tát nhưng không chướng ngại nơi hàng Nhị Thừa. Hàng Nhị Thừa chứng Niết Bàn không cần đối trị Vô Minh nói trên cũng có thể giải thoát. Trong bản Luận này chỗ trình bày rõ mười Địa Chướng đều là căn cứ nơi Thập Địa mà thuyết minh, chính là chỉ cho công đức của mười Địa Chướng làm chướng ngại sự thành Phật. Cho nên tụng nói rằng: chướng ngại công đức của Thập Địa gọi là mười Địa Chướng.

d)- Thông Báo Kết Thúc:

Bài Tụng:

“Đã trình bày các phiền não, và các sở tri chướng, có thể hai đây đã hết, tất cả chướng giải thoát.”

Giải Nghĩa:

Bài Tụng đây là đem năm chướng đã trình bày ở trước, chín thứ phiền não chướng, nhân chướng của mười pháp thiện, chân thật chướng của Giác Phần, vô thượng chướng của mười Độ, thành tựu sai biệt chướng của mười

Địa, gom chung lại không ngoài hai chướng: một là phiền não chướng, hai là sở tri chướng. Tụng nói rằng: đã trình bày các phiền não và các chướng sở tri do các văn Tụng ở trước đã thuyết minh chính là chỉ cho phiền não và sở tri. Như Chín Kết chính là chỉ cho Phiền Não Chướng, mười Địa chính là chỉ cho Sở Tri Chướng, năm chướng và giác phần thì quan hệ nơi hai chướng là phiền não và sở tri. Phiền não chướng thì thường cảm thọ khổ não sanh tử trong ba cõi; phiền não chướng này nếu không đối trị thì không thể giải thoát sanh tử. Sở tri chướng, sở tri tức là chỉ cho cảnh giới. Sở tri chướng nghĩa là đối với nguyên lý tánh tướng của các pháp thuộc cảnh giới lẽ ra phải biết rành, trái lại không thể biết rõ, cho nên có chỗ gọi là vô tri, vô năng, vô lực. Còn chữ Chướng ở đây là chỉ cho sự chướng ngại nơi thành Phật, mà không chướng ngại nơi Nhị Thừa La Hán. Phiền não là cộng chướng, còn sở tri là không cộng chướng. Hai thứ chướng đây ở trong đạo pháp Đại Thừa cho là có thể cùng tận và khi hai chướng đã cùng tận thì tất cả chướng đều cùng tận. Nguyên do hai chướng nói trên thuộc về hoặc chướng và bản chất của chúng là nghiệp khổ, vì thế hai chướng một khi đã cùng tận thì nghiệp khổ cũng cùng tận theo, cho nên nói hai thứ (hoặc và nghiệp khổ) đã cùng tận thì tất cả chướng đều cùng tận. Nhưng tại sao nơi Phẩm Biện Tướng lại trình bày Phẩm Chướng? Do bởi nó chướng ngại cho nên mới có pháp đối trị, nếu nó không chướng ngại thì không cần phải tu pháp đối trị. Phật Pháp tất nhiên phải tu đối trị trước đã, rồi sau đó mới loại trừ chướng; như người uống thuốc, trước phải khám bệnh, rồi sau mới có thể trị bệnh. Dưới đây trong ba đoạn biện cảnh, biện thứ ba là thuộc về biện minh tướng chân thật trong đó có pháp nhiệm của không chướng ngại. Thanh tịnh chân thật nếu như có nhiệm chướng thì phải như thế nào mới có thể lìa khỏi nhiệm chướng và đối trị bằng cách nào để được thành thanh tịnh? Đây chính là Phẩm Chân Thật thứ ba sẽ thuyết minh đại nghĩa.

(còn tiếp)

MÙA ĐÃ VÀO THU

*Tháng năm bước đời dong ruổi
Hay đâu mùa đã sang thu
Trông về phương mây trắng nổi,
Một chiều hoang tái tâm tư.*

*Êm êm theo từng bước nhỏ
Tóc mây trắng điểm bao giờ!
Ta nghe nổi niềm dâu bể,
Giọt buồn rụng xuống cung tơ.*

*Ta nhớ ngày xưa, ngày xưa
Tao nói từ thuở giao mùa.
Cánh cò bay vào năm tháng
Ca dao còn nghe sớm trưa.*

*Tháng năm đời còn xuôi ngược.
Mẹ vẫn cho con mùa xuân
Tháng năm con còn đếm bước
Bây giờ bóng mẹ phù vân.*

*Hạt muối còn hương vị biển
Hạt gạo còn thơm hương đồng.
Bóng mẹ khói sương từ độ...
Nước nguồn, cây cội... mênh mông.*

*Ngàn xưa tiếng chuông thiên cổ
Vẫn còn vọng bên trâm luân.
Ngàn sau bóng người Mục Tử,
Vẫn còn dâng bát cơm hương.*

*Chao ôi, thu đã sang rồi!
Gió chiều hiu hắt vàng rơi bóng chiều.
Chạnh niềm trên bến cô liêu,
Mây Tân trắng nẻo lòng hiu hắt lòng!*



thơ

MẠC PHƯƠNG TỬ

South Dakota, vào thu 2020

VU LAN 2564-2020

NHỚ ƠN NHỊ VỊ HÒA THƯỢNG “ĐỨC NIỆM VÀ MÃN GIÁC”

Điều ngự tử Tín Nghĩa

ĐOÀN VĂN / TÙY BÚT

Tôi đến định cư tại Hoa Kỳ, thành phố Los Angeles vào ngày 19-09-1979. Phi cơ 747 của hãng PAN AM đưa tôi từ Hương Cảng (Hongkong) đến nhập cảnh tại Honolulu. Suốt 20 tiếng đồng hồ trên máy bay; đến Los Angeles độ khoảng chừng 16 giờ 30' chiều và được Thầy Tánh Thiện ra đón. Nhận hành lý xong, về thẳng đến chùa Việt Nam (*Tất cả những gì mà thời gian sinh hoạt ở đây, chúng tôi có thuật qua phần "Trên Đất Hoa Kỳ" trong cuốn "Những Bước Chân Đi Qua", từ trang 137 trở về cuối sách*).

Mặc dầu, bản thân chúng tôi sống ở thành phố Los Angeles chỉ được 18 ngày, nhưng sinh hoạt của chúng tôi cũng có phần liên quan đến đạo tình chư Tôn đức và bằng hữu khá đặc biệt. Ví dụ như: Mới nghĩ được một ngày một đêm, thì Ôn Mãn Giác dẫn đi bộ qua xem một siêu thị gần đó cách chùa Việt Nam 45 phút. Ôn nói:

- Thầy này dẫn Tín Nghĩa đi tới chỗ ni cho biết cầu thang máy, cầu thang vượt. Ngày thầy này ở Sài Gòn vẫn chưa có những thứ như rúa.

Tôi thưa:

- Thưa ôn, con ở Hongkong, siêu thị và những thứ như thế này đều có đủ và cũng có xử dụng qua rồi. Ôn tiếp:

- Tưởng Tín Nghĩa chưa biết, thầy dẫn đi cho biết.

- Con cảm ơn ôn...

Được ba ngày thì Hòa thượng Đức Niệm cho đi tham quan phố Tàu bằng xe bus. Thứ Bảy ngày tuần đó, đạo hữu Hồng Quang cho đi chơi ngắm cảnh ở Disneyland. Chủ nhật gặp, nói chuyện cùng Phật tử và đồng hương tại chánh điện chùa Việt Nam. Trong buổi gặp gỡ này có quý ngài Thiên Ân, Mãn Giác, Đức Niệm, Trí Chơn, Thiện Thanh, thầy Đồng Trung và Giáo sư Trần Quang Thuận. Sau hơn một tiếng rưỡi tâm tình với Đại chúng, Hòa thượng Thiên Ân đứng dậy chúc mừng bản thân chúng tôi vài câu và ngài tiếp:

- Chúng tôi bảo trợ thầy qua đây là để cùng nhau làm Phật sự. Thầy trả ơn hai chúng tôi (*Ôn Thiên Ân, Ôn Mãn Giác*), bằng cách lên làm Lãnh đạo Tinh thần Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam tại Denver, tiểu bang Colorado.

Chúng tôi thưa:

- Quý Ôn dạy như thế nào, con thuận hành như thế đó.

Hòa thượng Trí Chơn nói:

- Để cho tui đón thầy về thăm chùa Vạn Hạnh, San Diego tuần tới rồi hãy đi Denver.

Ôn Mãn Giác bảo:

- Nói thì nói rúa, nhưng để cho thầy khỏe rồi sẽ đi, thầy này cũng chưa mua vé...

Sáng thứ hai kế, chúng tôi được ôn Trí Chơn cho về thăm chùa Vạn Hạnh, nơi ngài đã dày công sáng lập, tạo dựng và nuôi dưỡng rất công phu. Tất cả những sinh hoạt cộng đồng ngoài đời hay trong đạo đều dồn vào ngày cuối tuần. Phật Giáo cũng không ngoại lệ.

Ngày thứ Năm tuần đó, ôn Trí Chơn mượn xe và nhờ một Phật tử cho đi tham quan những cảnh trí nhân tạo của vùng San Diego, đặc biệt là sở thú.

Trở lại chùa Việt Nam, và đúng ngày 07 tháng 10 năm 1979, Hòa thượng Mãn Giác hướng dẫn bản thân chúng tôi lên vùng tuyết lạnh Denver, chùa Việt Nam với trách nhiệm mới, bắt đầu cuộc sống mới lạ.

Tiền chân hai thầy trò chúng tôi ra phi trường Los Angeles gồm: Ôn Thiên Ân, ôn Mãn Giác, ôn Đức Niệm, thầy Trí Đức, thầy Đồng Trung và thầy Tánh Thiện.

Trước khi lên máy bay, Ôn Thiên Ân nói với chúng tôi rằng:

- Có lẽ thầy (tức là Tín Nghĩa tôi) cũng thuộc trường hợp đặc biệt, chứ đời tôi ít đưa đón ai lắm. Ngay từ hồi còn ở quê nhà cũng thế.

Ôn Đức Niệm cười và tiếp:



- Hòa thượng Thiên Ân nói đúng.

Rồi hai thầy trò chúng tôi chào quý ngài và vào máy bay đi Denver.

Bản thân chúng tôi làm việc ở Denver, chùa Việt Nam địa chỉ tạm là 369 S. Pearl Road. Làm việc ở đây gần 13 tháng, sau đó xin từ chức về cùng cộng trú với Hòa thượng Thích Đức Niệm, đương kim Giám đốc và là Khai sáng Phật Học Viện Quốc Tế. Địa chỉ tạm thời mượn một phần của Đại học Đông Phương mà Hòa thượng Thích Thiên Ân, vừa khai sáng kiêm Giám đốc, ở đường New Hampshire. Viện trưởng là Dr. Leo Pruden và Ôn Đức Niệm cũng là đương kim Phó Viện Trưởng của Đại học này.

Ngày Hòa thượng Thiên Ân còn sinh tiền, Ngài bảo: Hai bên này là của Đại học Đông Phương. Tôi rất vui khi đứng ở đây nhìn về chùa Việt Nam mà tôi cứ liên tưởng như đang là đứng ở Đàn Nam Giao nhìn về Đại nội Huế... Hòa thượng vừa nói vừa cười rất sụng sướng và gần như tin tưởng, chúng tôi và Ôn Đức Niệm cười xòa lên.

Về với Hòa thượng Thích Đức Niệm, hằng ngày học đóng kinh sách do Phật Học Viện xuất bản, Hòa thượng thì cấp tập đi học Anh Văn, mười một giờ về và cùng ăn cơm với nhau. Nghỉ trưa, độ 2 giờ 30 chiều, thức dậy gói kinh sách gửi đi quý chùa và Phật tử khắp Hoa Kỳ, Canada. Một ngày như mọi ngày. Phần bản thân chúng tôi sau khi xong việc ở Viện thì chạy bộ qua chùa Việt Nam chơi với quý thầy và thăm hỏi ôn Mãn Giác. Bạn bè giao thiệp về chư tôn đức thì có quý thầy Tịnh Từ, Minh Đạt, Nguyễn Đạt, Thiện Thanh và Đồng Trung. Thịnh thoảng có dạy cho thầy Tánh Thiện những bài tán hương cúng Phật tượng đối phổ thông cả hai loại vừa tán xấp, vừa tán rơi... Thầy Tánh Thiện là mẫu người dễ tính, thích học hỏi nhất là phần nghi lễ. Ai nói gì thầy cũng cười. Còn quý đạo hữu thì có Giáo sư Kiêm Đạt, Hồng Quang, Hoàng

Phấn, Bùi Ngọc Đường, Lý Khôi Việt...

Nhờ giao du với anh Hồng Quang, mà anh đã tận tình hướng dẫn và giới thiệu với ông bà Lê Viết Tấn ở Irvine; từ đó, chúng tôi bắt đầu làm nghề cắt cỏ, vừa có tiền gửi phụ giúp mẹ già và gia đình ở quê nhà, vừa trả tiền hàng tháng cho chiếc xe mới mua (*qua Mỹ năm 79, mua xe năm 1980*), mặc dầu có ôn Đức Niệm có cho mỗi tháng là 150 US.

Nhờ làm nghề cắt cỏ một thời gian mà chúng tôi dồn và trả dứt chiếc xe trong vòng bốn tháng.

Tôi còn nhớ một lần gia đình Giáo sư Nguyễn Long đang giảng dạy tại học Berkeley, ở miền bắc California ghé thăm Phật Học Viện Quốc Tế với chiếc xe cũ kỹ, thật tội nghiệp. Gặp chúng tôi, anh Long cười và tâm sự:

- Con là đệ tử Hòa thượng Thích Thiện Minh, hiện dạy học ở Berkeley rất khó khăn, không chu cấp lo liệu cho vợ con được tạm đầy đủ. Tiền nhà đắt đỏ, chưa biết tính sao đây!

Chúng tôi buộc miệng nói nhanh:

- Anh bỏ nghề giáo đi, về đây theo Hồng Quang, Hoàng Phấn làm nghề cắt cỏ. Bảo đảm với anh trong vòng gần năm hơn thì anh sẽ có cuộc sống sung túc, nhà cao cửa rộng, miễn anh chịu khó thì đừng lo gì cả về mặt vật chất. Tôi thấy ở Mỹ đây ai có sức khỏe, chịu khó thì rất dễ kiếm tiền để tự sống. Chỉ có người hèn chứ không có nghề hèn. Cuộc sống ở đây rất tự do, thoải mái, không ai xoi mói, dòm ngó chi cả... Anh nên mạnh dạn đưa gia đình về dưới này đi.

Anh nghe chúng tôi nói thế, anh cười:

- Để con thu xếp.

Sau đó anh thật sự giã từ Đại học Berkeley, đưa vợ con về miền nam Cali để sinh sống và bắt đầu làm nghề cắt cỏ từ dạo ấy.

Quả thật, chưa đầy hai năm anh tậu một sở nhà cửa khang trang giá bạc triệu vào

những năm 1983, 1984. Và, Giáo sư Nguyễn Long cung thỉnh Ôn Mãn Giác và Đại chúng chùa Việt Nam trong đó có Ni sư Hạnh Thanh tháp tùng đến tận nhà để làm lễ an vị Phật và cầu an cho gia đình.

Trong Đại hội của Tổng vụ Cư sĩ được trang trọng tổ chức tại Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại vào các ngày 25, 26 và 27 tháng 04 năm 2003, thì Giáo sư Long là một thành viên và có đóng góp bài tham luận.

Nhờ giao du với Giáo sư Kiêm Đạt, nên anh cũng hướng dẫn bản thân chúng tôi cách viết văn và tập lần lần đến cách viết lách nhiều hơn. Cũng nhờ anh Kiêm Đạt giới thiệu mà được kết thân với Thi sĩ Du Tử Lê, nhà văn Nhật Tiến, nhà văn Mai Thảo và Triết gia Nguyễn Bích Lan tức nhà thơ Nguyên Sa. Sau này Triết gia Phạm Công Thiện về sống với Ôn Mãn Giác thì anh Thiện cũng hay giao du với chúng tôi. Có hai lý do: một là anh không có xe, hai là anh biết chúng tôi quen thân với nhà xuất bản Đại Nam ở thành phố Glendale. Nhà xuất bản này cũng xuất bản tác phẩm của chúng tôi là "Cốt Tủy Nghi lễ Phật Giáo", ra đời tháng 07 năm 1983; cho nên, cứ một hoặc hai tuần lên nhà xuất bản này một lần để anh Phạm Công Thiện nhờ in ấn lại những tác phẩm của anh từ xa xưa. Vì cũng là tay trắng nên nhà xuất bản trả giá cũng không mấy ngon lành, nhưng anh đành cam chịu.

Khi ra về, trên xe anh tâm tình:

- Thầy Tín Nghĩa biết không? Đời người thăng trầm khó biết. Ngày tôi còn ở quê nhà khi đang giảng dạy ở Đại học Vạn Hạnh; tác phẩm nào mới ra lò là đã có vài ba vị xin ấn hành ngay, qua đây thê thảm thật!

Chúng tôi an ủi:

- Kệ thầy đi anh ơi! Qua đây rồi, ai có chút máu mặt là khác liền. Thôi thì mình sống cho mình. Họ chịu in và anh cũng có chút đỉnh để tiêu xài là quý rồi.

Riêng anh Trần Kiêm Đạt, thì có phần khảng khái hơn. Cứ mỗi hai tuần chờ anh đi Santa Ana để giao bài và thu nhuận bút; do đó, anh rất vui vẻ với chúng tôi. Còn thi sĩ Du Tử Lê, khi quen thân rồi, anh nói:

- Khi nào thầy có tác phẩm thơ thì cho hay để anh giới thiệu đề tựa cho và anh cũng đã viết giới thiệu trong tập thơ "Trúc Lâm Thiền Phái Thi Tập," đã ra mắt với bàn dân thiên hạ ngày Lập đông Nhâm Thìn 2556 - 2012.

Cứ vài ba đêm, chúng tôi tụ tập tại nhà anh Bùi ngọc Đường để bàn tán chuyện làm báo gồm các anh Đỗ Hữu Tài, anh Lý Khôi Việt, nhà thơ Phan Bội Căn; vì vậy mà tờ Nguyệt san Khai Phóng ra đời; tuy nhiên chỉ ra đều được bảy hay tám số gì đó; vì điều kiện tài chánh nên cứ vài tháng hoặc hơn thì ra được một số và đến số 13 thì đình bản. Ban biên tập tùy duyên, mạnh ai nấy sống.

Nói về sinh hoạt chung bên cạnh nhị vị Hòa thượng Thích Đức Niệm và Hòa thượng Thích Mãn Giác thì:

Với ôn Đức Niệm thì cùng cộng trú và ăn uống chung. Ngày chúng tôi chưa về với Ngài, hằng ngày đúng 11 giờ 30 trưa là ngài mặc áo qua ăn cơm tại chùa Việt Nam. Một ngày một lần cho đến khi tôi về thì ngài không còn ăn như trước nữa, cho đến ngày Phật Học Viện Quốc Tế tìm được chỗ mới là địa điểm bây giờ; hai chúng tôi dọn về đó, có lối sinh hoạt riêng, thỉnh thoảng có về chùa Việt Nam họp một vài Phật sự có liên hệ chung.

Với ôn Mãn Giác, thì xong nhiệm vụ với ôn Đức Niệm liền chạy qua chùa Việt Nam, khi thì giảng pháp cho lớp thọ Bát quan Trai giới; khi thì cúng Thí thực Cô hồn; hoặc giảng Giáo lý và sinh hoạt với Gia đình Phật tử Long Hoa, trong đó có hai cô con gái của Giáo sư Thuận đang sinh hoạt (*mà cô trưởng nữ Trần thị Túy Như còn giữ tinh thầy trò rất đạo vị cho đến bây giờ*); hoặc dò bài cho tờ nguyệt san Phật giáo Việt Nam trước khi đem in; hoặc chỉnh đốn một vài việc trước khi có đại lễ Phật đản hay Vu lan diễn ra. Những lễ lớn như thế, bản thân chúng tôi túc trực thường xuyên cho đến ngày lên Phật Học Viện ở thành phố North Hills, vừa đi học, vừa làm Phật sự... Viện cách thành phố Los Angeles 45 phút lái xe, nếu xa lộ không bị nghẽn.

Nói tóm, sinh hoạt Phật sự bên cạnh nhị vị Hòa thượng, thì, Với Hòa thượng Thích Đức Niệm đậm đà hơn, gần bó nhiều hơn dưới nhiều phương diện. Ngày chúng tôi rời Phật Học Viện Quốc Tế để kiến lập Tổ Đình Từ Đàm Hải Ngoại vào tháng 11 năm 1981; hằng năm vẫn về với Viện ít nhất là hai lần lễ lớn. Ngày Ôn Đức Niệm quấy gọt quy tây, một năm ít nhất là ba lần: Giỗ ôn Đức Niệm, Phật Đản và Vu Lan, thỉnh thoảng có thêm Rằm tháng Mười.

Vì vùng đất sinh hoạt ở xứ cờ Hoa quá rộng, phương tiện đi lại cũng rất tốn kém, nên khi nào về Phật Học Viện cũng lái xe về viếng thăm chùa Việt Nam, thăm Ôn Mãn Giác đều đều như thế.

Khi hai Ngài hầu Phật, những kỷ niệm qua hình ảnh và dư âm thì còn đó, nhưng những cái linh động như cười nói, uống trà, tham vấn Phật sự thì đã đi vào dĩ vãng. Tiếc thật.

Nhơn mùa Vu lan Thăng hội năm Canh tý - 2020 này, bút giả viết lên lời tri ân đến chư Tôn đức đồng sự pháp lữ đã từng cùng nhau chung lo Phật sự ở hải ngoại dù còn trụ thế hay đã xa rời bến mê để về bờ giác, đều là những kỷ niệm đẹp cho bút giả. Thành kính chúc mừng và tưởng niệm.

Mạnh Thu Canh tý - Aug. 28th, 2020

THỜI QUỲ MỘNG

Một thế giới thúc thủ
Bây quỳ nhỏ* nghênh ngang
Gieo trò chơi sinh tử

Một thế giới âm đạm
Cuồng phong vô hình sóng
Phương nào cũng vỡ toang

Một thế giới trời vo
Rọ trùng vây bây quỳ
Run đêm dày tiếng ho

Một thế giới chết tươi
Phổ lạnh băng tiếng người
Chẻ chia nghìn biên giới

Một thế giới tức tươi
Nhìn nhau lạ hay quen
Cô đơn buồn mặt nạ

Một thế giới lặng lẽ
Màu sắc của nụ cười
Chìm trong mảnh khăn xô

Đong sao vừa nước mắt
Nói sao tròn vòng ôm
Bập bênh nhau khoảng cách

Vô tận sâu đêm dài
Quan tài theo quan tài
Đưa nhau về huyết mộ

Sống tận cùng mộng dữ
Độ sức cùng sa tăng
Mặt trận người áo trắng

Quay cuồng phương tự vệ
Người mất bên người còn
Ngày đêm vây mộng quỳ

Nhìn cho thấu trời xanh
Nói cho cùng đất thẳm
Khóc cho rên điều linh

...

Dài bao nhiêu lời nguyện
Bây nhiêu nhịp tim cùng
Vực nhau qua bóng chết

Mặt trời bùng chân phố
Dầu chám hết thật to
Sau đêm dài ác mộng

Gọi nhau ngày nắng mới
Mùa sống sót reo hò
Đông vui người đi tới

Nơi quán xá công viên
Lại tay bắt mặt mừng
Lại hôn nhau đắm đuối

Lại thấy môi son đỏ
Lại nghe nhịp giày cao
Reo vui trên hè phố

Lại thấy xe và xe
Sáng đưa con đi học
Chiều đón con về nhà

Lại thấy xin lại thấy
Những điều rất bình thường
Mà xưa giờ quên thấy...

thơ

NGUYỄN THỊ KHÁNH MINH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT VIỆN TĂNG THỐNG

Phật lịch: 2564 – Số: 04/VTT/KTUT/TKT

THƯ KHÁNH TUẾ

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

Kính gửi:

- Chư Tôn Trưởng Lão,
- Chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng-già nhị bộ

Kính bạch Chư Tôn đức, Ba tháng Hạ an cư đã qua, Tăng tự tứ cũng đã viên mãn, và tháng Hậu Ca-đề cũng bắt đầu. Đây là thời gian mà một số điều Phật chế định được nói lòng để cho chúng đệ tử có thể bổ túc những nhu cầu thiếu sót trong đời sống hằng ngày. Cùng chung niềm vui của bốn chúng, nương theo uy đức Tăng-già, tôi kính gửi đến Chư Tôn đức lời chúc mừng đã hoàn mãn ba tháng tịnh tu trong nguồn Pháp lạc tịnh diệu, phước trí tư lương sung mãn.

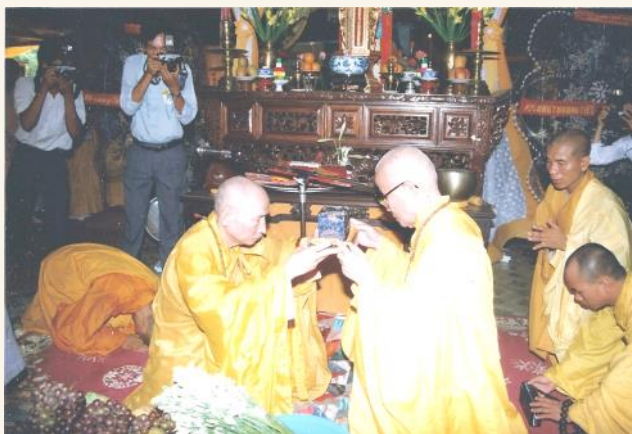
Nhân đây, thỉnh nguyện Chư Tôn Trưởng Lão cùng hòa hiệp thảo luận một số vấn đề, từ những nhu cầu sinh hoạt thường nhật, tất yếu không thể tách ngoài các mối quan hệ xã hội mà bản chất là hư danh và lợi dưỡng, nếu vượt quá giới hạn mà Đức Thích Tôn đã thi thiết, sẽ dẫn đến, và thực tế như đang thấy, đã dẫn đến tình trạng mâu thuẫn, phản hóa trong cộng đồng chúng đệ tử xuất gia, khiến cho những ai không tin Phật pháp lại càng không tin, những ai đã tin thì tín tâm dao động và thoái thất.

Tăng-già, chúng đệ tử mà Đức Thích Tôn đã thiết lập bằng Pháp và Luật thiện thuyết, liên tục truyền thừa không gián đoạn, trải qua trên 2500 năm, hoằng hóa trên một phạm vi rộng lớn, cho đến nay đã hiện diện khắp năm châu. Do bối cảnh lịch sử, địa lý, truyền thống văn hóa, tín ngưỡng dị biệt trong mỗi địa vực và dân tộc khác nhau mà Giáo pháp được truyền đến, mỗi nơi tiếp thu phù hợp với truyền thống cá biệt của dân tộc mình, đã không làm lu mờ truyền thống ấy mà còn hỗ trợ phát huy những giá trị cá biệt của dân tộc thành những giá trị phổ quát của nhân loại, đồng thời cũng không làm thay đổi Chân lý mà Đức Thích Tôn đã chứng ngộ và công bố vì mục đích an lạc của tất cả mọi loài chúng sinh.

Trong lịch sử hoằng hóa lâu dài, Tăng-già, chúng đệ tử Phật, tự thể vốn thanh tịnh và hòa hiệp, là cỗ xe vững chắc mà Đức Thích Tôn đã tác thành có đầy uy đức để đưa ánh sáng Chánh pháp đến nơi xa xôi, vượt qua những bão tố giữa Ấn độ dương và Thái bình dương, vượt qua dải sa mạc nối liền hai nền văn minh lâu đời của nhân loại, chỉ bằng đức từ vô lượng, không bằng bất cứ bạo lực, quyền lực thống trị nào vốn đã nhuộm đầy máu và nước mắt bởi tham dục, hận thù.

Sức mạnh ấy do đâu? Tất nhiên không từ gươm giáo, mà từ thể tính thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già. Tăng-già, tuy không phải thuần nhất là cộng đồng của các Thánh giả mà là Thánh phàm đồng trụ, được Đức Thích Tôn thiết lập và đặt vào hàng Tam Bảo, là nơi nương tựa an toàn cho những ai tìm cầu an lạc cho bản thân, định hướng cho ý nghĩa sinh tồn của mình trong đời này và trong nhiều đời sau.

Các cộng đồng thể gian, tụ tập nhiều thành phần khác nhau thành một khối vì



HT. Thích Nhật Liên kính cẩn dâng ấn tín Lương Viện lên HT. Thích Huyền Quang, năm 1992, trong tang lễ Đại Lão Hòa Thượng Thích Đôn Hậu tại Chùa Linh Mục, Huế.



*Hội Đồng Lương Viện Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất
chụp ảnh lưu niệm tại Tu viện Nguyên Thiều, ngày 01.10.2003*

cùng chung mục đích quyền lợi thế tục, cùng lập những giá trị đạo đức để củng cố cộng đồng tồn tại trong môi trường đấu tranh sinh tồn. Giá trị đạo đức và tinh thần hòa hiệp đoàn kết sẽ biến đổi theo thời gian, khi mà thiên nhiên và lịch sử biến thiên khiến cho mục đích chung ban đầu trở thành mâu thuẫn tranh chấp. Những biến cố thiên nhiên và lịch sử đã thay đổi tâm tính con người.

Xã hội Việt Nam trong thời kỳ Pháp thuộc, với những giá trị truyền thống trong mấy nghìn năm dựng nước và giữ nước, dưới áp lực chính trị và tôn giáo của chính quyền thực dân, cũng phải dần dần biến đổi. Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh lịch sử đó cũng không thể đứng ngoài những biến đổi như vậy, tự thân cần phải tùy thuận biến đổi trước những cơ cấu tổ chức mới mẻ của các tôn giáo đến từ phương Tây, để không bị nhận chìm trong dòng xoáy thời đại, và cùng kết hợp với các phong trào yêu nước duy trì bản sắc và tính thể của dân tộc, để tồn tại với những giá trị truyền thống được tác thành bằng máu và nước mắt qua nhiều thế hệ. Ý thức về các tổ chức hội đoàn theo mẫu phương Tây được xây dựng, nhưng cơ cấu tổ chức một Giáo hội rập khuôn theo mẫu phương Tây thì không thể. Trước hết, theo luật pháp của chính quyền thực dân, và chính sách bảo hộ thuộc địa, Phật giáo không được thừa nhận như một tôn giáo. Thứ nữa, Giáo hội theo một cơ cấu trung ương tập quyền là điều đã không được Thích Tôn hứa khả, như thỉnh vấn của Tôn giả A-nan trước thời Đức Thế Tôn nhập diệt, và sau đó là giải thích của Tôn giả A-nan cho vị Đại thần của vua A-xà-lần Vũ-xá. Do vậy, vận dụng phương tiện

thiện xảo, Chư Tôn túc đã thiết lập các hội đoàn Phật giáo mà y xứ căn bản là Tăng-già, trong đó tụ hội các cư sĩ tại gia, từ tầng lớp lão thành cho đến thanh thiếu niên, vừa học đạo và hành đạo, thành tựu tín tâm kiên định trước các luồng tư tưởng triết học tôn giáo mới, và cũng trên cơ sở nhận thức đó, bằng nguồn lực gia trì bi-trí-dũng, mà hiển mình cho sự tồn vong của dân tộc, vì sự an lạc của muôn dân.

Sau Pháp nạn 1963, một Giáo Hội được thành lập, thống nhất các hệ Tăng-già, đồng thời hội tụ các hội đoàn cư sĩ: Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, gồm đủ bốn chúng, với một bản Hiến chương hoàn chỉnh trong bối cảnh bấy giờ, công bố mục đích và trách nhiệm đối với sự tồn vong của dân tộc và sứ mệnh hoằng truyền Chánh pháp.

Trong cuộc chiến huynh đệ tương tàn mang màu sắc ý thức hệ, giữa lúc các cường quốc đang đấu tranh về lại bản đồ quyền lực thế giới, một Giáo Hội gồm đủ bốn chúng, tuy căn bản sở y vẫn là Tăng-già thống nhất hai hệ truyền thừa, Nguyên thủy, và Đại thừa, bấy giờ thật sự khó tránh khỏi những chao đảo, bởi các thế lực chính trị quốc gia và quốc tế đã thông qua một số bộ phận cư sĩ khuynh loát Giáo Hội để tập hợp quần chúng nhân dân mà đại bộ phận là Phật tử phục vụ cho tham vọng thống trị. Tuy vậy, trong khi cán cân đấu tranh quyền lực đang được quân bình trong một xã hội dân chủ, Giáo Hội đã thể hiện kiên định lý tưởng phụng sự Đạo Pháp và Dân tộc. Nhưng một khi cán cân quyền lực lệch hướng, một quyền lực duy nhất làm chủ vận mệnh đất nước, cơ cấu Giáo Hội bị biến thể, một Giáo hội mới

được thành lập với định hướng Đạo Pháp – Dân tộc – Xã hội chủ nghĩa. Bộ phận chính yếu của Giáo hội mới vẫn là hai hệ Tăng-già, nhưng được đặt dưới sự chỉ đạo của Mặt Trận Tổ Quốc, cơ cấu ngoại vi của một Đảng chính trị chuyên chính, trực tiếp điều hành bởi Ban Tôn Giáo Chính phủ, nắm quyền duyệt ý các chức vụ của hàng giáo phẩm từ trung ương đến địa phương. Giáo hội ấy, được phép rao giảng Giáo lý nhưng phải phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa. Một định hướng mơ hồ trên cơ sở triết học biện chứng duy vật sử quan và cũng mơ hồ không kém khi áp đặt vào lịch sử Việt Nam, trong quá khứ cũng như hiện tại.

Cho đến khi hai vị Hòa thượng Thích Huyền Quang và Thích Quảng Độ được phóng thích, năm 1998, Đại hội VIII GHPGVNTN năm 1999, được triệu tập tại Hoa Kỳ theo quyết định từ ba vị lãnh đạo tối cao trong Giáo Hội: Hòa thượng Thích Đức Nhuận, nguyên Chánh Thư ký Viện Tăng Thống; Hòa thượng Thích Huyền Quang, Quyền Viện Trưởng Viện Hóa Đạo; Hòa thượng Thích Quảng Độ, Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo. Đại hội đã quyết định chính thức phục hưng cơ cấu tổ chức của Giáo Hội, tuy chỉ trong hình thái cơ cấu khung. Đại hội gồm các đại biểu của hai hệ Tăng-già chính thống, là những vị đã từng sinh hoạt trong Giáo hội vào thời chiến tranh, bấy giờ đang hành đạo trong ba châu lục: Châu Mỹ, Châu Âu và Châu Úc, đã đồng tâm nhất trí suy cử bốn vị lãnh đạo: Hòa thượng Thích Huyền Quang, Quyền Xử lý Viện Tăng Thống; Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Cố vấn Ban Chỉ Đạo Viện Hóa Đạo; Hòa thượng Thích Quảng Độ, Viện Trưởng Viện Hóa Đạo; Thượng tọa Thích Tuệ Sỹ, Tổng Thư ký Viện Hóa Đạo.

Đây là một Giáo Hội cơ cấu khung, các vị lãnh đạo đều ở trong nước, nhưng thực tế là một Giáo Hội lưu vong, vì mọi sinh hoạt Phật sự đều được ủy thác cho Văn phòng II tại Hoa Kỳ và Đại diện tại các châu lục, vẫn kiên định lập trường Đạo Pháp và Dân tộc, trong lý tưởng phụng sự dân tộc và nhân loại như đã được công bố trong bản Hiến chương nguyên thủy.

Một Giáo Hội dù trong thời kỳ chiến tranh khốc liệt đã tích cực đóng góp không nhỏ về các phương diện giáo dục, văn hóa, xã hội, cho một nửa nước đang cùng các cộng đồng thế giới xu hướng đến một nền văn minh mới, trong kỷ nguyên mới tổng hợp những giá trị tâm linh phương Đông với những tiến bộ khoa học kỹ thuật phương Tây, nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, Giáo hội ấy đã bị quyền lực thế gian cố tình vùi lấp vào quá khứ, ý đồ để cho thế hệ lớn lên trong hòa bình không hề biết đến. Tuy vậy, Giáo Hội vẫn kiên định lý tưởng phụng sự

Dân tộc – Đạo pháp trong hình thái cơ cấu khung, như ngọn đèn lu trước gió chẳng mấy chốc quá khứ lại được bùng sáng, một thế hệ mới được giáo dục trong chiến tranh, trưởng thành trong hòa bình dưới muôn vàn khó khăn, đến lúc đã nhận thức rõ sứ mệnh kế thừa. Từ những nhân tố đó, **Đại hội Nguyên Thiều năm 2003** được vận tập ngay trong vòng vây của lực lượng công an hùng hậu, Giáo Hội đã kiện toàn cơ cấu của hai Viện với sự tán trợ của Chư Trưởng lão đã từng là hàng Giáo phẩm Trung ương lãnh đạo Giáo hội trong thời chiến tranh bấy giờ đang lưu vong Hải ngoại. Ngay sau đó, **sư biến Lương Sơn** đã báo hiệu quyết tâm trấn áp của Chính quyền và những khó khăn mà Ban Lãnh đạo Giáo Hội cần đủ nghị lực và Tăng-già hòa hiệp để ứng phó.

Thế nhưng, trong tình trạng hận thù dân tộc kéo dài từ cuộc chiến huynh đệ tương tàn chưa nguôi, đất nước tuy hòa bình nhưng nhân tâm phân ly, xã hội phân tán, những năm tháng tủ nhục của các Phật tử trong các lao tù chưa được xóa nhòa, và nỗi đau của hàng vạn đồng bào lành đềm trước sống dữ và một số bị chôn vùi trong biển cả chưa được xoa dịu, đã nhanh chóng tác động lên Giáo Hội vừa phục hồi, nghi kỵ và mâu thuẫn bắt đầu xuất hiện, cơ cấu Giáo Hội bắt đầu có dấu hiệu phân hóa từ hàng lãnh đạo, nguy cơ sụp đổ là điều khó tránh. Thực tế, cơ cấu Giáo Hội lần lượt phân hóa thành những chi phần nhỏ, mâu thuẫn và tranh chấp ngày càng căng thẳng. Còn lại chỉ là danh xưng không thực tế, không còn là tiếng nói chung của bốn chúng đệ tử, dù im lặng hay công khai, trong một đất nước trên 90 triệu dân. Trong tình cảnh đó, Hòa Thượng Trưởng lão Thích Quảng Độ, trong cương vị Tăng Thống GHPGVNTN, tự nhận trách nhiệm của mình trước lịch sử, phương tiện tùy nghi vô thị bất khả, đã đình chỉ tất cả mọi sinh hoạt Phật sự của Viện Hóa Đạo, và chỉ còn mình Ngài đứng đầu Viện Tăng Thống, ngõ hầu chấm dứt những tranh chấp vì hư danh và địa vị không tương làm hoen ố bản thể thanh tịnh hòa hiệp của Tăng-già, gây nên những con rối trong cộng đồng bốn chúng đệ tử đồng tu.

Cho đến những ngày tháng cuối cùng, bằng các tâm thư, Đức Đệ Ngũ Tăng Thống đã thiết tha kêu gọi Tăng-già hòa hiệp. Một Giáo hội mà không y chí trên ý xứ Tăng-già hòa hiệp chỉ là một ngôi nhà trên bãi cát, lực tự tồn còn chưa đủ, nói gì đến hoằng pháp lợi sanh.

Ngưỡng bạch Chư Tôn Trưởng Lão, Thế giới đang lâm phải trận đại dịch, cùng với thiên tai trong nhiều khu vực trên thế giới, chưa từng có trong lịch sử. Đại nạn này vẫn chưa thể thức tỉnh nhân tâm trước nguy cơ hủy diệt. Sự suy thoái kinh tế, nạn



Lãnh đạo GHPGVNTN thọ trai tại Chùa Linh Sơn, Vạn Giã, Khánh Hòa, tháng 10.2003, sau khi rời Tu viện Nguyễn Thiều (Sự Biên Lương Sơn, trường thuật của TT. Tuệ Sỹ).

đói trên mức toàn cầu có nguy cơ xảy ra, một phần thức tỉnh tình người, nhưng phần khác lại là nguyên nhân cho tranh chấp quyền lực của các cường quốc đang rập tâm về lại bản đồ thế giới lại càng gay gắt. Thế giới vẫn điên đảo trong vòng quay không định hướng bởi những cuồng vọng của con người.

Sau Thế chiến II, tham vọng chiếm ưu thế trong cán cân quyền lực dưới nhiệt độ của chiến tranh lạnh đã đẩy dân tộc Việt Nam vào một cuộc chiến huynh đệ tương tàn, các thế hệ trẻ nối tiếp nhau ra chiến trường đổ máu cho những ý thức hệ mà ngay những kẻ lãnh đạo chiến tranh cũng không rõ đích thực nó mang chân lý và thông điệp gì cho nhân loại. Hậu quả là sau nửa thế kỷ hòa bình mà dân tộc vẫn lạc loài trong một thế giới mê mông, đất nước vẫn chưa tiến lên để bước vào cộng đồng văn minh nhân loại với những giá trị phổ quát đã làm nên phẩm giá con người. Trước hiểm họa khó lường có thể làm sụp đổ khối song hành Dân tộc – Đạo Pháp, Thầy Tổ của chúng ta, các vị Sư trưởng, tuy không quên lời cảnh sách “bất năng trị quốc an bang”, đã không ngần ngại bước ra khỏi sơn môn, từ chốn già-lam tịch tịnh tu trì, với kinh nghiệm chưa hề có trong đấu trường chính trị, đã có thể kiên trì giữ vững ý thức dân tộc.

Ngày nay, trước viễn tượng một dòng vận động phân chia lại quyền lực thống trị thế giới đang diễn biến, ngọn đèn Chánh pháp cần được thắp sáng như đã từng thắp sáng góp phần soi tỏ lối đi, như các Quân vương và trí thức Phật tử trong quá khứ đã cùng đại khời dân tộc vượt qua hiểm họa diệt vong, trí thức Phật tử Việt Nam hiện tại trong và ngoài nước từ sở học đến sở hành theo Giáo pháp, cùng với kiến thức thế pháp, cần có điều kiện để tập hợp chung một ý hướng, tạo nguồn nhận thức cho các thế hệ tương lai có đủ chất liệu sở tri, tự định hướng cho đời mình để phụng sự dân tộc. Thế nhưng, trí thức Phật tử trong nước theo con số thống kê

do Nhà nước công bố chưa đầy 5% so với gần 100 triệu dân số cả nước; với con số thống kê chính thức ấy, trí thức Phật tử Việt Nam chưa bằng phân nửa tổng số dân của Sài Gòn hiện nay, thế thì tiếng nói của trí thức Phật tử trong các sự nghiệp văn hóa, giáo dục, kinh tế, xã hội, cũng chỉ là những tiếng nói lạc lõng, và Phật giáo Việt Nam với những tiến bộ vật chất chưa từng có, nếu có cũng chỉ là hiện tượng của một cơ thể béo phì, ám ảnh bởi những âm hồn ma quái đạo khắp phố phường, không đủ khả năng dự phân phát triển văn hóa, giáo dục.

Bộ phận trí thức Phật tử lưu vong Hải ngoại, có đủ điều kiện để thấu thái những tình hoa trong các nền văn minh hiện đại, nhưng phần lớn đó lại là những người đã từng chịu khổ nhục trong các lao tù, hận thù và nghi kỵ vẫn còn là chướng ngại khó vượt qua. Các thế hệ tiếp theo trưởng thành và được giáo dục trong các nền giáo dục tiến bộ nhưng số lớn biết ít về lịch sử dân tộc, cho nên ý thức về sự tồn vong suy thịnh của dân tộc đôi khi cũng khá mơ hồ.

Trong bối cảnh đó, uy đức của Tăng-già cần được thể hiện bằng bản thể thanh tịnh và hòa hiệp làm cơ sở tụ hội của bốn chúng trong một Giáo Hội đầy đủ phẩm chất được dựng lên từ Chánh pháp. Tăng-già hòa hiệp sẽ là ngọn hải đăng bất động trước mọi sóng gió; hàng Phật tử tại gia nương theo ánh sáng bi-trí-dũng tỏa sáng từ Chánh pháp, để nhìn vào viễn tượng phân chia quyền lực thống trị thế giới đang hình thành mà xác định vị trí dân tộc đang ở đâu, từ đó định hướng phụng sự dân tộc và nhân loại từ sở học và sở hành của mình, và đồng thời gieo cảm hứng kế thừa cho các thế hệ con cháu như kế thừa huyết thống. Phật giáo Việt Nam không thể là một bộ phận đứng ngoài xu thế phát triển của dân tộc và thế giới. Các tự viện không phải là những cửa hàng kinh doanh tôn giáo; các Phật tử đi chùa không phải là những khách hàng tới lui theo định luật cung cầu của kinh tế học.

Ngưỡng bạch Chư Tôn Trưởng Lão chúng tri,

Tôi được ủy thác nhiệm vụ kế thừa, không phải kế thừa một chức vụ cao cả trong hàng giáo phẩm, mà chính xác là kế thừa tâm nguyện chưa được viên thành của Hòa Thượng Trưởng lão Thích Quảng Độ, muốn thấy uy đức Tăng-già được thể hiện trong bản thể thanh tịnh hóa hiệp, để từ đó phục hồi và kiện toàn cơ chế Giáo Hội. Bản thân tôi trước sau vẫn chỉ là nhà giáo dục, sự nghiệp suốt đời chỉ giới hạn trong những việc trước tác, phiên dịch kinh điển. Những khi cần đến kiến thức hàn lâm, Chư tôn Trưởng lão triệu tôi đến để thông diễn tôn ý cho bốn chúng đệ tử. Khi không cần thiết, tôi được

phép trở về bản vị trong các giảng đường và thư viện. Trong hiện tại, với di chúc ủy thác của Đức Đệ Ngũ Tăng Thống, trông lên Tổ đức uy nghiêm, vô khả nại hà, tôi cúi đầu lãnh thọ. Tuy nhiệm vụ kế thừa này thực tế chỉ có vai trò liên lạc, chuyển tải tôn ý giữa Chư Tôn đức, trong nước và Hải ngoại đang hoằng hóa tại các châu lục khác nhau, trong các quốc gia có những dị biệt về pháp luật, về hình thái xã hội do truyền thống dị biệt. Sự chuyển tải chư tôn ý này cũng cần đến kiến thức hàn lâm từ Kinh-Luật-Luận để không truyền đạt một cách sai lầm nội dung của chư tôn ý.

Nay, thời Hạ an cư đã viên mãn, bốn chúng đệ tử đang hoan hỷ với những công đức phước trí được tích tập làm hành trang thăng tiến trong Thánh đạo, ngưỡng mong Chư Tôn Trưởng lão tùy cơ duyên thuận tiện ân tứ tôi được tham kiến thỉnh vấn tôn ý về hướng đi của đạo pháp và dân tộc trong thế giới đầy biến động hiện tại, với kỳ nguyện của bốn chúng đệ tử được thấy một Giáo Hội được thiết lập từ uy đức của Tăng-già trong lý tưởng phụng sự hòa bình và an lạc của dân tộc và nhân loại.

Kính nguyện Chư Tôn đức thân tâm an lạc.

*Phật lịch 2564, Tháng Hậu Ca-đề,
năm Canh Tý Khâm thừa Ủy thác,
Khế thủ*

Bình pháp **Tỳ-kheo Thích Tuệ Sỹ**
(Đã ký)



MÙA HẠ VÀ BÀN PHÍM

*hoa mướp vàng trên đôi cỏ
rực rỡ ánh mặt trời
nụ cười mùa hạ im lặng
đưa bí ngữ lên môi người
nhấp nháy không thoát ra
những huyền diệu của kho tàng ẩn giấu
sâu kín và lãng mạn đời ta*

*giọt mưa bất chợt ngang qua
nhọc nhằn thấm lá
như một lời thâm thi
như một câu trơn ướt
làm chân ta trượt ngã
bàn tay đưa ra đón lấy
thật gần thật xa*

*ngôi bệ đá nhớ nước trên nguồn
lục bình và phù sa trôi nổi
dòng sông mang tên ai ký ức
nụ cười và niềm vui quê hương
một ngày đôi bóng trầm tư
thiên thu bỗng dậy lên thềm nhớ
như chưa bao giờ chờ đợi*

*trên từng câu chữ đầy lỗi chính tả
mùa hạ nhảy múa trên bàn phím
sợi dây nào thắt gút buộc tay
cái bóng phù du ẩn hiện
bát nhã và tánh không chạy nhảy trên đường
hạt mưa ướt mái đầu tóc ngắn
tọa điểm an bình trên đồi núi đắm sương*

*lời kinh xưa lay động
một chút khấn thiết trong lòng
chiếc dép quăng trên cỏ
bầy ong vàng trở về động tiên
đường nào lên núi gặp thiên sư
chỉ thấy tiêu phu yên lặng
mát búa rìu xao xác bận lòng*

*bài thơ mùa hạ phiêu diêu
niú giữ một khoảng trời vọng động...*

thơ **THY AN**

NGOÀI TÁM THÁNH ĐẠO KHÔNG CÓ QUẢ VỊ SA-MÔN

Quảng Tánh

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Quả vị Sa-môn hay bốn quả Sa-môn, bốn quả Thanh văn, bốn quả Thánh gồm Sơ quả Tu-đà-hoàn (Dự lưu, Thất lai), Nhị quả Tư-đà-hàm (Nhất lai), Tam quả A-na-hàm (Bất lai), Tứ quả A-la-hán (Vô sinh).

Theo Thế Tôn, bốn quả Thánh này là kết tinh của quá trình tu tập giới-định-tuệ. Trong tám Thánh đạo, giới gồm chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng; định gồm chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định; tuệ gồm chánh kiến, chánh tư duy (tuệ).

"Một thời Phật ở trong núi Kỳ-xà-quật, thành La-duyệt cùng với chúng đại Tỳ-kheo.

(...)

Lúc đó, trong thành Câu-thi có một vị Phạm chí tên Tu-bạt là bậc kỳ cựu đa trí, đã một trăm hai mươi tuổi, nhân nghe Đức Sa-môn Cù-đàm đêm nay sẽ diệt độ tại giữa cây song thọ, ông tự nghĩ: Ta có điều hoài nghi về giáo pháp. Chỉ có Đức Cù-đàm mới giải được ý ta. Ta nên kịp thời gắng đi đến Phật. Ngay đêm ấy ông gắng ra khỏi thành đi đến Song thọ, đến chỗ A-nan. Sau khi chào hỏi xong, ông thưa:

- Tôi nghe Sa-môn Cù-đàm sắp vào Niết-bàn đêm nay, nên đến đây mong được bái yết một lần. Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp, mong được gặp Cù-đàm để Ngài giải quyết cho. Vậy Ngài có được rỗi rảnh cho tôi vào bái yết không?

A-nan bảo:

- Thôi đừng, Tu-bạt! Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài.

Tu-bạt cố nài xin đến ba lần rằng:

- Tôi nghe Đức Như Lai ra đời như hoa Ưu

-đàm, rất lâu mới xuất hiện, nên đến đây mong bái yết để được giải quyết nghi ngờ. Ngài có rỗi rảnh cho tôi gặp một lát được không?

A-nan cũng vẫn trả lời như trước:

- Phật đang có bệnh. Không nên quấy rầy Ngài.

Khi ấy Phật bảo A-nan:

- A-nan, người chớ ngăn cản. Hãy để cho ông ấy vào. Ông muốn giải quyết sự nghi

ngờ, không có gì phiền nhiễu. Nếu nghe được pháp của Ta, ắt được tỏ rõ. A-nan liền bảo Tu-bạt:

- Nếu ông muốn vào thăm Phật, xin mời vào.

Tu-bạt được vào, chào hỏi Phật xong, ngồi một bên và bạch Phật:

- Tôi có điều hoài nghi về giáo pháp. Ngài có rỗi rảnh giải quyết cho chỗ vướng mắc không?

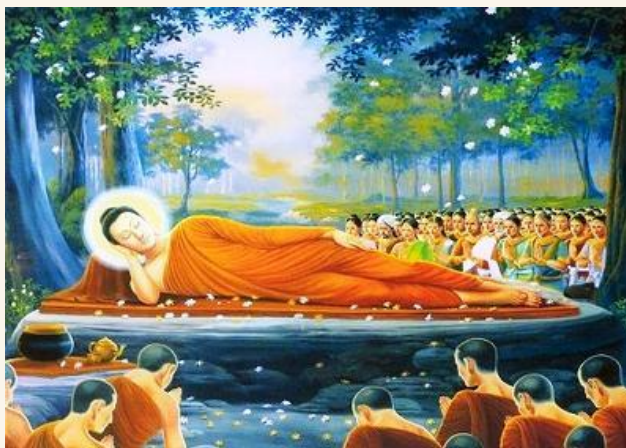
Phật nói: Ông cứ tùy ý hỏi.

Tu-bạt hỏi:

- Bạch Cù-đàm, có những giáo pháp khác, họ tự xưng bậc thầy, như các ông Phất-lan Ca-diếp, Mạt-già-lê Kiều-xá-lợi, A-phù-đà Sí-xá-kim-bạt-la, Ba-phù Ca-chiên, Tát-nhã Tỳ-da-lê-phất, Ni-kiền tử. Những thầy đó đều có giáo pháp riêng, Đức Sa-môn Cù-đàm có biết hết hay không?

Phật đáp:

- Thôi thôi khỏi nói, những giáo pháp ấy Ta đều rõ cả. Nay Ta sẽ vì người nói đến pháp thâm diệu, người hãy lắng nghe và khôn khéo suy nghiệm. Nay Tu-bạt! Trong giáo pháp nào nếu không có tám Thánh đạo thời ở đó không có quả vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Trong giáo pháp nào có tám Thánh đạo thời ở đó có quả





THÀNH KÍNH PHÂN ƯU

Chúng tôi vừa được tin
Nhà Văn NHẬT TIẾN
Pháp danh MINH THÀNH,
đã tạ thế ngày 14 tháng 9, 2020
(nhằm 27 tháng 7 năm Canh Tý),
tại thành phố Irvine, Nam California,
hưởng thọ 84 tuổi.

Chúng tôi cũng được biết hiền thê của Nhà văn Nhật Tiến là nhà văn ĐỖ PHƯƠNG KHANH, đã từ trần tháng trước, vào ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại Westminster, California, hưởng thọ 84 tuổi.

Thành kính chia buồn cùng toàn thể gia quyến của nhị vị văn sĩ Bùi Nhật Tiến & Đỗ Phương Khanh với đại tang này; đồng thời nhất tâm cầu nguyện chư hương linh tiêu điều miền lạc cảnh.

Đồng thành kính phân ưu:

Ban Biên Tập Nguyệt San Chánh Pháp cùng quý văn thi hữu: Bùi Ngọc Đường, Huỳnh Tân Lê, Tâm Diệu, Đào Văn Bình, Trần Việt Long, Đoàn Ngọc Đa, Ngô Thế Vinh, Đỗ Hữu Tài, Phan Tấn Hải, Mặc Phương Tử, Nguyễn Ngọc Cảnh, Tâm Minh Ngô Tằng Giao, Hạnh Chi, Quảng Tánh Trần Cẩm, Nguyễn Thanh Huy, Xuyên Trà, Lý Thừa Nghiệp, Vũ Tiến Lập, Tâm Lương Đào Mạnh Xuân, Kiều Mộng Hà, Diệu Đức – Kim Loan, Diệu Viên, Vương Thúy Nga, Huỳnh Kim Quang, Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Thị Minh Thủy, Nguyễn Thị Khánh Minh, Nguyễn Tiến Quỳnh Giao, Trịnh Gia Mỹ, Chiêu Hoàng, Uyên Nguyên, Bạch Xuân Phê, Mãn Đình Hồng, Tiểu Lục Thần Phong, Mỹ Huyền, Phan Trung Kiên, Vĩnh Hảo.

vị Sa-môn thứ nhất, thứ nhì, thứ ba, thứ tư. Nay trong giáo pháp này có tám Thánh đạo nên có quả vị Sa-môn thứ nhất, quả vị Sa-môn thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong các chúng ngoại đạo không có.

Rời Thế Tôn đọc bài kệ:

Ta hai mươi chín tuổi

Xuất gia tìm Chánh đạo

Từ khi Ta thành Phật

Đến nay năm mươi năm.

Các hạnh giới, định, tuệ

Một mình Ta tư duy

Nay Ta giảng pháp yếu

Ngoại đạo không Sa-môn.

(Kinh Trường A-hàm, kinh Du hành)

Nhờ tuân thủ theo giới luật, sống phạm hạnh, thu thúc lục căn, đầy đủ oai nghi, hành

giả thành tự giới. Trên nền tảng này, hành giả nỗ lực nhiếp tâm, trú niệm, tu tập chỉ và quán, vượt qua năm triền cái để thành tựu định (từ Sơ thiền đến Tứ thiền). Hành giả tiếp tục thiền quán vô thường, vô ngã phá trừ mười kiết sử (thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái, sân; sắc ái, vô sắc ái, trạo cử, mạn, vô minh) để lần lượt chứng đắc bốn Thánh quả.

Lộ trình tu tập để lần lượt chứng đắc bốn Thánh quả chính là Bát chánh đạo. Nên Đức Phật trước khi nhập Niết-bàn đã xác quyết rằng, ngoài Thánh đạo tám ngành này thì không có các quả vị Sa-môn. Điều này có nghĩa là nếu tu tập nhân danh bất cứ pháp môn hay truyền thống nào mà thiếu vắng giới-định-tuệ, xa rời tám Thánh đạo thì không thể dự phần vào các Thánh quả.

CHỚM THU

Sáng qua trong nắng hạ hồng
Chợt rơi chiếc lá cho lòng xuyên xao
Đêm ngày mới bước chiêm bao
Chừng nghe luân lạc hư hao ít nhiều
Chìm trong gió sớm mưa chiều
Chút gì như vẽ cô liêu ảo mờ
Chút gì rất mộng rất thơ
Bâng khuâng lối gió thần thờ nẻo mây
Nguyệt về! Bóng tĩnh hồn say
Hoa thưa áp khói cỏ dày ngậm sương
Nỗi gì như nỗi đoạn trường
Đàn ai gửi lại bên đường chớm thu
Người đi bật bóng mù u
Chuông chiều thả xuống lời ru cuối ngày.

(Sài Gòn 03/07/2020)

CÓ PHẢI VÌ THU

Xuân hạ thắm một màu xanh bát ngát
Cũng vì thu dần lá xác xơ cây
Ta bỏ lưng hơn nửa đời phiêu bạt
Vì thu không mà gọi kiếp đọa đày
Hồn hoài cô tìm trong thành quách cổ
Những rêu mờ phế tích bóng gươm đao
Khói lửa điêu linh vàng trắng cổ độ
Có vì thu mà nhỏ lệ anh hào?
Chiều viễn phố con chim trời làm lối
Cũng vì thu mà vỗ cánh thiên di
Ta xuôi ngược trên đường đời vạn lối
Vì thu không sao sớm cõi xuân thì.

(Sài Gòn thu 2020)

NGẠI LÁ THU RƠI

Lòng mẫn hạ hay là thu vội đến
Kiếp phù du mấy chốc đã tàn hao
Đêm lặng lẽ đăm hồn theo ngọn nến
Nay về đâu thu mộng thuở xa nào
Giờ đâu hãy đưa nhau về thu cũ
Có loài hoa biết nói thủa yêu người
Chớ bắt anh ngắm hồng phai liễu rủ
Buổi giao mùa xào xạc đến chơi vui
Anh ngát ngưỡng bên hiên đời quạnh quẽ
Đến đi gì cũng rất lắm thu ơi!
Ngày nói tiếp dài dần thêm bóng xế
Đã phong trần còn ngại lá thu rơi.

(07/07/2020)



thơ LƯU LÃNG KHÁCH

VÔ TƯỞNG TAM MUỘI

Nguyên Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bài viết này sẽ khảo sát về Vô Tướng Tam Muội, một pháp môn ít được chú ý hiện nay. Lời Đức Phật và chư tổ truyền dạy sẽ được trình bày một cách thực dụng nơi đây, hy vọng làm cửa vào cho nhiều độc giả. Bài viết phần lớn sẽ dựa vào kinh luận, vì bản thân người viết không có thẩm quyền nào.

Đức Phật đã dạy đường vào giải thoát có nhiều cửa, không phải chỉ một. Học nhân thời nay, đặc biệt là tại Tây Phương, không chú ý nhiều về Vô Tướng Tam Muội, nhưng đây lại là một cửa vào giải thoát phổ biến trong Thiên Tông Việt Nam, Trung Hoa, Nhật Bản, và Đại Hàn. Có thể tóm tắt pháp môn này là, "Không hề có một pháp nào để làm." Bởi vì phải thấy ngay rằng không hề có một chỗ nào trong tâm để bấu víu.

Kinh Trường A Hàm DA 12 nói về nhiều pháp dẫn tới Niết Bàn, bản dịch của Thầy Tuệ Sỹ và Thầy Đức Thắng, trích:

"Thế nào là một pháp dẫn đến Niết-bàn? Thường tinh cần tu niệm xứ về thân. Đó là một pháp dẫn đến Niết-bàn. (...)

"Thế nào là hai pháp dẫn đến Niết-bàn? Chi và quán. (...)

"Thế nào là ba pháp dẫn đến Niết-bàn? Ba tam-muội: không tam-muội, vô tướng tam-muội, vô nguyện tam-muội. (...)

"Thế nào là bốn pháp dẫn đến Niết-bàn? Bốn niệm xứ: thân niệm xứ, thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ. (...)

"Thế nào là năm pháp dẫn đến Niết-bàn? Năm căn: tín căn, tinh tấn căn, niệm căn,

định căn, tuệ căn. (...)

"Thế nào là sáu pháp dẫn đến Niết-bàn? Sáu tư niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm thí, niệm giới, niệm thiên. (...)

"Thế nào là bảy pháp dẫn đến Niết-bàn? Bảy giác chi: niệm giác chi, trạch pháp giác chi, tinh tấn giác chi, khinh an giác chi, định giác chi, hỷ giác chi, xả giác chi. (...)

"Thế nào là tám pháp dẫn đến Niết-bàn? Tám Hiền Thánh đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. (...)

"Thế nào là chín pháp dẫn đến Niết-bàn? Chín thiện pháp: 1. hỷ, 2. ái, 3. duyệt, 4. lạc, 5. định, 6. thật tri, 7. trừ xả, 8. vô dục, 9. giải thoát. (...)

"Thế nào là mười pháp dẫn đến Niết-bàn? Mười trực đạo: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, chánh giải thoát, chánh trí..." (1)

Pháp môn Vô Tướng Tam Muội như thế tương thông với Không Tam Muội và Vô Nguyện Tam Muội.



Bởi vì vào cửa bằng vô tướng, cho nên có khi quý ngài tự ngỡ vực dù là đã đạt được pháp định vô tướng, thấy tâm không dao động (xa lìa các đợt sóng vọt lên, chìm xuống trong tâm), có khi giải thoát (thấy tâm lúc đó lìa tham sân si) rồi mới an trụ (sau mới thấy định), và có khi theo chiều ngược lại. Kinh Phật kể về một vị tỷ kheo đạt được vô tướng tam muội, mới đi tìm ngài Anan (một trí nhớ kho tàng kinh điển, một thư viện sống) để

hỏi, nhưng tới gần ngài Anan tới 6 năm mới mở miệng hỏi. Kinh không giải thích vì sao vị này chờ 6 năm mới hỏi.

Kinh Tạp A Hàm SA 558, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng viết, trích:

"Lúc bấy giờ, có một Tỳ-kheo kia đạt được vô tướng tâm tam-muội, nghĩ rằng: "Ta hãy đến chỗ Tôn giả A-nan, hỏi Tôn giả, nếu Tỳ-kheo đạt được vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát; thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì? Nếu Tôn giả A-nan hỏi ta: 'Tỳ-kheo, ông đã đạt vô tướng tâm tam-muội này phải không? Đáp, tôi chưa từng có'. Hỏi thật mà đáp khác đi. Ta sẽ theo sát Tôn giả A-nan, hoặc giả có người khác hỏi nghĩa này, nhờ đó mà ta được nghe."

Tỳ-kheo này đi theo Tôn giả A-nan suốt sáu năm, mà không có ai hỏi đến nghĩa này, nên mới tự hỏi Tôn giả A-nan:

"Nếu Tỳ-kheo hỏi vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì thưa Tôn giả A-nan, Thế Tôn dạy nó là quả gì, công đức gì?"

Tôn giả A-nan hỏi Tỳ-kheo này:

"Tỳ-kheo, ông đã đạt tam-muội này chưa?"

Tỳ-kheo này im lặng. Tôn giả A-nan nói với Tỳ-kheo này rằng:

"Nếu Tỳ-kheo đã đạt tâm vô tướng tâm tam-muội, không vọt lên, không chìm xuống, sau khi giải thoát rồi an trụ, sau khi an trụ rồi giải thoát, thì Thế Tôn nói đó là trí quả, trí công đức." (2)

Trong một kinh khác, Đức Phật nói rằng trong các pháp định, đệ nhất là Không Tam Muội, từ đây dẫn tới Vô Nguyên Tam Muội, và rồi tới Vô Tướng Tam Muội. Đức Phật giải thích rằng Không Tam Muội là không thấy có mình, không thấy có người, không thấy có thọ mệnh (tức là thấy pháp vô sinh diệt), và do vậy không tạo ra gốc rễ của hành (tức gốc rễ sinh tử luân hồi; chúng ta có thể nhắc rằng các việc làm không cố ý sẽ không nhất thiết thọ quả báo, vì tác ý chính là nghiệp).

Kinh Tăng Nhất A Hàm EA 45.6 ghi lời Đức Phật dạy, qua bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng, trích:

"Lành thay, lành thay, như Xá-lợi-phất mới có thể an trú nơi Không tam-muội. Vì sao vậy? Trong các tam-muội, **Không tam-muội là tối thượng đệ nhất**. Tỳ-kheo an trú Không tam-muội không chấp trước ngã, nhân, thọ mạng, cũng không thấy có chúng sinh, cũng không thấy có bản mặt của các hạnh. Do không thấy có, nên không tạo gốc rễ của hành. Do không có hành nên không còn tái sinh đời sau. Do không còn tái sinh



đời sau nên không còn thọ nhận quả báo khổ lạc. Xá-lợi-phất, nên biết, ngày xưa khi Ta chưa hành Đạo, ngồi dưới gốc thọ vương, suy nghĩ như vậy: Các loài chúng sinh này do không nắm bắt được pháp gì mà phải trôi lăn trong sinh tử, không được giải thoát? Khi ấy, Ta lại nghĩ, vì không có Không tam-muội nên phải trôi nổi sinh tử, không được giải thoát. Có Không tam-muội này, nhưng chúng sinh chưa đạt được, khiến chúng sinh khởi tưởng niệm đằm trước. Do khởi tưởng thế gian nên thọ nhận phần sinh tử. Nếu đạt được Không tam-muội này, không có gì là sở nguyện, do đó đạt được **Vô nguyên tam-muội**. Do đạt được Vô nguyên tam-muội, không mong cầu chết nơi này sinh về nơi kia; hoàn toàn không có tưởng niệm. Bấy giờ hành giả ấy lại đạt được và an trú trong **Vô tướng tam-muội**." (3)

Câu hỏi nên nêu ra là: có cách nào để nhận ra tánh không trong các pháp? Đức Phật dạy rằng, nhận ra Pháp Duyên Khởi chính là tương ứng với Không. Tức là, vì cái này có, nên cái kia có. Cũng như tiếng đàn nghe được, có chẻ cây đàn ra làm trăm mảnh cũng không tìm được, vì nhiều duyên (người đàn, tài năng, học đàn nhiều năm, gõ rưng cửa về làm đàn, dây đàn, người nghe...). Không đủ duyên, pháp không hiện lên.

Kinh SA 293, bản dịch của hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng viết:

"Ta vì các Tỳ-kheo nói pháp tùy thuận duyên khởi xuất thế của bậc Hiền thánh tương ứng với Không. Nghĩa là **cái này có nên cái kia có, cái này khởi nên cái kia khởi...**" (4)

Như thế, khi nhận ra tánh không (từ luật duyên khởi), chúng ta sẽ không xem bất cứ những gì trước mắt và bên tai như là có thực nữa. Tất cả các pháp đều không thực tướng, không chỗ nào để khởi tâm bầu víu (tức là, tự nhiên sẽ thấy không còn tư lường nghĩ ngợi gì, sau khi nhận ra tánh không).

Kinh Tăng Nhất A Hàm EA 24.10, bản

dịch hai Thấy Tuệ Sỹ, Đức Thắng ghi lời Đức Phật dạy cách quán để vào Không:

"Có ba tam-muội này. Những gì là ba? Là Không tam-muội, Vô tướng tam-muội, Vô nguyện tam-muội.

"Thế nào là Không tam-muội? Không là quán tất cả các pháp đều là không hư. Đó gọi là không tam-muội.

"Thế nào là vô tướng tam-muội? Vô tướng là đối với tất cả các pháp tất cả đều không tướng niệm gì, cũng không có gì được thấy. Đó gọi là vô tướng tam-muội.

"Thế nào là vô nguyện tam-muội? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là vô nguyện tam-muội.

"Như vậy, này các Tỳ-kheo, ai không đạt được ba tam-muội này thì ở lâu nơi sinh tử, không thể tự giác ngộ." (5)

Tương tự, ngài Mục Kiền Liên giải thích về pháp định vô tướng, qua Kinh Tương Ưng SN 40.9, trích bản dịch của Thầy Minh Châu:

"Vô tướng tâm định, Vô tướng tâm định" (animitto cete samādhī), như vậy được nói đến. Thế nào là Vô tướng tâm định?

Và này chư Hiền, tôi suy nghĩ như sau: "Ở đây, Tỳ-kheo không tác ý tất cả tướng, chúng và trú Vô tướng tâm định". Đây gọi là Vô tướng tâm định.

Rồi này chư Hiền, tôi không tác ý tất cả tướng, chúng và an trú Vô tướng tâm định. Đây này chư Hiền, do tôi trú với an trú này, (tôi đạt được) thức tùy thuận tướng (nimittānūsarivinnānam)." (6)

Hễ đã nhận ra pháp duyên khởi, tức nhận ra tánh không trong cả nội xứ và ngoại xứ, tâm sẽ tự nhiên tịch lặng, nhìn thấy thân tâm mình y như xác chết đang đi, đang đứng, đang nằm, đang ngồi, đang nói, đang cười trong cõi huyền hóa, và thấy được thực tướng chính là vô tướng.

Kinh EA 40.8, bản dịch hai Thầy Tuệ Sỹ, Đức Thắng viết:

"Hết thầy các hành đều rỗng lặng, cái sanh và cái diệt đều như huyền hóa, không có chơn thật. Cho nên, Tỳ-kheo, hãy ở trong hơi thở ra vào tư duy về tướng chết để thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, buồn rầu, khổ não." (7)

Thấy các hành rỗng lặng, thấy sanh diệt huyền hóa, thấy duyên khởi không tánh, thấy các pháp đều không hư, thấy niệm tướng tư lường tự nhiên vắng bật (vì tâm đã không, và không còn gì để khởi tướng lành dữ, đúng sai, ưa ghét...), tức là thấy tánh, còn gọi là thấy thực tướng vô tướng, còn gọi là thấy bản tâm, còn gọi là thấy pháp thân Phật.

Chúng ta có thể lấy một thí dụ như sau

để nói về bản tâm. Giả sử như trong một hý viện tại Hà Nội hay Sài Gòn, một buổi trình diễn nhạc dân tộc truyền thống, với tham dự của 500 quan khách từ nhiều quốc tịch (Việt, Pháp, Mỹ, Hoa, Nhật, Hàn...). Tất cả mọi người cùng nhìn thấy trên sân khấu có vài chục nhạc sĩ sử dụng đàn tranh, đàn đá, đàn bầu, sáo, vân vân... trong các bộ trang phục cổ truyền dân tộc Việt. Tất cả quan khách cùng nhìn thấy sân khấu rục rờ như thế, và thấy như thế là qua tâm mỗi người, nhưng cái được thấy (hình ảnh, màu sắc...) tùy theo từng quan khách sai biệt nhau do duyên (tùy vị trí ghế ngồi, mắt bình thường hay mắt cận, viễn...). Không phải cái thấy là của riêng quan khách A hay B, dù cái được thấy hiển lộ dị biệt. Bởi vì cái thấy là do tâm, nhưng không ai chủ động được cái thấy, không ai tự bảo hình ảnh phải được thấy thế một chút hay sớm một chút, vì không ai chủ động từng khoảnh khắc cái thấy trừ phi nhắm mắt. Tức là có cái được thấy, nhưng không có chủ thể cái thấy. Hễ lúc đó khởi niệm tư lường là lạc mất, là níu vào cái thấy của quá khứ, mất cái thấy hiện tiền. Cái thấy không phải riêng hay chung, không phải là của mình, và tương tự cũng không phải là của người nào. Nhưng là thân ngũ uẩn ra, không có hiển lộ từ cái thấy.

Tương tự, với tai nghe. Tất cả quan khách cùng nghe người dẫn chương trình nói tiếng Việt, nhưng chỉ người biết tiếng Việt mới hiểu (tức là, có duyên sinh làm người Việt hoặc được học tiếng Việt). Tất cả mọi người cùng nghe say mê tiếng sáo, tiếng đàn vì không có lời, nhưng thắm âm mỗi người khác nhau tùy kiến thức âm nhạc và sở thích. Người Nam có thể ưa nghe đờn ca tài tử hơn, người Bắc có thể ưa nghe các điệu quan họ hơn. Tất cả cùng nghe, nhưng không ai chủ động được cái nghe. Không ai tự bảo là có thể hoãn nghe hay tự dặn là nghe chậm hay nghe sớm hơn, vì không ai chủ động từng khoảnh khắc cái nghe trừ phi bước ra ngoài. Tức là có cái được nghe, nhưng không có chủ thể cái nghe. Hễ khởi niệm tư lường là lạc mất, là níu vào cái nghe của quá khứ, mất cái nghe hiện tiền. Cái nghe không phải riêng hay chung, không phải là của mình, và tương tự cũng không phải là của người nào. Nhưng là thân ngũ uẩn ra, không có hiển lộ từ cái nghe.

Tương tự, với cảm thọ của thân. Lúc đó có thể cảm nhận hơi gió lạnh hoặc ấm từ máy điều hòa không khí. Không ai bắt được thân mình cảm thọ nhiều hay ít hơn, nếu không mang theo áo ấm, vân vân. Tức là có cái được cảm thọ, nhưng không có chủ thể cái cảm thọ. Hễ khởi niệm tư lường là lạc mất, là níu vào cái cảm thọ của quá khứ, mất cái cảm thọ hiện tiền. Cái cảm thọ không

phải là của mình, và tương tự cũng không phải là của người nào. Nhưng lìa thân ngũ uẩn ra, không có hiển lộ từ cái cảm thọ.

Như thế, bản tâm, hay là cái tánh thấy nghe hay biết, tuy do duyên hiển lộ khác nhau, nhưng không hề có cái gì gọi là "tôi hay người" hay "của tôi hay của người" trong đó, không hề gọi được là nhiều hay ít, không chỉ được là ở trong hay ngoài (thân tâm), không trước không sau, không hề có phân biệt ưa ghét hay lành dữ... Ngay ở bản tâm đó là lìa tham sân si, là gương tâm chiếu sáng (để thấy nghe hay biết). Thấy được tánh này sẽ thấy mình và người và các pháp không cách biệt (Huyền Quang: Hồn nhiên người với hoa vô biệt). Đó là lý do cổ đức nói rằng tâm này lìa sinh diệt, vì niệm là sinh diệt nhưng gương tâm không hề mất tánh sáng thấy nghe hay biết, và niệm (có sinh, có diệt) không phải là bản tâm. Cổ đức còn nói rằng tâm này bao trùm trời đất. Nhận ra bản tâm sẽ thấy không có gì để tu hết, vì không còn thấy có mình hay người nữa.

Lục Tổ Huệ Năng trong Kinh Pháp Bảo Đàn, bản dịch của Thầy Duy Lực, giải thích về tâm này, trích:

"Sao gọi là Ma Ha? Ma Ha là đại, tâm lượng quảng đại như hư không, chẳng có biên giới, cũng chẳng vuông tròn lớn nhỏ, cũng chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, cũng chẳng trên dưới dài ngắn, cũng chẳng giận, chẳng vui, chẳng phải chẳng quấy, chẳng thiện chẳng ác, chẳng đầu chẳng đuôi. Các cõi Phật đều đồng như hư không, diệu tánh con người vốn không, chẳng có một pháp có thể đặc, tự tánh chơn không cũng như thế. Thiên tri thức, chớ nên nghe ta nói KHÔNG mà liền chấp KHÔNG. Trước nhất chớ chấp KHÔNG, nếu để tâm KHÔNG tĩnh tọa là lọt vào VÔ KỶ KHÔNG. Thiên tri thức, thế giới hư không bao hàm sắc tướng vạn vật, mặt trời mặt trăng, núi sông đất đai, cây cối, biển lớn, kẻ dữ người lành, pháp ác pháp thiện, thiên đàng địa ngục, tất cả đều ở trong hư không, TANH KHÔNG của con người cũng vậy. Thiên tri thức, tự tánh hay bao hàm muôn pháp là ĐẠI, muôn pháp đều ở trong tự tánh của con người. Nếu thấy điều dữ điều lành của người, tất cả đều chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng chấp chẳng nhiễm, tâm như hư không gọi là ĐẠI, nên nói là MA HA. Thiên tri thức, kẻ mê miệng nói, người trí tâm hành.

Lại có kẻ mê để tâm không mà tĩnh tọa, trăm điều chẳng nghĩ, tự xưng là đại, với bọn người này không thể nói gì được, vì họ bị rơi vào tà kiến. Thiên tri thức, tâm lượng quảng đại cùng khắp pháp giới, dùng thì liễu liễu rõ ràng, ứng dụng liền biết tất cả. Tất cả tức một, một tức tất cả, tối lui tự do, tâm thể vô ngại tức là BÁT NHÃ." (8)

Thiền sư Đạo Tuân Minh Chánh ở chùa Bích Động thuộc tỉnh Ninh Bình, thời vua

Minh Mạng, trong sách Bát Nhã Trực Giải đã giải thích về tâm này như sau, qua bản dịch của Thầy Thích Nhật Quang, trích:

"Nói lớn thì không có cái gì hơn Tâm, nên nói Tâm bao trùm cả thái hư, lượng khắp các cõi nước nhiều như số cát, dọc suốt ba đời, ngang giáp mười phương. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Phải biết hư không sanh trong tâm ông giống như một đám mây điểm trên bầu trời xanh, hà huống thế giới ở trong hư không ư!". Do đó, biết thế giới bao hàm cõi nước, hư không bao hàm thế giới, tâm bao hàm hư không, nên rộng lớn là nói về thế lượng của tâm. Rộng lớn khắp giáp

hàm dung như thế, nhưng tâm thể tuy lớn, thanh phàm bình đẳng mà lại có trong đục, mê ngộ, thuận trái khác nhau. Tại Thánh thì từ lâu đã lóng đục thành trong, bỏ mê về ngộ, bỏ trái về thuận, cho nên thường thanh tịnh giác ngộ. Quán tất cả các pháp sắc không muôn tượng, biết là sắc huyền như hoa đốm trong hư không, chỉ do tâm tạo ra, vốn chẳng phải thật có, nên chẳng sanh tâm phân biệt phan duyên. Hề được Như như chẳng động thì Diệu tánh chân như trong lặng, sáng ngời, sự thấy biết tròn sáng khắp cùng các cõi nước nhiều như cát bụi. Pháp giới này thuần là Diệu tánh chân như, không có một tướng nào, một vật gì chẳng phải là chân như. Kinh Kim Cang nói: "Chẳng chấp nơi tướng thì như như chẳng động". Còn kẻ phàm phu thì chấp tướng trái giác theo trần, mê mờ căn tánh chạy theo thức tình. Thức tánh hư vọng bị các tướng làm cho tối tăm liền có năm lớp hỗn trực. Quán tất cả pháp sắc không muôn tượng, chẳng biết là chỉ do tâm hiện ra, từ nhân duyên sanh, duyên sanh không có tự tánh, vốn chẳng phải thật có. Mê tâm vọng chấp là thật, khởi niệm phân biệt thiện ác, tốt xấu, có không, hay dở, tranh chấp, nhân ngã, buông thả tham sân si. Vừa khởi tâm động niệm bèn là chân

như chẳng giữ tự tánh, theo vào vô minh. Từ đây tối tăm vẫn đục, chỉ biết có niệm lự và gọi đó là tâm, nên vĩnh viễn trái nghịch tánh chân như vắng lặng chiếu soi, trong sạch rộng lớn. Tâm niệm lự thì ở đâu cũng thiên cuộc, thế nên nhỏ hẹp, tối tăm, vẫn đục, mà chẳng phải là tâm thể rộng lớn trong sạch này. Muốn thấy tâm thể rộng lớn trong sạch này, chỉ cần dứt tâm niệm lự phân biệt kia thì tâm sẽ vắng lặng mà thường chiếu, chiếu mà thường lặng.” (9)

Như thế, nhận ra tâm này, sẽ thấy được tánh không trong vạn pháp, sẽ hiểu được điều lý “ngộ trước, tu sau” và khi thấy tất cả tâm không, tức là thấy được pháp môn không hề có cửa vào của Thiền Tông. Đó cũng là Vô Tướng Tam Muội.

GHI CHÚ:

(1) Kinh DA 12: https://suttacentral.net/da12/vi/tue_sy

(2) Kinh SA 558: https://suttacentral.net/sa558/vi/tue_sy-thang

(3) Kinh EA 45.6: https://suttacentral.net/ea45.6/vi/tue_sy-thang

(4) Kinh SA 293: https://suttacentral.net/sa293/vi/tue_sy-thang

(5) Kinh EA 24.10: https://suttacentral.net/ea24.10/vi/tue_sy-thang

(6) Kinh SN 40.9: https://suttacentral.net/sn40.9/vi/minh_chau

(7) Kinh EA 40.8: https://suttacentral.net/ea40.8/vi/tue_sy-thang

(8) Kinh Pháp Bảo Đàn: <https://thuvienhoasen.org/p16a682/pham-bat-nha-thu-hai>

(9) Bát Nhã Trực Giải: <http://thientongvietnam.net/kinhsach-thike/dirs/batnhatrucgiai/BatNhaTrucGiai.pdf>



THÔNGIỆP TỪ COVID-19

*Cô Vy (Covid 19) ơi! sao em tàn ác thế?
Đã lấy đi tánh mạng biết bao người
Khiến nhân thế mất đi nụ cười tươi
Đành “giãn cách” với khóc sầu ly biệt*

*Toàn thế giới hoang mang và thương tiếc
Những người thân phải lần lượt ra đi
Không thấy mặt vì phải bị cách ly
Chết cô độc giữa trời trong tức tối*

*Hãy ngừng lại đừng gây thêm tội lỗi!
Em đang truyền “thông điệp” đến nhân sinh?
“Ở một chỗ” giữ màu xanh hòa bình
Được như thế em không còn tác hại!*

*Em vẫn muốn bình an và khương thái
Mong loài người hãy bảo vệ thiên nhiên
Sống giản đơn thân thiện biết tu hiền
Đừng sát hại tạo thêm nhiều oan trái*

*Thương yêu nhau chia sẻ điều lẽ phải
Chớ đừng nên sống trụy lạc đa cầu
Ngừng phân biệt hay hãm hại lẫn nhau
Cùng bảo vệ môi trường xanh sạch đẹp*

*Nhân loại hỡi! hãy sống theo khuôn phép
Tham sân si quyết chừa bỏ quay đầu
Đừng khai thác cạn kiệt biển, rừng sâu
Để thỏa mãn cho nhu cầu hưởng thụ*

*Chỉ có sống “ít muốn” và “biết đủ”
Tránh xa nơi ồn náo lắm thị phi
Mãi tin tưởng Phật Pháp bất tư nghi
Hướng tâm linh sẽ giải trừ “đại dịch”*

*Em không ác, toàn do người ham thích
Tụ tập nhau thác loạn khích thị đua
Thích hơn thua chớ không chịu thiệt thòi
Ham loạn động phung phí nhiều sức khỏe*

*Mong hiểu cho, đừng xem em là bé!
Nhìn không ra nhưng cũng lắm tai ương
Ai không tin sẽ theo luật vô thường
Nằm mơ hoang không một người tiễn biệt!*

(Chùa Pháp Hoa – Nam Úc,
những ngày đầu tháng 8/2020)

thơ THÍCH VIÊN THÀNH

PHÁP TU SÁM HỐI

Thích Nữ Hằng Như

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

DẪN NHẬP

Trong kinh có ghi lại lời cảnh giác của Đức Phật, Ngài đã từng nói rằng: *"Phàm tất cả chúng sinh còn lên xuống trong ba cõi, lăn lộn trong sáu đường thì không một loài nào được hoàn toàn trong sạch, không một giống nào dứt hết tội lỗi sai lầm"*. Lời nói của bậc toàn giác thật chính xác. Chúng sinh còn trầm luân trong ba cõi, sáu đường, là còn gây nhiều nghiệp xấu. Cho nên, dù chúng ta là ai của những đời trước, kiếp trước? Kiếp này, tuy chung sống ở cõi Ta-Bà nhưng mỗi người ôm vào đời một biệt nghiệp riêng, do tội lỗi hay phước báo đã gây ra trong đời trước. Nhưng nói chung, dù ở trong bất cứ hoàn cảnh nào thì con người cũng đã từng bị vô minh che mờ lý trí xúi quẩy tạo ra muôn ngàn tội lỗi, và tội lỗi đó cứ chồng chất mãi theo thời gian.

Sống trong cuộc đời, nhiều người vì tham lam, ích kỷ đã mãi mê lặn ngụp trong sự tranh giành, chiếm đoạt mọi thứ về cho mình, đã không từ nan những hành động tội lỗi ác độc, đến một lúc nào đó quả ác trở, phải chịu khổ sở. Nếu phạm pháp nặng nề thì khó tránh bị tù tội. Sống trong tù, có người ăn năn hối cải, nhưng cũng có người xem chuyện ác là bình thường. Trong xã hội có không ít người như thế! Tuy nhiên cũng có nhiều người sớm tỉnh cơn mê. Họ cảm thấy ăn năn hối hận những việc làm gây khổ lụy cho người khác. Họ sớm quay về với đường ngay nẻo chánh kịp thời, nhưng tâm trí họ vẫn luôn bị dẫn dắt, lương tâm họ luôn bị cắn rứt vì không quên được những tội lỗi họ đã gây ra. Trong nhà Phật có phương pháp giúp cho họ xóa bỏ những ám ảnh đó, giúp họ lấy lại sự quân bình an vui trong cuộc sống. Đó là **"Pháp Tu Sám hối"**.

SÁM HỐI LÀ GÌ?

"Sám" tiếng Phạn là Samma. Người Tàu dịch là *"hối quá"*. Trong Pháp Bảo Đàn Kinh nói: *"Sám giả sám kỳ tiền khiên, Hối giả hối kỳ hậu quá"* có nghĩa *"ăn năn lỗi trước, chữa bỏ lỗi sau"*. Như vậy Sám hối đúng nghĩa theo Chánh pháp là biết xấu hổ, ăn năn, hối cải những lỗi lầm mình vừa mới phạm hay đã phạm trước đó, và tự nguyện từ giờ trở đi không tái phạm nữa.

Thông thường sám hối có nghĩa là *"xin lỗi"*. Mình làm việc gì sai quấy, phiền lòng người khác, muốn được tha thứ thì mình xin lỗi. Xin lỗi là một hành vi đạo đức, được ông bà, cha mẹ trong gia đình hay thầy cô ở trường học dạy dỗ. Tuy nhiên, có nhiều người rất ngại ngùng khi phải thốt lên lời xin lỗi, bởi vì những người này chấp *"cái tôi, cái ngã"* rất lớn. Lúc nào cũng nghĩ hành động, lời nói của mình đúng, người khác sai. Hoặc và, trong thâm tâm họ biết họ sai dữ lắm, nhưng nhất quyết không nhận lỗi. Ôm ấp tội lỗi như vậy, tháng này qua năm nọ chồng chất thêm nhiều tội lỗi khác, đến một lúc nào đó, từ một người hiền lương biến thành một kẻ gian ác không hay!

Trong nghi thức quy y Tam bảo, trước khi lãnh thọ Quy Giới, các giới tử phải thực hành nghi thức *"sám hối"*. Tại sao phải sám hối? Bởi vì từ vô thủy cho đến ngày nay, không ai là không tạo những điều tội lỗi gây nhiều phiền não, tổn thương cho mọi người. Vì thế, trước khi quy thọ giới để chánh thức trở thành đệ tử của Đức Phật, giới tử phải thành tâm sám hối, nguyện hứa từ nay trở đi tránh làm điều dữ, chỉ làm điều lành, nguyện gìn giữ ba nghiệp thân, lời và ý được trong sạch, biết tha thứ lỗi lầm của người khác v.v... Sau đó mới lãnh thọ năm giới: không sát sanh, không trộm cướp, không tà dâm, không nói dối, không say mê rượu men, rượu nấu.

Là Phật tử, chúng ta nên cẩn thận hành trì giới luật mà chúng ta đã phát nguyện thọ trì. Giữ được giới nào chúng ta đỡ phải phạm lỗi lầm của giới đó. Thật vậy, nếu không khéo giữ gìn, con người rất dễ dính vào mười điều ác gây khổ sở cho bản thân mình, cho thân nhân mình và những người chung quanh. Những lỗi lầm đó phát xuất từ thân, khẩu, ý như:

- Ba tội lỗi gây ra từ thân là: Sát sanh, trộm cướp, hành dâm bất chính.

- Bốn tội lỗi gây ra từ miệng lưỡi là: Nói dối, nói hai chiều, nói thêu dệt, nói lời hung ác.

- Ba tội lỗi gây ra từ ý là : Tham, sân, si (tà kiến).

Những lỗi lầm này chính là tội ác, lâu ngày biến thành nghiệp lực. Nghiệp đã gây ra thì nó sẽ theo dính với mình như hình với

bóng, rồi một ngày nào đó đủ duyên thì mình phải trả nghiệp chịu khổ!

ÍCH LỢI CỦA VIỆC SÁM HỐI

Người theo đạo Phật tin vào thuyết luân hồi, tin vào nhân quả nghiệp báo. Cho nên con người không chỉ chịu trách nhiệm về những tội lỗi của mình gây ra trong đời hiện tại, mà còn phải gánh vác thừa tự tội lỗi nghiệp chướng mà mình đã gây ra từ nhiều đời trong quá khứ theo quy luật nhân quả. Để chuyển hóa nghiệp lực, tiêu trừ tội lỗi trong quá khứ cũng như hiện tại, người Phật tử hiểu đạo đều mong muốn thực hiện “*Pháp tu sám hối*”. Sám hối mang lợi ích tích cực giúp con người chuyển đổi nhận thức, dựng lại lòng tự tin, chừa bỏ, không tái phạm những lỗi lầm xấu ác cũ.

1. Sám hối có thể chuyển hóa nghiệp lực, tiêu trừ tội lỗi, tu hành đạt quả vị giải thoát an vui:

Lịch sử Phật Giáo có ghi nhiều sự kiện sám hối như việc vua A-Xà-Thế vốn mang tội ngũ nghịch, vì muốn soán ngôi hoàng đế, nên đã ra lệnh giết chết vua cha Tần-Bà-La thật tàn nhẫn. Thời gian sau đó, nhà vua sống trong ngày đêm đau khổ vì hối hận. Nghe lời khuyên của trung thần, vua A-Xà-Thế đã đến yết kiến Đức Phật và bày tỏ lòng sám hối về tội ác do mình gây ra. Với lòng đại từ đại bi, Đức Phật đã ân cần ban pháp nhủ và an ủi nhà vua rằng: “*Trên thế gian có hai loại người có thể có hạnh phúc chân chính, một là người tu thiện pháp không tạo tội, hai là người tạo tội mà thành tâm sám hối*”. Ngài cũng giảng thêm rằng: “*Trên đời này có ai là người không phạm tội? Biết lỗi thì sửa đổi, không tái phạm, đó là cách hành xử của người đứng đắn*”. Tiếp theo Đức Phật khuyên vua hãy bỏ qua chuyện quá khứ, để chuộc lại lỗi lầm, từ nay nên lấy chánh pháp, lấy đức độ cai trị nhân dân, nên làm việc thiện lành, tránh xa việc ác thì tâm trí nhà vua sẽ được an ổn, hạnh phúc.

Nghe Đức Phật giáo huấn như thế, vua A-Xà-Thế cảm thấy hơi thở mình phút chốc được nhẹ nhàng như vừa trút bỏ được tảng đá đè nặng trên lồng ngực trong thời gian qua. Và ngay trong giây phút đó, thâm tâm nhà vua lóe lên một niềm hy vọng, một niềm tin tưởng mới. Vua xin quy y Tam Bảo, trở thành đệ tử của Phật. Và từ đó vua A-Xà-Thế vâng lời Phật dạy, luôn thực hiện nhiều việc công ích, phước thiện, nổi tiếng là một vị vua hộ pháp rất mạnh mẽ trong thời đó.

2. Sám hối giúp ngừng ngay việc làm xấu ác trong hiện tại và ngăn chặn những việc xấu ác phát sinh trong tương lai:

Trong kinh Trung Bộ số 86 kể lại vào thời Phật, có một tên sát thủ nổi tiếng, biệt danh là Daku Angulimala (*nghĩa là đeo râu chuỗi bằng ngón tay người*). Angulimala còn có

tên là Vô Não, chuyên chặn bắt và giết người ở ven rừng để thu hoạch 1,000 ngón tay, dùng làm lễ vật dâng vị thầy hứa dạy thần thông cho ông ta. Khi đã giết được 99 người, thì không còn tìm thấy một ai lảng vảng ở ven rừng, nên hẳn ta quay về nhà định giết mẹ ruột của mình. Ngay khi đó, Đức Phật quán chiếu thấy hẳn ta có duyên với Ngài vào đời trước, nên Ngài xuất hiện với tâm từ muốn độ hẳn ta buông đao thoát tội ngũ nghịch. Lúc gặp Phật, Angulimala chuyển ý nghĩ giết mẹ sang giết Phật để cắt lấy 10 ngón tay của Ngài cho đủ số. Câu chuyện kể rằng chỉ một chút thần thông “*đi nhanh*” khiến tên tướng cướp không đuổi theo kịp. Và khi Ngài dừng lại, chỉ vài câu đối thoại hai bên, Đức Phật đã giúp cho Angulimala giựt mình tỉnh ngộ, tâm trí thiện lương bị vô minh che lấp bấy lâu, bỗng chốc bừng sáng. Angulimala xin được theo Phật, một lòng sám hối, từ bỏ ác nghiệp.

Kinh Trung Bộ cho biết sau đó Angulimala trở thành một vị tỳ kheo tu hành tinh tấn, tôn giả nhẫn nhục chịu nhiều quả báo đau khổ. Sau cùng cũng đạt thánh quả A-La-Hán. Nếu không gặp Phật và không được Ngài thu phục thì người kế tiếp bị Angulimala giết chính là mẹ của mình, và ông sẽ tiếp tục chìm đắm trong ác đạo, tiếp tục là mối họa kinh hoàng cho dân chúng thời đó.

3. Phát triển tánh thành thật, hạnh thanh cao, hiện tiền được hạnh phúc an vui:

Người gây tội lỗi dù lớn hay nhỏ, nếu có lương tâm chắc chắn phải trải qua những ngày tháng sống trong ray rứt lo âu. Nếu thành tâm sám hối, không làm việc ác nữa mà làm những điều thiện lành sẽ khiến cho tâm hồn được phần nào nhẹ nhàng an ổn. Tâm an ổn là điều kiện cần thiết cho những quyết định sáng suốt đưa tới thành công trong nghề nghiệp, mang niềm vui, hạnh phúc cho mình và cho gia đình. Tâm an ổn, không lo âu, không phiền não, cũng chính là mục tiêu của việc tu tập trên con đường tâm linh đưa tới giải thoát giác ngộ. Vì thế “*Pháp tu sám hối*” rất quan trọng và cần thiết cho tất cả mọi người.

SÁM HỐI TRONG ĐẠO PHẬT

Kinh Pháp Cú, phẩm Song Yếu mở đầu Phật dạy: “*Trong các pháp, tâm dẫn đầu, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Nếu nói hoặc làm với tâm ô nhiễm. Sự khổ sẽ theo nghiệp kéo đến như bánh xe lăn theo chân con vật kéo*”. Đoạn cuối phẩm này, Phật dạy: “*Tuy tụng ít kinh mà thường y giáo hành trì, hiểu biết chân chánh, từ bỏ tham sân si, tâm hiền lành, thanh tịnh, giải thoát, xa bỏ thế dục, thì dù ở cõi này hay cõi khác, người kia vẫn hưởng phần lợi ích của sa-môn*”. Như vậy, pháp lành hay dữ, tốt hay xấu, hiền lương

hay độc ác đều khởi phát từ tâm. Điều này có nghĩa tội lỗi là kết quả do tâm của con người tác ý tạo ra, nên muốn sám hối thì phải từ tâm mà sám hối.

Trong kinh điển cũng có nhắc tới câu "*Tâm sinh muôn pháp*" nghĩa là từ nơi tâm mà phát sinh ra muôn pháp lành và muôn pháp ác. Nếu tâm không biết xấu hổ thì con người dễ dàng có hành động ngông cuồng, buông lời ác độc gây tổn hại cho mình và tổn thương người khác. Người biết tầm quý hay sám hối là người biết khắc phục lỗi lầm, là người khiêm cung. Người khiêm cung thường hay "*phản quan tự kỷ*" tức tự phản ánh, tự kiểm soát thân tâm và tự chỉnh đốn thay đổi mình cho tốt hơn. Như thế mới thăng tiến trên con đường đạo hạnh.

Sám hối trong đạo Phật không phải là lời xin lỗi suông để xóa đi sự ray rứt trong lòng. Sám hối cũng không phải là hành động mua chuộc dâng cúng, lễ lạy hành xác tạ tội, rồi sau đó tánh nào tật nấy, mà sám hối đây là một pháp môn tu tập. Cách sám hối chân chánh là con đường tu tập Tứ Diệu Đế để biết hiện tượng thế gian là vô thường, duyên sanh, vô ngã v.v... Hiểu biết rõ ràng pháp Phật, hành giả mới tin sâu vào Phật pháp, tin sâu vào nhân quả không dám làm các điều ác, chỉ làm các việc lành (chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành). Nhờ đó, những việc xấu ác xưa cũ sẽ sớm được tiêu trừ.

Có người hỏi sám hối xóa được hết tội nghiệp hay không? Để trả lời thắc mắc này, trong kinh có nêu ẩn dụ: Một nắm muối chúng ta không thể ăn được vì quá mặn, nhưng nếu chúng ta cho nắm muối đó vào một lít nước, khi nếm sẽ thấy hơi mặn mặn, nhưng nếu pha muối vào một nồi hay thùng nước lớn, khi uống nước ấy, chúng ta sẽ cảm thấy bình thường.

Cũng vậy, khi chúng ta phạm lỗi lầm. Lỗi lầm này xem như là nắm muối. Chúng ta nhận lỗi, biết sám hối và không tái phạm, ngược lại mỗi ngày chúng ta tu tập tạo nhiều công đức. Công đức được xem như nồi nước lớn. Công đức ngày càng gia tăng, sẽ từ từ xóa hẳn tội lỗi. Tóm lại, nếu như người phạm lỗi gặp thẳng duyên sám hối, từ bỏ được gốc rễ tham, sân, si thì mãi mãi không còn khổ đau, các nghiệp xấu cũng tan biến không còn trở lại nữa.

HÌNH THỨC SÁM HỐI (*)

Trong đạo Phật có nhiều hình thức sám hối, nhưng có bốn pháp sám hối thông dụng. Ba pháp thuộc về Sự. Một pháp thuộc về Lý.

A. Về Sự: Tức là về hình thức bề ngoài như lễ lạy, tụng kinh, sám hối. Lạy Phật ở đây là để tưởng nhớ đến công hạnh của chư Phật mà học hỏi noi theo. Là người hiểu đạo, chúng ta cần nhớ là chư Phật hay chư Bồ Tát

không xóa được tội lỗi do chúng ta gây tạo, mà phải do chúng ta tu tập mới chuyển đổi được nghiệp xấu của tự thân chúng ta mà thôi.

Về Sự có các pháp như sau:

1) Tác pháp sám hối: Khi có lỗi lầm phải lập đàn tràng, thỉnh các vị Cao tăng thanh tịnh đến chứng minh nên gọi là tác pháp. Khi vào giới tràng, phải thành thực trình bày những tội lỗi mình đã gây ra. Điều quan trọng là người sám hối phải thành tâm hối lỗi một cách khẩn thiết, nguyện không tái phạm. Một lòng tha thiết sám hối, khi "*giới thể*" được thanh tịnh thì hết tội.

2) Lạy Hồng danh sám hối: Đây là pháp tu sám hối bằng cách trì niệm danh hiệu Phật với tâm thành kính nghĩ đến oai đức không thể nghĩ bàn và những công hạnh toàn mỹ vì lợi lạc, hạnh phúc chúng sanh của các Ngài, và nguyện theo gương các Ngài mà tu tập để chuyển đổi tâm xấu ác của mình. Tổng cộng gồm 108 lạy, ám chỉ 108 phiền não. Lễ lạy hồng danh chư Phật có công đức không thể nghĩ bàn, nên Ngài Bất Động pháp sư đã soạn thành nghi thức sám hối, hiện nay đa số các chùa đều thực hành pháp sám hối này. Nghi thức lạy hồng danh Phật sám hối, nếu ai chí thành kính lễ, thì sẽ diệt trừ được những phiền não và tội lỗi đã gây ra trong hiện tại cũng như nhiều đời quá khứ.

3) Thủ tướng sám hối: Là một pháp môn sám hối thuộc về quán tưởng, dành cho những người tu hành có trình độ cao, hoặc ở những nơi không có Tăng, hoặc có Tăng nhưng không thanh tịnh. Muốn tu pháp này hành giả phải đến trước tượng Phật hay Bồ-tát thành tâm lễ bái, cung kính tác bạch những tội lỗi đã phạm và nguyện ăn năn, hối lỗi, chữa bỏ. Tiếp tục sám hối như thế cho đến khi nào thấy được hào tướng như: Hào quang, Phật hay Bồ Tát đến xoa đầu thì mới thôi.

4) Vô sanh sám hối: Pháp này thuộc về Lý sám hối, rất cao và khó. Người thực hành phải có Nhận thức về Chân Như, Tánh Không, Tánh Huyền của vạn pháp. Nhận ra Vô thường, duyên sinh vô ngã v.v... Vì pháp này đi vào Chân đế, phải bậc thượng căn mới có thể thực hành. "*Vô sanh sám hối*" gồm hai pháp:

a) Quán tâm vô sinh: "*Kinh Kim Cang*" dạy rằng: "*Tâm hiện tại, quá khứ, vị lai bất khả đắc*" tức là cả ba tâm này đều không có, (chỉ có hiện tại bây giờ và ở đây là Tánh giác, là Chân tâm). Quán tâm ba thời tức vọng tâm (vọng niệm) không có mặt thì tội lỗi cũng vắng mặt.

Kinh "*Nhất Dạ Hiền Giả*" cũng không chấp nhận tâm ba thời, an trú trong Tánh giác tức Chân tâm là tâm vô sinh vô diệt. "*Quá khứ không truy tìm/ Tương lai không*



KẾT LUẬN

Trong các cách sám hối cả về Sự lẫn Lý, tùy theo căn cơ và hoàn cảnh, hành giả tự chọn để áp dụng, đừng xem thường những lỗi lầm nhỏ, nghĩ rằng không ai biết, nên bỏ mặc không quan tâm. Chúng ta đừng quên có thể người ngoài không hay, không biết, nhưng chúng ta biết, tâm chúng ta đã ghi nhận tất cả những lỗi lầm đó vào trong ký ức rồi, khó mà tẩy xóa. Có thể chúng ta cố ý chôn vùi giấu nhẹm đi, nhưng nhân quả thì rất công bằng, mình gieo nhân nào sẽ gặt quả nấy. Chúng ta cũng đừng quên dù tội lỗi mình gây ra rất nhỏ, nhỏ như hạt bụi, hạt cát, nhưng lâu ngày những hạt bụi, hạt cát ấy tụ lại thành một đồi cát to cao. Giống như nước nhỏ từng giọt lâu ngày cũng soi mòn tảng đá hoặc nước rỉ từng giọt lâu ngày cũng đầy lu. Cho nên chúng ta phải "xử lý" ngay từ ban đầu lúc mới phạm tội bằng cách tu ngay "*Pháp sám hối*".

ước vọng/Quá khứ đã đoạn tận/ Tương lai lại chưa đến/ Chỉ có pháp hiện tại/Tuệ quán chính là đây/ Không động không rung chuyển.....". An trú trong chỗ không động không rung chuyển là an trú trong Tánh Giác. Trong Tánh Giác không có niệm tốt hay xấu thì làm gì có tội lỗi.

Cũng vậy, tu tập theo Đạo để (Bát Chánh Đạo), an trú trong Chánh định thì vọng tâm biến mất. Vọng tâm bị diệt rồi thì tội lỗi cũng tiêu luôn.

Tóm lại, đúng như lời Phật dạy trong kinh: "*Tội từ nơi tâm sanh, mà cũng từ nơi tâm diệt. Nếu tâm này không sanh, thì tội cũng không còn, thế mới thật là chân sám hối*".

2) Quán pháp vô sinh: Quán vạn pháp, nhận ra trạng thái Như, Như Vô hay Chân Như là cái "*thực tại tuyệt đối*" là cái "*chân thật như vậy*", là cái "*thật tướng phi tướng*" của vạn pháp (*tâm con người cũng là một pháp*). Tâm Như hay Chân Như không hình dáng, không thuộc tính, không màu sắc, không có đường nét gì để nhận ra bằng mắt thường, hay bằng trí năng suy luận, hoặc bằng tư duy biện luận, hoặc bằng ý thức phân biệt đúng sai, phải quấy. Nó ngoài phạm vi luận lý (attakavàra) theo cách nhìn trong thế gian.

Thực ra, khi nói đến hai tiếng "*Chân Như*", nó không còn là "*Chân Như*" nữa, bởi lý do đơn giản là vạn pháp từ khởi thủy đã "*không có tên gọi*", nó là nó, tạm gọi là "*như vậy*" là "*như*". Trong nó không có chứa một nội dung gì. Chỗ đó hoàn toàn bất động, trống rỗng, không lời, nên không có gì để thể phô bày. Cho nên tội lỗi, bất quá cũng chỉ là ý nghĩ, hành động hay lời nói xấu xa... là một loại vọng tướng, giả tướng không thanh tịnh thì làm gì có mặt trong Tâm Như bất động? Trong "*Kinh Quán Phổ Hiền*" cũng xác nhận: "*Muốn sám hối, phải quán thật tướng của các pháp, thì tội mới hoàn toàn tiêu diệt*".

Thật ra, chúng ta ai cũng biết trong cuộc sống hằng ngày, đôi khi chỉ một cử chỉ, một lời nói ra không khéo là đã tạo nghiệp xấu rồi. Vì thế, chúng ta thật khó mà đòi hỏi mọi người và ngay bản thân chúng ta không phạm lỗi. Có điều đã phạm lỗi thì phải biết tầm quý, hổ thẹn, ăn năn, thành tâm sám hối và nguyện chừa bỏ không tái phạm lần thứ hai. Làm được như thế, thì con đường tu của chúng ta mỗi ngày một tiến bộ thêm một chút.

Phạm lỗi mà biết sám hối, thì từ con người phạm phu chúng ta sẽ từ từ vươn lên thành bậc hiền thánh. Nếu không biết sám hối, cứ sống cuộc đời buông lung, buông thả, kết quả chúng ta cứ phải lặn ngụp đời đời, kiếp kiếp trong ba cõi sáu đường, bởi vì có pháp Phật đưa ra mà chúng ta không chịu bám lấy để tự cứu mình thì không ai cứu mình cả!

Tóm lại, "*Pháp Tu Sám Hối*" trong đạo Phật không phải là nghi thức rửa tội để được sạch tội, mà sám hối mang đủ hai yếu tố "*nhận lỗi và sửa lỗi*". Nhờ có sửa lỗi nên tội trước được giải trừ, tội sau mới không sinh khởi. Ngoài sám hối, chúng ta cần phát tâm thực hiện các hạnh tu khác như: Bồ thí, nhẫn nhục, trì giới, phát huy lòng "*từ-bi-hỷ-xả*".v.v... để tánh tốt luôn phát triển và tánh xấu không có cơ hội nảy mầm. Nếu kết hợp được như vậy thì "*Pháp tu sám hối*" sẽ đạt hiệu quả cao, và tạo được công đức vô lượng.

Nam Mô Cầu Sám Hối Bồ Tát Ma Ha Tát...

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(Chân Tâm thiền đường / July 17-2020)

Tài liệu: (*) *Phật Học Phổ Thông: Cách Sám Hối, Cổ HT. Thích Thiện Hoa.*

CHÙA ẨM QUANG VÀ CHÙA XÁ LỢI Ở NAM VIỆT

(Chương XXXII, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP III)

Nguyễn Lang

LỊCH SỬ / TÀI LIỆU

(tiếp theo)

PHẬT HỌC ĐƯỜNG NAM VIỆT

Phật học đường Phật Quang được khai giảng trở lại từ 1946 tại quận Trà Ôn tỉnh Trà Vinh do thiền sư Thiện Hoa chủ trì. Phật học đường này ngoài những lớp cho tăng sinh còn mở những lớp cho ni sinh. Cư sĩ Trương Hoảng Lâu ở quận Cầu Kè là một trong những người hoạt động nhất để ủng hộ tài chính cho Phật học đường này. Cũng năm đó Phật học đường Liên Hải ở Chợ Lớn cũng được khai giảng, do các thiền sư Trí Tịnh và Quảng Minh chủ giảng. Sau đó ít tháng, một Phật học đường khác tên là Mai Sơn được thiền sư Huyền Dung khai giảng, và ít lâu sau, được dời về chùa Sùng Đức ở Chợ Lớn. Như chúng ta đã biết, các Phật học đường nói trên sau này được thống nhất lại với Phật học đường Ứng Quang tại Sài Gòn để trở thành Phật học Đường Nam Việt. Chùa Ứng Quang mà sau này danh xưng đổi lại thành Ẩn Quang là do thiền sư Trí Hữu sáng lập.

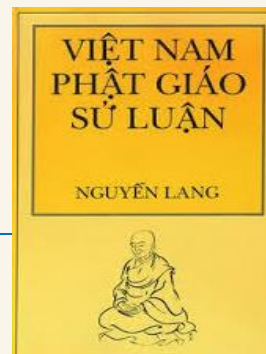
Thiền sư Trí Hữu quê tại xã Hòa Vang, quận Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Trong thời gian du hóa tại miền Nam ông từng cư trú tại chùa Hưng Long và chùa Hưng Đạo, cả hai đều do thiền sư Bảo Đảnh trú trì. Sau mùa an cư năm 1949 tại chùa Hưng Đạo ở Vườn Bà Lớn, ông tới dựng tích trượng ở một khoảnh đất trống trên đường Lorgénil thuộc khu Vườn Lài, và lập một am



Hòa thượng Thích Trí Hữu
(1912—1975)

tranh lấy tên là Trí Tuệ Am. Sau khi làm được một chính điện và một tầng xá, tất cả đều bằng tranh và tre, ông gọi am là chùa Ứng Quang, và mở tại đây một lớp giảng kinh cho tăng sinh cho tăng sinh trẻ tuổi tại các chùa lân cận. Chùa Ứng Quang trở thành một Phật học đường nhỏ. Với sự cộng tác của các thiền sư Nhật Liên và Thiện Hòa. Phật học đường Ứng Quang xây dựng thêm nhiều lớp học và tầng xá. Các thiền sư Trí Hữu, Nhật Liên và Thiện Hòa bắt đầu bắt đầu liên lạc với các Phật học đường Liên Hải và Sùng Đức. Sau nhiều buổi họp mặt tại các chùa Sùng Đức và Ứng Quang, những người lãnh đạo ba Phật học đường đồng ý thống nhất các cơ sở lại và thành lập Phật học đường Nam Việt, đặt tại chùa Ứng Quang. Thiền sư Nhật Liên có thể được gọi là nhân vật quan trọng nhất trong công tác vận động thống nhất các Phật học đường tại Nam Việt. Chính ông đã đề nghị đổi danh xưng Ứng Quang thành Ẩn Quang. Ông lại là người vận động thành lập Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và đã đảm phụ trách vụ tổng thư ký của Giáo Hội này trong những niên khóa đầu.

Phật học đường Nam Việt thành lập 1950; công cuộc xây dựng cơ sở bằng vật liệu nặng được tiến hành rất mau chóng. Phật điện, giảng đường và tầng xá được xây dựng ngay trong khi các lớp học đang được





diễn tiến. Trong vòng chưa đầy hai năm, Phật học đường Nam Việt đã trở thành trung tâm Phật giáo có uy tín nhất ở miền Nam. Chùa Ân Quang bắt đầu đi vào lịch sử.

Năm 1953, Phật học đường Phật Quang ở Trà Ôn gia nhập Phật học đường Nam Việt, và thiền sư Thiện Hòa được mời về chùa Ân Quang. Học tăng tử Phật Quang cũng ghi tên vào Phật học đường Nam Việt.

GIÁO HỘI TĂNG GIÀ NAM VIỆT

Chùa Ân Quang còn là trụ sở của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt, thành lập 1951, với thiền sư Đạt Từ ở chức vụ trị sự trưởng và thiền sư Nhật Liên ở chức vụ tổng thư ký. Thiền sư Đạt Thanh chùa Giác Ngộ được cung thỉnh làm Pháp chủ.

Năm 1953, cơ sở của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt đã được xây dựng đầy đủ ở các tỉnh Nam Việt, và đại hội giáo hội triệu tập ngày 8.3.1953 đã suy tôn thiền sư Huệ Quang làm pháp chủ của Giáo Hội, công cử thiền sư Thiện Hòa làm trị sự trưởng. Từ đó Giáo Hội Tăng Già Nam Việt trở thành một tập đoàn Phật Giáo rất trang nghiêm và có uy thế.

Vị pháp chủ kế tiếp thiền sư Huệ Quang là thiền sư Khánh Anh, suy tôn ngày 31.7.1956 tại chùa Huệ Lâm Chợ Lớn, và trụ sở đặt tại chùa Từ Nghiêm ở đường Bà Hạc Sài Gòn. Ni Bộ đã khai giảng hai Phật học đường cho ni sinh, một ở chùa Từ Nghiêm và một ở chùa Dược Sư. Hai vị ni sư Diệu Tánh (chùa Huệ Lâm) và Diệu Ninh (chùa Vĩnh Bửu) có mặt trong số những ni sư hoạt động nhất của Ni Bộ.

Thấy cơ sở Ân Quang đã được các pháp hữu của mình đảm nhiệm một cách xuất sắc, thiền sư Trí Hữu hoan hỉ trở về Quảng Nam. Ông đảm nhiệm chức vụ trú trì chùa Linh Ứng ở Non Nước, đồng thời nhận làm giám đốc cho Phật học viện Phổ Đà tại Đà Nẵng. Sau khi Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất được thành lập, ông đã từng giữ chức vụ Chánh Đại Diện Miền Liễu Quán cho Giáo Hội. Thỉnh thoảng ông lại vào thăm các pháp hữu

của mình tại Ân Quang. Ông mất ngày 30.1.1976 tại chùa Ân Quang, ngôi chùa lịch sử mà ông đã khai sơn hai mươi lăm năm về trước.

Chùa Ân Quang, mà sau này trở thành trụ sở Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, là một ngôi chùa còn trẻ tuổi, nhưng đã sớm trở thành một tổ đình. Cư sĩ Trương Đình Ý, giáo sư trường Mỹ Nghệ Thực Hành ở Gia Định là người đã có công chăm sóc về phương diện kiến trúc, điêu khắc và trang trí của chùa. Tượng Phật và những bức chạm nổi trong chính điện đều là những công trình sáng tác của ông.

THIỀN SƯ THIÊN HÒA

Nếu thiền sư Trí Hữu là người khai sơn chùa Ân Quang thì thiền sư Thiện Hòa là người đã duy trì và phát triển chùa này thành một ngôi tùng lâm rộng lớn. Thiền sư Thiện Hòa tuy là tuổi tác tương đương với pháp hữu của mình là thiền sư Trí Hữu, có thể được xem như là đệ nhị tổ của chùa Ân Quang. Ông là một trong những bậc cao tăng được nhìn nhận như một cây đại thụ che chở cho nhiều thế hệ tăng sĩ kế tiếp đã đi qua Phật học đường Nam Việt. Chức vụ giám đốc Phật học đường Nam Việt và trị sự trưởng Giáo Hội Tăng Già Nam Việt đã được ông đảm nhiệm một cách vững chãi và bền bỉ.

Thiền sư Thiện Hòa tục danh là Hứa Khắc Lợi, sinh năm 1907 tại làng Tân Nhựt, tỉnh Chợ Lớn. Ông có chí nguyện xuất gia từ hồi nhỏ tuổi nhưng mãi đến năm 28 tuổi ông mới được đi xuất gia, theo học với thiền sư Bửu Sơn ở chùa Long Triều. Xuất gia xong ông liền được gửi đến Phật học đường Lương Xuyên. Năm 1936 ông được gửi ra Huế học trường An Nam Phật Học tại chùa Tây Thiên. Năm 1938 khi thiền sư Phước Huệ trở về Bình Định, ông theo thiền sư vào Phật học đường Long Khánh để tiếp tục học Phật. Năm 1939 ông trở ra Phật học đường Báo Quốc ở Huế. Năm 1945 ông ra Hà Nội thọ giới tỳ kheo tại chùa Bút Tháp, theo học luật với thiền sư Tuệ Tạng ở chùa Cồn Nam Định và với thiền sư Tế Xuyên tại Hà Nam. Năm 1949, ông về chùa Quán Sứ tham dự vào Phật sự theo lời mời của thiền sư Tố Liên. Tháng Năm 1950 ông trở về Sài Gòn, lưu trú tại Phật học đường Sùng Đức. Khi Phật học đường Nam Việt được thành lập 1951, ông được mời làm Giám Đốc. Từ năm 1951 đến năm 1974 ông đã từ từ biến ngôi chùa lá Ân Quang thành một phạm vũ trang nghiêm vào bậc nhất Sài Gòn. Năm 1953 ông được bầu làm trị sự trưởng. Năm 1967, ông được bầu làm Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tài chính và Kiến thiết của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất. Năm 1973, ông được giáo chỉ

của Tăng Thống đề cử làm phó tăng thống. Ông mất ngày 7.2.1978 tại chùa Ấn Quang.

Thiền sư Thiện Hòa là một người có đức tính từ hòa và kiên nhẫn vào bậc nhất. Giữa các pháp hữu ở Ấn Quang, ông là một dòng suối mát, một nguồn an ủi. Ông ít khi đăng đàn thuyết pháp. Sáng tác của ông nằm trong phạm vi luật tạng, quan trọng nhất là tác phẩm Giới Đàn Tăng. Ông kiên nhẫn chủ tọa tất cả các buổi họp của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt và của Phật học đường Nam Việt, nói rất ít nhưng hóa giải được nhiều. Ông để mắt vào mọi chi tiết liên quan đến Phật điện, tăng xá, giảng đường và sự sống còn của đại chúng. Ông đã xây dựng cho Phật học đường một nhà in gọi là Ấn Quán Sen Vàng, nằm phía sau chùa. Trong những lớp tu nghiệp cho các vị trú trì do Giáo Hội Tăng Già Nam Việt tổ chức, ông thường đảm nhận trách vụ giảng dạy về luật tạng. Năm 1974 ông đã làm đàn đầu hòa thượng cho đại giới đàn Long Xuyên.

Hình ảnh đẹp nhất của ông là hình ảnh ông đứng nói chuyện với một học tăng ở sân trường. Dáng điệu của ông hiền từ, ngôn ngữ hòa ái. Mỗi khi cần đi đâu, ông ưa dùng xích lô hơn xe hơi. Ông vỗ nhẹ vai, từ tốn nói chuyện với người đạp xích lô một hồi rồi mới dịu dàng bước lên xe, tay ôm cặp. Người xích lô có cảm tưởng chở trên xe một người thân chứ không phải một người khách.

Sau ngày các thiền sư Quảng Minh, Huyền Dung, Nhật Liên và Quảng Liên xuất ngoại, bên cạnh thiền sư Thiện Hòa chỉ còn lại có các thiền sư Thiện Hoa và Nhật Hạnh trực tiếp trông coi Phật học đường Nam Việt. Thiền sư Thiện Hoa đảm nhận trách vụ Trưởng Ban Hoàng Pháp vừa của Giáo Hội Tăng Già Nam Việt vừa của hội Phật Học Nam Việt từ năm 1953. Trong trách vụ này, ông vừa đào tạo cán bộ vừa phân phối giảng sư đi các tỉnh. Những giảng sư xuất sắc của miền Nam từ năm 1956 trở đi như thiền sư Huyền Vi, Thanh Từ, Tắc Phước, Từ Thông, Thiên Định, Quảng Long, Chánh Tiến, Liễu Minh v.v... đều được ông huấn luyện và nâng đỡ trong những năm đầu. Từ năm 1957 trở đi, ông mở nhiều lớp huấn luyện cán bộ tu nghiệp hoằng pháp gọi là những khóa "Như Lai Sứ Giả" tại các chùa Pháp Hội và Dược Sư. Những giảng sư tốt nghiệp các khóa ở Pháp Hội lên tới 52 vị, trong số đó có các vị



*Hòa thượng Thích Thiện Hòa
(1907—1978)*

thiền sư Trường Lạc, Bửu Lai, Trí Châu, Nhất Châu, Nhất Long, Hồng Tịnh, Hồng Đạo, Hiến Pháp, Huyền Quý, Huyền Thông, Phước Hào và Huệ Thành. Trong số các vị tốt nghiệp ở chùa Dược Sư có các vị như Như Hoa, Phật Bửu, Giác Thiên, Như Huy, Như Huyền, Như Chí và Như Hiến.

Với Ấn Quán Sen Vàng, Phật Học Tùng Thư của Phật học đường Nam Việt do thiền sư Thiện Hoa quản đốc đã được xuất bản được một công trình Phật học từ sơ cấp đến cao cấp, dùng làm tài liệu giảng diễn cho các giảng sư đoàn. Chương trình Phật học này được chia thành mười hai khóa và được gọi là chương trình Phật học phổ thông. Chương trình được

phổ biến rất rộng rãi. Phật học Tùng Thư sau này đổi lại là nhà xuất bản Hương Đạo, xuất bản gần 100 tác phẩm, trong đó có khoảng 20 tác phẩm là do chính thiền sư Thiện Hoa sáng tác. Ta sẽ có dịp nói nhiều về thiền sư Thiện Hoa này.

Từ 1956 trở đi, với sự hướng dẫn của thiền sư Nhật Hạnh, chương trình giáo dục mới được áp dụng tại Phật học đường Nam Việt cho cấp tiểu học và trung học Phật giáo. Chương trình này nhằm mục đích cung cấp cho người học tăng tốt nghiệp cấp trung học Phật giáo, ngoài trình độ Trung Đẳng Phật học, một kiến thức phổ thông tương đương với trình độ tú tài. Từ đây, tại Phật học đường Nam Việt, học tăng được học thêm sinh ngữ, khoa học và văn học. Chương trình mới này được in trong học bạ học tăng. Tốt nghiệp trung học tại Phật học đường Nam Việt, nhiều học tăng đã ghi tên thi tú tài ban cổ điển và hầu hết đều trúng tuyển. Phần lớn đã dùng chữ Hán làm cổ ngữ, và Pháp văn làm sinh ngữ.

Nhiều học tăng đã ghi tên tại các trường Đại học Sư phạm hoặc Đại Học Văn khoa Sài Gòn trong khi tiếp tục học chương trình Cao Đẳng Phật Học tại Phật học đường Nam Việt. Nhiều vị sau khi ra trường, đã có bằng cử nhân Văn Khoa hay cử nhân Sư Phạm. Những văn bằng này đã giúp họ điều kiện mở những trung học tư thục của Phật giáo tại Sài Gòn và các tỉnh theo mẫu mực những trường tư thục Bồ Đề mở ở miền Trung nhiều năm trước đó. Trong số các vị xuất sắc nhất có các vị thiền sư Minh Cảnh, Thiện Tánh, Đạt Bửu, Trí Không, Chơn Lễ, Thiện Phú, Thanh Văn... Về sau có vị đã xuất ngoại để tiếp tục

học Phật hoặc các ngành triết học hoặc xã hội học.

Ngoài Phật học đường Ấn Quang, tại miền Nam còn có Phật học đường Giác Nghiêm ở Khánh Hội do thiền sư Hành Trụ chủ trì và một số Phật học đường cấp tiểu học và trung học xuất phát từ Ấn Quang như các Phật học đường Huệ Nghiêm và Giác Sanh ở Chợ Lớn, Phật học đường Phước Hòa ở Vĩnh Bình.

THIỀN SƯ HÀNH TRỤ

Thiền sư Hành Trụ, giám đốc Phật học đường Giác Nguyên, quê ở Phú Yên, tên đời là Lê An, sinh năm 1903. Xuất gia hồi còn 12 tuổi tại chùa Phước Sơn, Phú Yên và học Phật với thiền sư Thiền Phương.

Sau khi tự đại giới vào năm 22 tuổi, ông được theo học tại các Phật học đường Lương Xuyên miền Nam và Tây Thiên ở miền Trung. Pháp danh của ông là Thị An, pháp hiệu là Phước Bình.

Ông đã phiên dịch và ấn hành hơn 20 thứ kinh sách, trong đó có các sách *Tứ Phần giới Bổn Như Thích*, *Sa Di Luật Giải*, *Qui Sơn Cảnh Sách*, *Phạm Võng Bồ Tát Giới*, *A Di Đà Kinh Sớ Sao*, *Long Thư Tịnh Độ*, *Kinh Vị Tăng Hữu* và *Kinh Hiền Nhân*. Từ 1974, ông về trú trì chùa Đông Hưng. Năm 1975 ông được đại hội Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất cử vào trách vụ Tổng vụ trưởng Tổng Vụ Tăng Sự.

PHẬT HỌC ĐƯỜNG HUỆ NGHIÊM

Phật Học đường Huệ Nghiêm ở Phú Lâm Chợ Lớn là một tông lâm khá phồn thịnh. Phật học đường này được các thiền sư Thanh Từ và Bửu Huệ điều khiển. Thiền sư Thanh Từ trước đó đã từng giám đốc Phật học đường Phước Hòa và Trà Vinh từ năm 1958 tới năm 1959. Phật học đường này từ năm 1956 đến 1958 được thiền sư Tịnh Đức điều khiển. Phật học đường Giác Sanh tại Chợ Lớn cũng được đặt dưới quyền giám đốc của thiền sư Thiện Hòa.

CÁC NI VIỆN MIỀN NAM

Lớp Ni học đầu tiên tại miền Nam được tổ chức tại chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu năm 1927. Thiền sư Khánh Anh, hồi ấy từ Quảng Ngãi vào nam, được mời làm đốc giáo. Trong ban giảng huấn có các thiền sư Chân Niêm, Vạn An và Vạn Pháp. Lớp Ni học thứ hai được tổ chức vào năm 1936 do Ni sư Diệu Tịnh tổ chức tại Ni viện Hải An ở Bà Queo. Năm 1939 một lớp khác được tổ chức tại chùa Vạn An ở Sa Đéc, mời thiền sư Mật Hiền từ Huế vào giảng. Sau đó các Ni sư Diệu Tánh và Diệu Tấn lại mở trường Ni học tại chùa Kim Sơn ở Phú Nhuận.

Tại Phật học đường Lương Xuyên ở Trà

Vinh, năm 1936, một lớp Ni học được tổ chức dưới sự lãnh đạo của thiền sư Minh Tịnh từ Quảng Ngãi vào. Thiền sư Khánh Hòa sau đó đã vận động mở thêm một Ni học đường tại chùa Vĩnh Bửu ở Bến Tre. Ni học đường này sau đó được giao cho Ni sư Diệu Ninh coi sóc. Thiền sư Chánh Quả trụ trì chùa Kim Huệ ở Sa Đéc cũng đã lập một ni viện tại chùa Phước Huệ trong cùng một tỉnh. Năm 1946, thiền sư Hành Trụ cũng lập Ni viện Tăng Già ở Khánh Hội Sài Gòn và Ni viện Chánh Giác tại Đồng Ông Cộ, Gia Định.

Năm 1950, Ni sư Như Chí mở một lớp Ni học tại chùa Từ Quang ở Sa Đéc.

Ni viện Dược Sư ở Gia Định được hình thành năm 1936 nhưng mãi đến năm 1954 mới trở thành một cơ sở lớn. Năm 1957, Ni Bộ Nam Việt được thành lập và được đặt trụ sở tại đây. Ni Sư Diệu Tánh, trước đây làm chủ trì chùa Hội Sơn và Ni viện Huệ Lâm, được bầu lên trách vụ Ni trưởng. Năm 1959, Ni viện Từ Nghiêm được thành lập. Trụ sở Ni Bộ được dời về đây. Từ Nghiêm được trở thành một cơ sở lớn của ni chúng sau khi việc xây cất hoàn thành vào năm 1962. Năm 1965 Ni Bộ đã cho Trường Thanh Niên Phụng Sự Xã Hội mượn một đại giảng đường và một văn phòng trong khi trường này đang xây cất tại Phú Thọ Hòa.

Trong số những vị ni sư đầu tiên được xem là các danh ni, ta có thể kể các ni sư Diệu Tánh, Diệu Tịnh, Diệu Tấn, Diệu Ninh, Diệu Kim và Hồng Chí.

Ni sư Diệu Tịnh

Ni sư Diệu Tịnh có thể được xem như là bố đốc đầu tiên của ni giới miền Nam. Bà tên Phạm Đại Thọ, sinh năm 1910 ở Gò Công. Bà tập sự xuất gia năm 15 tuổi tại chùa Tân Lâm Gia Định. Năm 18 tuổi bà được theo học lớp Ni học đầu tiên tại chùa Giác Hoa ở Bạc Liêu. Bà thụ giới tỳ kheo năm 1930 tại giới đàn ở núi Điện Bà do thiền sư Giác Hải chủ đàn. Năm 1931 trở đi bà bắt đầu dịch một số kinh điển ra quốc ngữ. Trên báo Từ Bi Âm số 27, bà viết lời kêu gọi nữ giới hợp tác mở mang ni giới. Năm 1933 bà được mời làm thủ lãnh ni chúng trong ba tháng kiết hạ tại giới đàn thuộc chùa Giác Hoàng ở Bà Điểm do thiền sư Thái Thượng làm chủ tọa. Năm 1934, bà về trú trì chùa Thiên Bửu, mở một lớp ni học tại đây và mời thiền sư Khánh Thuyền về cùng giảng dạy. Sau đó bà trở về chùa Tân Lâm. Nhận lời mời của hội Nam Kỳ Nghiên Cứu Phật Học, bà đi thuyết kinh giảng đạo tại nhiều nơi miền Lục Tỉnh. Năm 1935 bà khai sơn chùa Từ Hóa ở làng Tân Sơn Nhất tỉnh Gia Định, có sự tham dự của các Ni sư Diệu Tánh, Diệu Tấn và Diệu Thuận. Năm sau, bà đổi hiệu chùa là Hải An Ni Tự, ni chúng quy tụ về để tu học khá

đông. Năm 1937 bà ra nhận chức trú trì chùa Bình Quang ở Phan Thiết, và giao cho các đệ tử là các Ni sư Huyền Tông và Huyền Học ở lại trú trì và hành đạo. Năm 1938, bà ra Bắc nghiên cứu thêm về luật tạng. Trên đường về Nam, bà được Khôn Nghi Xương hoàng thái hậu mời vào cung để dạy đạo. Bà ở lại trong cung hai tháng và giảng xong bộ Phạm Võng Lược Sở cho thái hậu. Triều đình Huế đã ban sắc tứ cho chùa Bình Quang ở Phan Thiết sau đó. Trở về chùa Hải Ấn, bà lại lên tiếng trên Tủ Bi Âm kêu gọi nữ giới đứng dậy tự lập và xiển dương chánh pháp. Năm 1939, bà tổ chức Ni học viện tại chùa Giác Linh ở Sa Đéc. Ni chúng đông đến gần 100 vị. Bà đã thỉnh thiền sư Mật Hiên và Ni sư Diệu Không cùng bà lo việc giảng dạy. Lúc này bà mới 29 tuổi. Ni học viện này được dời về chùa Vạn An sau đó.

Năm 1940 bà khai giảng trường Ni học ở chùa Linh Phước và mời các thiền sư Chánh Quang và Giác Tâm về phụ giảng với bà. Vì phải lo lắng cho các trường Ni học, vừa về vật chất vừa về tinh thần, cho nên sức khỏe bà hao mòn rất chóng. Bà tịch năm 1942 tại chùa Hải Ấn, thọ 33 tuổi.

Ni sư Diệu Tịnh, pháp danh Hồng Thọ, là người muốn nâng địa vị của giới phụ nữ lên ngang hàng với nam giới. Những tài liệu trên đây về bà đã được một vị đệ tử là ni sư Huyền Huệ cung cấp.

Ni sư Chí Kiên

Ni sư Hồng Chí tên đời là Đặng Thị Mười, sinh năm 1913 ở Sa Đéc. Bà xuất gia năm 1928 tại chùa Từ Ân, Mỹ Tho, dưới sự hướng dẫn của thiền sư Huệ Mạn. Pháp danh bà là Chí Kiên, pháp tự cả bà là Như Chí. Bà thụ đại giới vào năm 1938. Bà đã từng theo học tại Ni viện Hải Ấn do Ni sư Diệu Tịnh giám đốc và tại Ni viện Diệu Đức ở Huế. Năm 1940, bà lập Ni viện Tập Thành ở Sa Đéc, thu nhận 40 ni sinh. Năm 1949 bà làm quản lý Ni viện Tăng Già ở Khánh Hội Sài Gòn. Cũng năm đó bà làm hòa thượng cho giới đàn truyền tỳ kheo ni giới tại chùa Tăng Già. Năm 1950, bà về Sa Đéc mở Ni viện Từ Quang và đến năm 1955 bà chọn 20 vị học ni xuất sắc cho lên nhập học ở Ni viện Dược Sư, Gia Định. Năm 1951 bà làm hòa thượng cho giới đàn chùa Kim Huệ và năm 1954 làm hòa thượng truyền giới cho giới đàn ni viện Dược Sư. Năm 1965 bà được mời làm giám đốc Ni học viện Từ Nghiêm. Số ni sinh của viện năm này lên tới 92 vị. Năm 1975, bà kế thừa ni sư Như Thanh làm Vụ trưởng Ni Bộ Bắc Tông. Năm 1977 bà làm hòa thượng của giới đàn Kiều Đàm tại Ni viện Từ Nghiêm cho 350 giới tử.

Ni sư Hồng Chí có viết nhiều bài trong các tập san Phật học trong nước như Hoa

Sen, Hoảng Pháp và Hoa Đàm. Bà có làm nhiều thơ. Có những bài thơ bà làm từ năm 1928 khi mới xuất gia, năm 15 tuổi. Sau đây làm một bài của bà sáng tác năm 1974:

THIÊN KHÁCH DU SƠN

*Thiền khách du sơn tự tại nhàn
Cõi lòng thanh thoát đạo thâm thang
Non cao đá dựng từng từng gập
Suối bạc lung linh thông giác ngại
Tùng xanh phơn phớt triết huyền quang
Sắc Không Chơn Vọng đầu còn nữa
Buông bỏ hai đầu, chặng giữa tan.*

Ni sư Diệu Ninh

Ni sư Diệu Ninh là một người có khuyh hướng cứu tế xã hội. Bà sinh năm 1914 tại Trà Vinh. Tên đời là Vương Thị Kiến. Bà xuất gia năm 1930 tại chùa Thành Xuân tỉnh Châu Đốc dưới sự hướng dẫn của thiền sư Như Nhiêu. Bà đã được học Phật với các thiền sư Từ Phong, Khánh Hòa và Khánh Anh. Bà đã theo học trường Lương Xuyên do thiền sư Khánh Hòa làm hòa thượng đàn đầu. Năm 1938 bà về học tại ni viện Vĩnh Bửu ở Bến Tre. Từ năm 1940 trở đi bà được trao cho nhiệm vụ trụ trì ni viện này. Năm 1945 vì tình hình Bến Tre bất an, bà về an cư tại Ni viện Huệ Lâm ở Sài Gòn. Năm 1957 khi Ni Bộ được thành lập, bà đảm nhiệm trách vụ phó ni trưởng và đồng thời quản lý Ni viện Dược Sư. Năm 1959 bà về Ni viện Từ Nghiêm làm quản lý và lo việc kiến thiết ni viện này. Năm 1966 bà làm Trưởng Ban Cứu Trợ nạn nhân bão lụt và địch thân đem gạo muối đến tận những miền lụt lội ở Châu Đốc, Long Xuyên và Đồng Tháp để cứu giúp hàng ngàn gia đình nạn nhân. Năm 1969 bà sang Nhật để tu nghiệp về Thiền tại tu viện Tổng Trì. Về nước 1971 bà trùng tu chùa Vĩnh Bửu và chùa Thiền Đức. Năm 1972 bà mở Ký Nhi Viện Huệ Quang, tổ chức cứu lụt ở Quảng Nam. Năm 1974 bà nhận chức giám viện Ni viện Dược Sư.

(còn tiếp)





CHÁNH BIẾN TRI

(*Câu Chuyện Dưới Cờ* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Chi còn một tuần lễ nữa là chúng ta sinh hoạt đúng một năm. Huynh trưởng, đoàn sinh nên làm gì, nghĩ gì để xây dựng cho mình một kiến thức, một tư duy đúng, làm cơ sở để hành động đúng chánh pháp. Không cô phụ tấm lòng từ mẫn ưu ái của Tăng-già, quý vị phụ huynh, của bác gia trưởng và các anh chị đã ủy thác lèo lái đơn vị cho chúng ta.

Thế gian cho rằng, vạn vật xe cộ cây cối sinh hoạt xuất hiện trên mặt đất là hữu lý, là đúng.

An ở có hiểu nghĩa, gia đạo an vui, hạnh phúc, dân giàu nước mạnh là đúng. Cả hai nhận thức trên là đúng nên gọi là CHÁNH. Nhưng nếu có dịp ngồi con tàu vũ trụ ra ngoài quỹ đạo của quả đất, nhìn qua kính viễn vọng, ta sẽ thấy rằng vạn vật và con người như có chất keo bám vào quả đất chòì đầu vào hư không mà không rời. Sự lộn ngược, không thuận đó, thuật ngữ nhà Phật gọi là Điên Đảo.

Tư tưởng an hưởng trụ vào hạnh phúc, thế gian đổ với sự đắm nhiễm bằng lòng thì vĩnh kiếp cũng không ra khỏi tử sanh phiền não, luân hồi. Là ngược lại với tiến trình giải thoát, không chịu xả hy nên cũng là Điên Đảo.

Như vậy con người chúng ta hôm nay đang sống trong thế giới chánh Điên Đảo.

Cho nên những suy tư hiểu biết lý luận thuật ngữ nhà Phật gọi là Điên Đảo Tưởng. Phật dạy: Muốn đến chỗ giác ngộ phải biết xa lìa Điên Đảo.

Nhưng muốn xa lìa điên đảo ta phải làm sao? Tổ dạy: "*Hãy hằng xét lỗi mình - Không nên tìm lỗi người.*" Hằng xét lỗi mình thì ngày một thêm tinh tấn. Không thấy lỗi

người thì ngày một thêm khoan thứ bao dung bình đẳng. Lấy thân giáo để hướng dẫn người, Tổ dạy đó là "*dĩ thân tác chứng, dĩ thân tác chứng*" vậy.

Tất cả hành động và tư duy của người Phật tử nhằm trong sạch hoá thân tâm để ngọn đuốc trí huệ khơi sáng. Đó là con đường



Chánh Biến Tri. Con đường rèn luyện bản thân, tinh tấn làm việc tốt đẹp, gieo nhân hạnh thiện lành, sẵn sàng nhận lãnh những tai ách với tâm địa hoan hỷ, không thoái xuất niềm tin cho đến khi nào trong dòng sinh mệnh của chính mình không còn một chứng tử bất thiện và từ đó ta và chơn thể của vũ trụ là một, mà là tất cả, vì tánh chu biến rộng khắp. Thì nhất cử, nhất động đều không sai chánh pháp, nên gọi là Minh Hạnh Túc; đi đến bờ giác ngộ, đến cảnh giới nát bàn, tịch tịnh nên gọi là Thiện Thế. Hiểu rõ tất cả nguyên nhân sinh khởi cũng như sự hoại diệt chuyển lưu của chúng, hữu tình lẫn vô tình không sai sót, nên gọi là Thế Gian Giải. Đúng là bậc trí tuệ cao tột không ai bằng, nên gọi là Vô Thượng

Sĩ. Có thể kiểm chế khuất phục những thể loại chúng sanh ma ác chướng nghịch nên gọi là Điều Ngự. Tự thắng mình, thắng người đó là bậc Trượng Phu. Đó là bậc thầy của chư thiên tiên và nhân loại: Thiên Nhơn Sư, chỉ có đấng Đại Giác Phật.

Không phê phán, không nói về lỗi lầm của người, gặp nhau khai tâm mở trí sách tấn nhau tu tiến. Đó là con đường làm Phật của Phật tử chúng ta.

(Trích 52 Câu Chuyện Dưới Cờ—Thị Nguyễn Nguyễn Đình Khôi)

Bên dòng sinh tử châu sa

TÂM KHÔNG VĨNH HỮU

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

*"Bao nhiêu năm làm kiếp con người (Sinh)
Chợt một chiều tóc trắng như vôi (Lão)
Lá úa trên cao rụng đầy (Bệnh)
Cho trăm năm vào chết một ngày (Tử)...
(Cát bụi - Trịnh Công Sơn)*

Cuộc đời này vốn vô thường, huyền mộng... Là con Phật, ai cũng rõ biết điều đó.

Kiếp người là giả tạm, phù du, mong manh ngắn ngủi... Quy luật "sinh trụ hoại không" của muôn đời thật phũ phàng và vô cùng nghiệt ngã, hỏi có mấy ai vượt thoát khỏi vòng kiềm tỏa chặt chẽ của nó?

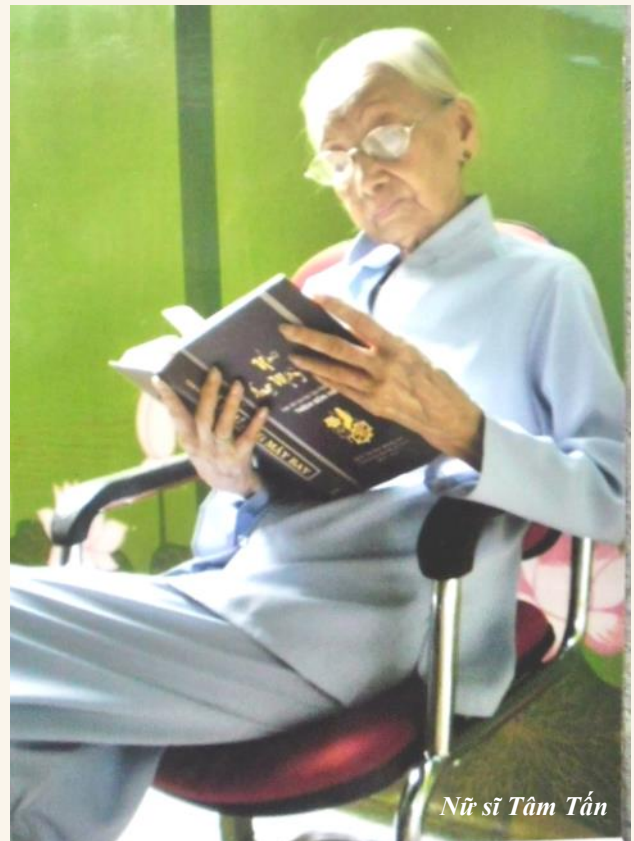
Đầu rõ biết, đầu thấu hay, nhưng vì vẫn là một chúng sanh, một sinh linh bé nhỏ, đang còn hụp lặn giữa bể khổ trầm luân, trôi lăn giữa dòng sinh tử luân hồi, nên chúng ta cứ luôn luôn sẵn sàng để cho những giọt nước mắt tuôn rơi, không chỉ khi tiếc nuối đau buồn với tổn thất, mà còn với lúc hạnh phúc mừng vui.

Nước mắt lưng tròng, rơi rớt đầm đìa, trào tuôn ràn rụa... thì cứ để chúng tự nhiên xuất đáo, tự do bay nhảy, không chuyên chi phải kìm nén, đắp đê ngăn đập để chặn đường rơi lối chảy của chúng. Khóc được cứ khóc, đó là chuyện bình thường. Khóc với tâm bình thường thì vẫn không hề xa Đạo.

Mẹ tôi, nữ sĩ Tâm Tấn (Trịnh Tiên), nhà thơ của Phật giáo, đã từng khóc biết bao lần trong quãng đời tu học và phụng sự Đạo pháp, mỗi khi đối diện với nỗi khổ "sinh ly tử biệt", đối diện với sự mất mát to lớn của bao người, hay đối diện trước một khoảng không gian trống vắng tịch mịch mà một vị Trưởng lão, một vị cao tăng, hay một vị Ni trưởng... mới vừa để lại sau khi xả thân ngũ uẩn rời bỏ cõi trần gian mộng huyền. Mẹ cũng khóc như ai. Nhưng bà thường khóc bằng... thi ca. Từng giọt lệ là từng câu chữ, từng dòng nước mắt là từng âm điệu âm giai, từng câu cú ngôn từ tuôn sa theo dòng chảy đau thương tiếc nuối như những hạt châu để dâng trình tiễn đưa giác linh của những bậc đại trí đại hạnh cao đẳng giác ngộ. Nên, tôi mạo muội gọi đó là những giọt châu sa bên dòng sinh tử!

Những thi phẩm thương tiếc chư tôn đức phẩm hạnh của Mẹ tôi không chỉ đơn thuần là những bài thơ phúng điệu góp vào tang lễ, đã được gửi gắm hết cả tâm tình của một người con khóc cha vừa khuất bóng, khóc mẹ mới đi xa, mà hạt châu nào cũng long lanh sáng ngời bao lời kinh tiếng kệ tán dương, tán tụng ân đức cao dày của các bậc thạc đức hoàng pháp, độ sinh.

Là một đứa con luôn luôn còn bé bỏng nhỏ nhoi của Mẹ, tôi chỉ xin làm nhiệm vụ góp nhặt, tập hợp, và tuyển chọn lại những hạt châu quý báu đó từ những trang bản thảo chép tay, và các tập Kỷ yếu Tang lễ... về một mối, với ước nguyện được khâu kết thành một chuỗi hạt châu trong vườn thi đạo.



Nữ sĩ Tâm Tấn

BỒ-ĐỀ THÁNH THỌ (*)

(Kính dâng giác linh HT. Phó Tăng Thống thượng Thiện hạ Hòa)

Sinh dưới bóng cội Bồ-đề Thánh thọ
Đất thiên gia sen hạ kín hương trời
Tâm phước điền đơm hạt ngọc tinh côi
Nạm ý Đạo tròn vin câu điệu Pháp
Giọng dạy Chúng như oanh ngôn yển ngữ
Đức trao Tâm suối mát mạch Lâm thiên
Giới tử Dược Sư, giới tử Tử Nghiêm
Người dẫn dắt lay Đại Tăng ấn chúng:
Ngọc thốt văn thanh người nghe cảm động
Sư trưởng Huệ Lâm rớm lệ mỉm cười...
Người châm hương khi Thánh nữ vào ngôi
Tâm dụng Pháp như suối ngàn lặng lẽ...
Đầu giữa cảnh phong ba và máu lệ
Cấm Chúng ác hành, tránh dụng lời Ma!
(Là bởi vì trong một đóa kỳ hoa
Thâm vi diệu bóng Bồ-đề Thánh thọ!)
Ly trần... hơn sáu mươi năm dị độ
Giữa mùa an cư nắng hạ rực vàng
Có cơn mưa lành trước lễ chuyển quan
Đất Trầm tỏa phát ngàn tâm quy ngưỡng...
Phước huệ giao ngôn khắc vào suy tưởng
Cho nguồn Thơ thơm nguồn Đạo tươm vân
Duyên Đạo Đồi nửa thế kỷ hòa Tâm
Quý đánh lễ Thánh dung ngân ánh lệ.

(*) Bồ-đề Thánh Thọ là giống bồ-đề chiết ra từ gốc bồ-đề mà Đức Bổn Sư ngài thiên định và đặc quả vị Phật. Năm 1938, Đại sư Maha Thera Narada đem cây bồ-đề chiết từ Bodhi Gaya sang Việt Nam, và tặng cho Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học. Hội thọ lãnh và làm lễ trồng cây bồ-đề ở trước chùa Linh Sơn (Sài Gòn, nơi Hội Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học đặt trụ sở). Tác giả ví công đức đạo hạnh của Ngài HT. thượng Thiện hạ Hòa, vị cao tăng khai đạo, vững gốc nẩy nhánh như Bồ-đề Thánh thọ.

NIỀM ĐAU NHƯỢC THẢO

(Kính dâng Giác linh HT. Già Lam thượng Trí hạ Thủ)

Gột hồng nhẹ bước về Ngôi
Vẫy tay Hoảng pháp ngậm ngùi nhân sinh!
Trăng soi **Báo Quốc** lung linh
Đầu rêu còn đậm sân thiên bóng xưa...
Trầm khơi **Hải Đức** hương đưa
Nao nao Biển Pháp nhớ mùa huyền ngôn,
Quảng Hương sương nắng gieo hồn
Sương bay Cổ lục nắng vờn Thiên thu;
Cỏ cây thao thức dáng Từ
Mưa đau nhức thảo, sa mù nhả hoa!
Gió hương rèm lụa phát qua
Đăm nhìn chiếc võng, khay trà, mà thương!
Nhìn sâu lối sỏi vườn hương
Giày rơm gậy trúc in đường Thầy đi...
Chim nghiêng mái Tịnh ca bi
Nhớ "Hoàng Hoa"... giọng ngâm thi buổi trà
Thầy như mặt nhật chiếu xa

Môn sinh, Phật tử lệ nhòa hướng dương
Ân Thầy đầy ắp nguồn thương
Từ ngôn ái ngữ đẹp đường gấm châu,
Hàng hàng giọt lệ kết châu
Tâm nguyên trái thảm dâng hầu Giác Linh
Trùng trùng quang chiếu Non Linh
Tâm Như nhập Thánh đăng trình giá-na.
Trầm phong kín động Kim Tòa
Non ngàn năm... Hạc Mây xa chập chùng...

KIM CƯƠNG HUYỆT ĐÁ

(Kính dâng giác linh cổ Đại lão Hòa thượng thượng Trí hạ Nghiêm)

Trời Xuân Lộc, đất Đồng Xuân
Mây lành Trăng sáng khai thần sơ sinh
Rời từ một Tạng Địa Linh
Bàn tay ấn bút ngân **Kinh Lời Vàng**
Phổ Môn mở **Pháp Hoa** trang
Luận Thành Thật điểm hàng hàng ý sâu
Ngọc trong Suối Pháp nhiệm mầu
Vừa xong **Bát Nhã** vạn câu, Tạng Đồi...
Một đời Hoảng Hóa cao ngời
Ân cư Trại Thủy đình đôi pháp sương
Giữa Vô thường trụ Chơn thường
Mai vàng Lan biếc thiên hương bốn mùa...
Dòng kinh tỏa mát tờ xưa
Giọt sương châm Tuệ Đại Thừa vào nghiên...
Tuổi Đồi, Tuổi Đạo cao niên
Làm sao tránh khỏi biến thiên Cuộc Trần!
Ôn chờ sắc hội Tinh Vân
Đất trời dung hợp vào Xuân Quý Mùi
Chân Trần bước nhập về ngôi
Mắt xuyên Hải Đức
Mạch đôi Long Sơn.
Linh Phong Cổ Tự cung đờn
Bát sanh Bất Diệt Pháp vờn Tâm Kinh.
Cỏ hoa chim chóc cung nghinh
Kim Cương Huyệt Đá ấm tình ngàn năm...

TRUYỀN TÂM TÀI ĐẠO

(Kính dâng giác linh Hòa thượng thượng Thiện hạ Siêu)

Thuyền Tôn, Báo Quốc, Từ Đàm
Trống chuông Bát Nhã... bàng hoàng trở Kinh
Trên cao lấp lánh Văn tinh
Nghiêng mời ánh chớp vận hành về Ngôi
Cao Tăng phẩm hạnh rạng ngời
Đem ban **Tâm Phật** ấm đời nhân sinh.
Chín phương trời đất minh minh
Năm mươi tuổi Hạ viên thành mười phương.
Huyền Văn chấp bút khoa trường
Chuyển tay Hàn Mặc khơi nguồn Chân Kinh
Truyền trao lớp lớp tăng sinh
Mầm Sen Khai Hạ, điểm nhành Mai Xuân
Bút nghiên thừa Huệ thừa Ân
Thiên Thần quét lá, lên tầng Tuệ Tăng.
Trí Tâm như ngọn Hải Đăng
Cho thuyền cao sóng thẳng bằng mù khơi...
Như Trăng lồng lộng khung Trời
Soi cho **Cội pháp rừng đời** nguyên sinh.
Chiêu Thu năng ngả bên thềm

Chuông ngân trút lệ, mõ rền nhịp tang
Vườn **Thiền Tôn**, sân **Từ Đàm**
Rào mưa gãy gục, trăng vàng vỡ khuôn
Mái rêu **Cổ Tự** đậm buồn
Vàng Dương che mặt màn sương Thu mờ...
Mây vàng đỉnh **Thúu** giăng tơ
Áo hình lọng báu nghinh chờ **Chân Sư**.
Vừa xong **Ấn** bút gieo **Châu**
Truyền tâm tải đạo, về hầu **Như Lai**.

HOA MẠN ĐÀ LA

(Kính dâng giác linh HT. Luật sư thượng
Đổng hạ Minh)

Nhìn trời tỏa sáng tia sao:
Bút tươm **Luật Tạng** nam vào trang son;
Vàng trắng chiếu diệu đầu non:
Nghiên vàng dấu ấn khuyển tròn đề thi
Tâm tâm trái gấm đồng quy
Dệt trang **Thiền** sử sắc quý lung linh
"Mấy mùa **Xuân** tới, **Đạo** Căn vườn tỏa đời
xanh, nẩy nở **Mạn Đà** Tâm Đại Chúng
Mười bảy năm qua, **Pháp** Chúng gieo ngời
triển biếc, xum xuê **Tùng Trúc** Chí Tăng
Sinh" (*)
Câu đối kính dâng mừng chúc bậc **Siêu,**
Minh

Hai nét bút **Luận** Kinh tươm **Luật Tạng**.
Không ngại phế hưng, không chùn **Pháp** nạn
Đường đời xanh quây nặng gánh hai chùa
Hải Đức-Long Sơn hức nằng bầm mưa,
Chân hành **Đạo** vẫn không lằm lổ bước.
Bàn tay **Pháp** vươn diu người ngã trượt
Nguồn bao dung sưởi mát độ hành nhân
(Lỡ bước phiêu du chạm kiếp đường trần)
Ấn pháp nữ như **Mẹ** Hiền vậy gọi!
Gió đất nước lửa, hao dần **Tứ Đại**
Xe **Hoàng** Vân **Phượng** Các hiển non xa!
Tháo dép bụi trần, đau gót phủ hoa,
Chân không bước lên mây tầng **Nội Viện**...
Còn nghe văng nhịp trống chuông cung tiễn
Một tràng cười rung sóng biển nguồn non
Dấu ấn trang xưa nghiên bút chấm son
"An Cư **Tháp**" nằng **Trắng** Rằm ủ Hạnh.

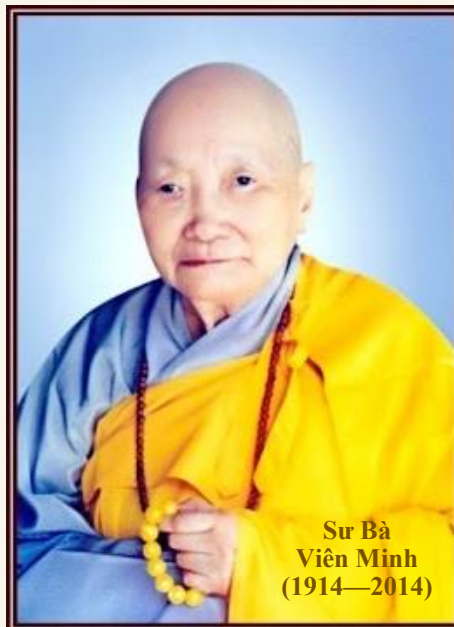
(*) Hai câu đối này tác giả kính mừng ngày
Hòa thượng **Từ Đàm** -**Thiền Siêu** và **Thượng**
toạ **Đổng Minh** được phong **Viện trưởng** và
Phó **Viện trưởng** **Trường Cao đẳng Phật học**.

MẮT BÓNG HẠC VÀNG

(Kính dâng giác linh Ni trưởng Thích nữ Trí
Hải)

Thời Huế đẹp... thôn vườn xanh **Vỹ Dạ**
Phủ Vương thơ, **Huyền** nữ nếp yêu kiều
Sách vở thơm hương, tà áo **Cô Chiêu**
Gót son chuyển gieo đề **Thi**, bút **Họa**...
Như sen trắng **Tịnh** Tâm mùa nắng **Hạ**,
Đài gương ươm phong nhị kín **U** hương
Chớp sát na nhìn thật tướng **Mây Sương**,
Từ Đại **Nội** nhập qua **Thiền** Đại **Giác**.
Mắt chạm tờ kinh

Huyền âm trôi nhạc
Thấm bản đạo ca
Tâm bật **Kim Ngôn**!
Tiếng **Hồng** **Chung** rúng động đầu nguồn,
Trăng **Di** **Đà** lặng thình hiên hiên...
Một tiếng thét! **Trá** về thân **Cối** huyền
Nghàn sức **Đau** cho khép kín di ngôn...
Bờ **Tử** sinh, thuyền lách mái chiều hồn
Sen trắng **Phủ** Vương, **Sen** vàng **Lâu** Các.
Huyền **Sử** nghi dung hạnh tài uyên bác
Kim **Cổ** **Đông** **Tây** dấu ấn nhân gian.
Ni sư! **Ni** sư! **Mắt** bóng **Hạc** Vàng...



Sr Bà
Viên Minh
(1914—2014)

CUNG KÍNH VỌNG VỀ HỒNG ÂN ĐÁNH LỄ SƯ TRƯỞNG

(Kính dâng giác linh Ni trưởng Thích nữ Viên
Minh)

Nghiệp duyên trần cảnh qua **Bách Tuế**
Lưu đường giáo thọ nở **Thiền** hoa
Pháp hạnh bồ đề nhập **Không** môn
Đạt cõi **Vô Ưu** về diệu tánh.
Phật lực **Hồng Ân** độ thế
Viên dung tướng hảo khai **minh**
Thừa ân lớp lớp ni sinh
Nhành sen khai hạ, vun ngành mai xuân...
Xin dành lễ **Hồng** **Án**, bái vọng
Dâng **Tâm** **Thơ**... **đắm** lệ tuôn tràn
Hoa **dâng** **sáng** lễ **Vu Lan**
Lời **thơ** **hiếu** hạnh vượt ngàn dặm xa...

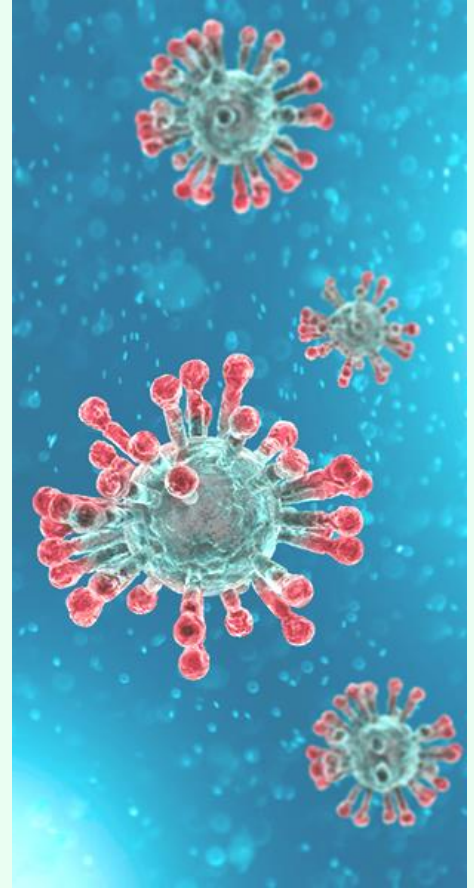
... Còn rất nhiều những "thi phẩm châu
sa" khác, rất tiếc là trang báo có giới hạn,
nên chúng tôi chỉ xin giới thiệu thêm thi
phẩm gần đây nhất để kết thúc bài viết này.

Tâm Không Vĩnh Hữu

(Kính dâng Mẹ, nhân **Trung Thu Sinh Nhật**
lần thứ 95 của **Ngươi**)

ĐÃ THẤY VÔ THƯỜNG

Thế giới có lắm đồ thành xạ hoa trắng lệ
Người đi như nước chảy bốn mùa
Có những con tàu giỡn sóng vượt đại dương
Và những chuyến bay vượt cung đường vạn dặm
Ra ngoài không gian
Xuống lòng biển cả
Con người vĩ đại quá
Làm chủ thế gian này
Bỗng nhiên có một ngày
Con vi trùng nhỏ đến mắt thường không thể thấy
Nó bay xa phát tán cõi người ta
Thế là loài người hoảng sợ kinh hoàng
Từ đông sang tây dịch bệnh lan tràn
Sống với chết chỉ trong gang tấc
Thành đô phố phường phong tỏa
Nếu lúc trước đã từng cười ngạo nghễ
Thì bây giờ lo sợ cúm rúm co ro
Người cô thủ trong nhà như thú trốn trong hang ổ
Vạn con đường trở nên vắng vẻ
Thiên nhiên lấy lại nét hoang sơ
Những khai thác tàn hại môi trường tạm dừng thời dịch bệnh
Đời sống tự nhiên hồi phục thật diệu kỳ
Con người đã hành xử như chủ tể
Giờ đây đã thấy vô thường
Con người ngỡ mình vĩ đại
Nào ai hay yếu hơn con vi trùng bé tí ti
Trí - ngu, sang - hèn và bao nhiêu phân chia kỳ thị
Bỗng nhiên bình đẳng với vô thường
Cái chết đến không có đường tránh khỏi
Chẳng nơi nào có thể ẩn trú an toàn
Chỉ duy có phước đức và thiện nghiệp đã làm
Hãy quay về nương tựa
Quá lâu dài trong cơn mê cuồng vọng
Và một ngày con vi trùng nhỏ hơn hạt bụi trong hư không
Cho con người ném trái đau thương
Phước họa thật khôn lường
Đã thấy vô thường liệu có học được gì chẳng
Đời dâu bể vẫn tháng năm tiếp diễn
Sanh- diệt, thịnh- suy... liên li không ngừng
Ôn dịch xưa nay thiên hạ cũng đã từng
Lại tái lại con sinh thành hoại diệt
Cuộc đời này có chi là vĩnh viễn
Lưu chút tình mình gặp những mùa sau...



thơ ĐỒNG THIỆN

Ất Lãng thành, 2020

Khi thầy đi tìm trò

HUỆ TRÂN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Ngôi chùa tọa lạc lưng chừng ngọn núi, sau rừng sồi, cũng tương tự như bao ngôi chùa nhỏ, xa nơi đô thị. Nhưng nơi đây, những ngày Lễ Vía Chư Phật, Chư Bồ Tát, người dân ở những thôn xóm quanh dưới núi đều rủ nhau sắm sửa hương hoa, lễ vật, lên chùa cúng dường, trước là lễ Phật, sau là vấn an Sư Trụ Trì đã ngoài 80 tuổi.

Sư có bảy đệ tử, đều trong tuổi thanh xuân nhưng dưới sự hướng dẫn và chỉ dạy của Sư, bấy vị đều tu hành rất tinh tấn. Thỉnh thoảng, các vị xuống phố chợ khi cần mua thêm nhu cầu gạo muối thì mỗi cử động, mỗi lời nói đều thể hiện nơi Pháp Thân nghiêm túc mà ai có đủ duyên trực diện đều dễ dàng cảm nhận và kính quý.

Chùa rất đơn sơ, đúng như tinh thần tri-túc-tiện-túc nhưng lại có một bảo vật vô giá mà nơi cất giữ chỉ Sư và bảy đệ tử biết thôi. Đó là một xâu chuỗi mà tương truyền là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã từng đeo.

Một ngày kia, sau thời công phu tối, Sư vừa bần khoản, vừa buồn rầu nói với các đệ tử:

- Xâu chuỗi không còn đó! Trong các con, có ai rời bảo vật đi đâu không?

Bảy đệ tử đều nhìn nhau, ngơ ngác lắc đầu.

Im lặng vài giây, Sư nói tiếp:

- Trong các con, có ai lỡ lấy xâu chuỗi thì chỉ cần lặng lẽ để lại chỗ cũ, Thầy sẽ

không giận, không truy tìm là ai. Thầy cho các con 3 ngày để suy nghĩ và quyết định.

Ba ngày trôi qua, xâu chuỗi vẫn bất tăm!

Sư lại nói với các đệ tử:

- Trong các con, nếu có ai lỡ lấy xâu chuỗi thì chỉ cần nhận là vì quá thích, nên trong một phút bị vô minh lấn áp đã không kiểm chế được tâm mình. Chỉ cần thành thật như vậy, xâu chuỗi sẽ thuộc về người đó. Thầy và các bạn đồng tu đều thông cảm. Thầy cho các con 3 ngày để quyết định.



Ba ngày lại trôi qua. Xâu chuỗi vẫn biệt tăm, và không ai lên tiếng.

Tới thời điểm này thì Sư quá buồn rầu và thất vọng, bèn nói với các đệ tử của mình rằng:

- Thôi được! khả năng Thầy chỉ dạy dỗ các con được tới đây thôi. Ngày mai, các con hãy rời chùa, xuống núi hết đi! Dưới phố cũng có nhiều ngôi chùa sẵn sàng đón nhận các con. Riêng kẻ lỡ lấy xâu chuỗi thì hãy nán lại dăm phút, Thầy có lời riêng muốn nói.

Không khí trong chùa chưa bao giờ thê lương, ảm đạm như thế, nên sáng sớm hôm sau, mạnh ai nấy thu dọn vật dụng của mình, ai xong trước thì cứ đi trước nên không ai biết ai là người ở lại sau cùng!

Ánh dương chưa lên thì sáu đệ tử của Sư đã xuống núi.

Vị còn lại, không thu dọn gì, chỉ khép hờ đôi mắt, yên lặng khoan chân kiệt già, ngồi trên chánh điện.

Sư đến trước người đệ tử đó, lên tiếng hỏi:

- Xâu chuỗi đâu?

Đệ tử mở mắt, nhìn Thầy và lễ phép thưa:

- Bạch Sư Phụ, con không lấy.

- Vậy sao con ở lại để nhận tội ăn cắp?

Đệ tử từ tốn thưa:

- Bạch Sư Phụ, suốt những ngày qua, chúng con đều quá đau lòng vì huynh đệ nghi ngờ lẫn nhau. Phải có một người đứng ra nhận thì mới hóa giải được. Đa tạ Sư Phụ đã cho thời gian suy nghĩ, để con quyết định sẽ là người nhận tội.

Sư đưa tay, nâng đệ tử đứng lên. Khi bốn mắt nhìn nhau, Sư mỉm cười, lấy trong tay áo thụng, xâu chuỗi bảo vật, choàng vào cổ đệ tử và hân hoan nói:

- Xâu chuỗi không mất! Vì Phật vẫn còn đây!

Có thể đây chỉ là một câu chuyện ngụ ngôn, khi đề cập đến lợi ích của sự lần chuỗi niệm Phật. Nhưng, như khi

nhìn bông hoa nở, nhìn chiếc lá bay, nếu lắng tâm ta cũng có thể nhận ra thêm, đây còn là một câu chuyện tuyệt vời về Hạnh Vô Ngã! Người đệ tử đó phải thẩm nhập bài học Vô Ngã mới có thể vì muốn bảo tồn tinh thần Lục Hòa giữa thầy trò, huynh đệ, mà sẵn sàng nhận một tội mình không hề phạm.

Đã chứng được Vô Ngã thì đâu còn Cái Ta để sợ bị khinh chê, phiền não!

Hạnh Phúc sẽ đến, khi Tự Ngã ra đi.

Câu chuyện này cũng nói lên sự cảm thông vô cùng thâm lắng mà cực kỳ thâm sâu giữa Thầy và Trò. Các đệ tử đều tinh tấn như nhau nên khi muốn trao Y Bát để tịnh tu tuổi già, Thầy phải làm sao để vừa giữ lễ công bằng mà vẫn tìm được người cho đúng. Tuy nhìn chung, trò đều xuất sắc, nhưng trong vi tế, Thầy biết rằng, không có gì tuyệt đối như nhau, mà sẽ có người vượt trội, ở một tiềm năng nào đó.

Chỉ những vị Thầy thực sự quan tâm tới nền thịnh suy Đạo Pháp mới cần trọng theo dõi mà nhìn ra.

Có lẽ vì vậy mà người xưa có câu "Đệ tử tâm Sư dị, Sư tâm đệ tử nan."

Câu này rất đúng với Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn tại Đạo Tràng Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai. Nơi đây, trong hơn một ngàn đệ tử theo học, đã có sẵn một người xuất sắc vượt trội, mà các bạn đồng môn đều công nhận, không một chút ty hiềm. Đó là môn sinh Thần Tú.

Ấy vậy mà khi muốn trao Y Bát để nghỉ ngơi thì Ngũ Tổ vẫn chần chừ mãi, chưa quyết định. Lòng băn khoăn đó đã như linh tính, khi bắt gặp một kẻ không biết chữ, từ phương xa bỗng tới trước ngõ môn, xin được Tổ thâu nhận.

Tổ hỏi:

Người từ đâu? Tới cầu chi?



Người đó đáp ngắn gọn:

- Thưa Tổ, con từ Lĩnh Nam, tới cầu làm Phật

- Người Lĩnh Nam quê mùa, sao cầu làm Phật được?

- Thưa Tổ, người tuy có Nam có Bắc nhưng Phật Tánh thì không phân chia Nam Bắc. Thân quê mùa này, so với thân Tổ có khác, nhưng Phật Tánh trong thân thần Tổ nào sai khác chi đâu!

Nghe thế, Tổ Hoảng Nhẫn vội nói:

Thôi được! Hãy đi xuống nhà trù, lo việc giã gạo.

Người nhà quê đó tên là Huệ Năng, làm nghề dẫn củi nuôi mẹ già. Một lần khi giao củi tới nhà khách, Huệ Năng thoáng nghe tiếng tụng kinh, tới câu kệ "Ứng vô sở trụ, nhị sanh kỳ tâm" thì tâm bỗng bừng sáng, bèn hỏi thăm, tìm đến chùa Đông Thiên, huyện Huỳnh Mai là nơi đang giảng dạy Kinh Kim Cang, có câu kệ khai tâm như vậy.

Chỉ dăm câu đối đáp trong phút sơ ngộ mà Tổ Hoảng Nhẫn đã nhìn ra "kỳ-tâm" của một kẻ quê mùa mù chữ. Thế nên, để bảo vệ kẻ xa lạ đó khỏi bị ganh tỵ, thù ghét nên Tổ chỉ giao cho công việc lao động là bửa củi, giã gạo trong nhà bếp.

Về phần Huệ Năng, suốt tám tháng nhập môn không hề được Tổ hỏi han một câu nhưng không buồn tủi mà tâm vẫn an lạc, thành thoi. Phải chăng Thầy và Trò đều nhìn rõ nhau nhưng không thể đột ngột bày tỏ, cho đến thời điểm thuận duyên.

Kỳ tích này, người học Phật, đặc biệt là người theo thiền-tông, đều biết rất rõ những tình tiết kỳ diệu khi Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn truyền Y Bát cho ngài Huệ Năng.

Nơi đây, chỉ đan cử đôi dòng trong phạm vi tâm cảm tương đồng giữa Thầy và Trò. Không văn tự, không ngôn từ, chỉ tâm-thấy-tâm mà hậu thế đã có Lục Tổ Huệ Năng, được xem là vị khai sáng Thiền Tông Trung Hoa; từ đó, các môn đệ của Lục Tổ đã tùy thuận cơ duyên từng quốc độ mà sáng lập ra Thiền Tông Đốn Ngộ, Tông Lâm Tế, Tông Tào Động, v.v... đem lại vô vàn hỷ lạc cho thiền sinh khắp chốn.

Trong tình nghĩa Thầy Trò này, không phải chỉ Trò Huệ Năng đem thân đi tìm Thầy, mà chính Thầy - Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn - cũng đã đem tâm đi tìm Trò nên người đời sau mới có Lục Tổ Huệ Năng, để từ đó Thiền Tông đã khai mạch tới muôn sông, ngàn suối ...

Vạn hữu luôn vận chuyển trong vòng xoáy thịnh suy, không ngừng xô đẩy chúng sinh giữa mộng và thực.

Đời nay, e rằng nhục-nhãn thường bị bao tình huống phức tạp che mờ; chỉ bằng tuệ-nhãn, Thầy và Trò mới có thể nhìn thấy nhau để mong vững bước trên Đường-Trung-Đạo.

Ngưỡng xin Chư Phật, Chư Bồ Tát, Chư Hiền Thánh Tăng gia hộ.

Huệ Trân
(Tào-Khê tịnh thất - Sau công phu sáng)

TỪ ÁC MỘNG THỜI ĐẠI DỊCH ĐẾN ĐẠI MỘNG CUỘC ĐỜI

Huỳnh Kim Quang

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT



*Không ai không từng nằm mộng.
(www.pixabay.com)*

Dường như trong cuộc sống hằng ngày không ai là không từng nằm mộng. Có thể nói mộng là phản diện của đời thực, bởi vì khi nói đến mộng chúng ta thường nghĩ đến thế giới không thực, thế giới ngược lại với cuộc sống hiện thực. Nhưng trong chừng mức nào đó của lãnh vực tâm thức sâu xa, hay nói như nhà phân tâm học người Áo Sigmund Freud, là lãnh vực vô thức, thì mộng không hẳn là giả mà là những gì được phô lộ của thế giới thầm kín bị ấn ức trong con người mà thường ngày không thể bộc lộ.

Bởi vậy, thi hào Nguyễn Du trong bài thơ chữ Hán "Ký Mộng" ghi lại việc gặp gỡ trong mộng với người yêu đã mất mà ông không thể nào gặp lại được trong đời thường.

*Thê thủy nhật dạ lưu,
Du tử hành vị quy.
Kinh niên bất tương kiến,
Hà dĩ ủy tương ti [tư].
Mộng trung phân minh kiến,
Tâm ngã giang chi mi.
Nhan sắc thị trừ tích,
Y sức đa sâm si.*

*Ngày đêm nước chảy mãi,
Nàng đi chưa thấy về.
Bao năm không gặp lại,
Lấy gì bớt nhớ mong.
Trong mộng nàng hiện rõ,
Tìm ta ở bến sông.
Nhan sắc vẫn không đổi,
Áo quần hơi lồi thoi.*

Theo các nhà tâm lý, đa phần mộng là phản ảnh của cuộc sống thường nhật. Sinh hoạt ban ngày an vui bình lặng thì ban đêm dễ có mộng đẹp nhẹ nhàng. Cuộc sống hàng ngày nhiều bất trắc, khổ đau và phiền muộn thì những giấc mộng ban đêm sẽ là những cơn ác mộng kinh hoàng. Vì thế trong cuộc khủng hoảng vi khuẩn corona hiện nay nhiều người nằm mộng.

Các giai đoạn của giấc mộng

Có phải trong thời đại dịch bạn hay có những giấc mộng bất thường? Không phải chỉ một mình bạn đâu mà nhiều người cũng có những giấc mơ lạ giống như bạn, theo ký giả Gowri S của báo The Hindu cho biết trong bài báo được đăng trên trang mạng của báo này hôm 16 tháng 6 năm 2020.

Trong bài phóng sự, Gowri đã đi tìm hiểu nhiều người và họ đều nói rằng họ thường xuyên nằm chiêm bao kỳ lạ vì đại dịch luôn luôn khổng chế cuộc sống của chúng ta. Căng thẳng ban ngày sẽ không tránh khỏi nằm mộng ban đêm trong hình thái những giấc mơ rời rạc và dài hơn bình thường, có lúc thì rõ ràng chi tiết có khi thì mơ hồ. Có người mơ thấy rửa tay bằng xà phòng. Có người mơ thấy bị thú rừng tấn công. Có người thấy gặp người thân đã chết từ lâu.

Trên cơ bản, những giấc mơ có tính riêng tư và tùy thuộc vào những gì con người nhớ. Để hiểu rõ hơn về giấc mơ, chúng ta cần hiểu các chu kỳ của giấc ngủ.

"Chúng ta có nhiều giai đoạn khác nhau của giấc ngủ: ngủ mà mắt không chuyển

động nhanh (Non-REM) và ngủ mà mắt chuyển động nhanh (REM). Trong giấc ngủ mắt không chuyển động nhanh có các giai đoạn 1, 2 và 3. Không nhất thiết phải theo thứ tự. Trong khoảng mỗi 90 phút tới 120 phút, chúng ta vào giai đoạn ngủ mà mắt chuyển động nhanh,” theo Bác Sĩ N. Ramakrishnan, nhà tư vấn kỳ cựu tại Sleep Medicine và Giám Đốc Viện Khoa Học Về Giấc Ngủ Chennai-based Nithra Institute of Sleep Sciences, cho biết. Nếu người nào đó ngủ trong 6 giờ, thì sẽ có khoảng từ 3 tới 4 giai đoạn mắt chuyển động nhanh.

“Khoảng thời gian ngủ mà mắt chuyển động nhanh sớm nhất có thể kéo dài chỉ 5 phút; những khoảng thời gian ngủ mà mắt chuyển động nhanh sau đó sẽ kéo dài hơn. Những khoảng thời gian ngủ mà mắt chuyển động nhanh vào sáng sớm thì thường là lâu nhất,” theo BS Ramakrishnan. Một người thường được tin là có từ 5 tới 6 giấc mơ trong một đêm, nhưng hầu hết không được nhớ. Bất cứ giấc mơ nào xảy ra trong lúc ngủ mà mắt không chuyển động nhanh, tạo thành 75% của giấc ngủ, thì thường bị quên mất. “Vào buổi sáng, chúng ta ra khỏi giấc ngủ mà mắt chuyển động nhanh. Đó là lý do tại sao chúng ta nhớ các giấc mơ buổi sáng sớm rất rõ,” theo Bác Sĩ Ramakrishnan cho biết tiếp.

Những ác mộng thời đại dịch

Thời đại dịch nhiều người nằm mộng đến độ có người mở luôn trang mạng “I Dream of Covid” để lập danh mục các giấc mơ liên quan đến Covid-19 trên khắp thế giới. Trang web này đã thu thập các giấc mơ từ đầu tháng 3. Ngoài ra trên Twitter và Facebook cũng có nhiều người kể chuyện ác mộng của họ.

Trong khi đối với nhiều người, những giấc mộng này không phải là chỗ mạn đàm giữa những gã đàn ông và bằng hữu, đối với những người khác các hệ quả có thể là nghiêm trọng. Trong một thăm dò diễn ra với công chúng, Bác Sĩ Deirdre Barrett, nhà tâm lý học tại Đại Học Harvard đã và đang thu thập hàng ngàn nghiên cứu về giấc mộng kể từ khi phong tỏa vì đại dịch bắt đầu.

“Tôi đã thu thập nhiều giấc mộng sau biến cố 9/11 và tôi thấy có nhiều kiểu tương tự hiện nay,” theo bà cho biết.

Các bác sĩ, y tá và những nhân viên cấp cứu ở tuyến đầu “thật sự giống một nhóm người đang trong tình trạng chấn thương rất nặng.”

“Giấc mộng thông thường nhất của họ là họ đang cố gắng chăm sóc bệnh nhân. Đó là trách nhiệm cứu mạng của họ. Và họ đang thất bại,” theo Barrett viết.

Các phòng quá tải, thiếu dụng cụ hay



Nhà hiền triết Trang Tử mơ hồ không rõ mình hóa bướm hay bướm hóa mình trong mộng (www.pixabay.com)

dụng cụ không hữu hiệu là những vấn đề thông thường. “Họ đang cố gắng đặt ống vào khí quản của người mà nó bị thắt chặt đến độ họ không thể đưa xuống được. Rồi máy thở ngưng làm việc.”

Barrett phỏng đoán có tới 30% có thể phát triển các triệu chứng rối loạn căng thẳng hậu chấn thương, hay PTSD, với những cơn ác mộng, hồi tưởng, lo lắng và khó thở.

Chấn thương tâm lý khi bộc phát dịch bệnh được ghi nhận đầy đủ. Tổ Chức Y Tế Thế Giới (WHO) nói rằng dịch bệnh Ebola từ năm 2014 đến 2016 tại Tây Phi đã có kết quả trong “các liên can tâm lý xã hội sâu xa ở mức độ cá nhân, cộng đồng và quốc tế.”

Lauren Bateman, nhân viên nhân đạo trong thời dịch bệnh Ebola, đã phát triển triệu chứng PTSD khi bà trở về Hoa Kỳ từ Guinea vào năm 2014. Công tác của bà là nhiệm vụ khó khăn và đen tối, thu thập các dữ liệu của tất cả những vụ chôn cất đã xảy ra khắp nước, những con số mà bà đã không thể ngừng theo dõi ngay cả sau khi bà đã về nhà.

Bà đau khổ vì mất ngủ, các cơn hoảng loạn và ác mộng, từ “những hàng người hỏi tôi tài liệu mà tôi không thể có,” tới “việc phải đeo đồ bảo hộ cá nhân và cảm thấy nóng và ngột ngạt như thế nào,” theo Bateman cho biết.

“Bạn không được phép đụng vào người tại Tây Phi, vì thể qua nhiều tháng khi nhiều người muốn bắt tay, tôi phải bước lùi lại,” theo bà kể.

Cùng lúc, vài người có thể liên quan tới nó. Nhiều người tại Mỹ chưa có kinh nghiệm lo lắng sinh sôi giữa đợt bùng phát nghiêm trọng.

“Tôi có lẽ mang tiếng là một người hơi kỳ quặc,” theo bà cho biết.

Bây giờ, khi đại dịch vi khuẩn corona vẫn tiếp tục, Bateman nói rằng ác mộng của bà đã trở lại. Sự khác biệt hiện nay là, bà có nhiều người hơn để trò chuyện về chúng. Và

bà có thể đưa ra lời khuyên.

“Nhiều năm qua, khi tôi bắt đầu làm việc trong bộ phận ứng phó tai họa, tôi đã làm việc cho một chuyên gia sức khỏe tâm thần,” theo bà giải thích. “Ông ấy có một câu nói tuyệt vời mà tôi thường tự nhắc nhở: phần lớn những gì chúng ta đang trải qua là những phản ứng bình thường trước những sự kiện bất thường.”

Giấc mộng nói gì

Giấc mộng có thể được giải thích như là sự nối tiếp của cảm giác, cảm xúc, ý tưởng, và hình ảnh diễn ra không cố tình trong tâm thức con người trong một số giai đoạn của giấc ngủ, theo bài viết “Dreams: What They Mean & Psychology Behind Them” được đăng trên trang mạng www.sleepassociation.org cho biết.

Không thực sự hiểu hết được mục đích và nội dung của giấc mộng, nhưng chắc chắn chúng đã là đối tượng của quan tâm thuộc tôn giáo và triết học và là chủ đề của suy đoán khoa học qua lịch sử được ghi nhận. Điều thú vị là nghiên cứu khoa học về giấc mộng được biết như là Oneirology.

Từ 5000 năm trước tại Mesopotamia – Hy Lạp cổ, là khu vực lịch sử của vùng Tây Á nằm giữa hai con sông Tigris và Euphrates, mà ngày nay là Iraq, Kuwait, miền đông Syria, miền đông nam Thổ Nhĩ Kỳ, và các vùng dọc biên giới Thổ Nhĩ Kỳ-Syria và Iran-Iraq – những giấc mộng được ghi lại rất sớm trên những miếng đất sét. Vào các thời đại La Mã và Hy Lạp, con người tin rằng các giấc mộng là những thông điệp gửi trực tiếp từ một hay nhiều vị thần, từ những người đã khuất, và rằng họ là những nhà tiên tri việc tương lai. Rồi sau đó có nhiều nền văn hóa thực hành việc ấp ủ giấc mộng, mục đích của họ là nuôi dưỡng những giấc mộng của lời tiên tri.

Ngày nay, nhiều người thấy giấc mộng như là sự nối kết với vô thức. Có nhiều bản chất khác nhau của các giấc mộng, như hào hứng, sợ hãi, u sầu, huyền diệu, mạo hiểm, và ngay cả tình dục; và những giấc mộng của chúng ta có vẻ xếp hạng từ thông thường, bình thường đến kỳ lạ và hoàn toàn siêu thực. Ngoại trừ nằm mơ tình tảo, các sự kiện xảy ra trong giấc mộng của chúng ta thường ngoài sự kiểm soát của người nằm mộng. Đôi khi những giấc mộng có thể tạo ra ý tưởng sáng tạo, như thế giúp cho người nằm mộng sự cảm hứng.

Qua các nền văn hóa và thời đại, những quan điểm đã thay đổi về ý nghĩa của những giấc mộng. Có vẻ rằng là con người hiện nay thường ủng hộ lý thuyết của nhà tâm phân học Freud về các giấc mộng và đó là những giấc mơ phô lộ ra những cảm xúc và khao

khát thầm kín. Các lý thuyết khác nói rằng giấc mộng giúp chúng ta giải quyết vấn đề, trong việc hình thành trí nhớ, hay rằng là chúng xảy ra đơn giản chỉ vì sự hoạt động của não bộ ngẫu nhiên. Một số người có giấc ngủ bất an mà trong đó họ hành động bằng chân tay ngoài giấc mộng trong lúc ngủ được gọi là Rối Loạn Hành Vi REM (RBD). Trong trường hợp này, hành động bên ngoài giấc mộng có thể nguy hiểm cho người đó và người ngủ bên cạnh.

Vào đầu thế kỷ hai mươi, nhà tâm phân học Sigmund Freud đã viết lý thuyết về các giấc mộng và những giải thích của chúng. Freud tin rằng những giấc mộng là biểu hiện của lo lắng và ham muốn sâu thẳm nhất của chúng ta, thường liên quan đến những ám ảnh hay những ký ức thời thơ ấu bị đè nén. Hơn nữa, ông ấy tin rằng hầu hết các chủ đề giấc mộng, bất kể nội dung của nó, đều biểu thị cho sự giải tỏa căng thẳng tình dục. Trong tác phẩm “Interpretation of Dreams” xuất bản năm 1899 của Freud, ông đã phát triển kỹ thuật tâm lý mà nhờ đó các giấc mộng có thể được giải thích. Ông cũng đã nghĩ ra nhiều sự hướng dẫn để giúp chúng ta hiểu các động lực và biểu hiện xuất hiện trong những giấc mộng của chúng ta.

Phật Giáo nói gì về giấc mộng

Có thể nói, mộng là thể tài bàng bạc trong kho tàng Kinh Luật Luận của Phật Giáo Nam và Bắc Truyền.

Kinh Phật kể rằng một đêm nọ Hoàng Hậu Maya nằm mộng thấy một con voi trắng sáu ngà vòi ngậm một đóa bạch liên hoa đi vào hông của bà. Sau đó Hoàng Hậu đã có thai và hạ sinh Thái Tử Tất Đạt Đa (Siddhartha) mà sau này tu hành thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni (Shakyamuni Buddha).

Trong Tăng Chi Bộ Kinh (Anguttara Nikaya) kể rằng đêm trước khi thành đạo dưới gốc cây Bồ Đề, Đức Phật đã thấy năm giấc mộng kỳ lạ báo trước Ngài sẽ trở thành bậc đạo sư của trời và người.

Trong Kinh A Nan Thất Mộng kể chuyện đệ tử của Đức Phật là Ngài A Nan đã thấy 7 giấc mộng kỳ lạ trước khi Đức Phật nhập niết bàn và đã kể lại để nhờ Đức Phật giải mộng cho. Trong 7 giấc mộng đó là những điềm báo sẽ xảy ra cho Tăng Đoàn và Phật Giáo sau khi Đức Phật nhập diệt.

Trong Mahāsupina Jātaka kể chuyện Vua Ba Tư Nặc (Pasenadi) của nước Kosala đã thấy 16 cơn ác mộng làm ông sợ hãi và phu nhân của ông là Mallika (Mạc Lợi Phụ Nhân) đã khuyên ông nên đến nhờ Đức Phật giải mộng cho.

Nói đến nguyên nhân giấc mộng, trong kinh Milinda Panha, Tỳ Kheo Na Tiên đã giải

thích cho Vua Milinda 6 nguyên nhân gây ra giấc mộng. Đó là 3 nguyên nhân thuộc vật lý như đầy bụng, mệt, và đờm đãi; ba nguyên nhân còn lại là do sự can thiệp của những thể lực quyền năng siêu nhiên, là nhớ lại chuyện quá khứ và, là điềm báo trong tương lai.

Ngoài ra, Ngài Phật Âm (Buddhaghosa), trong tác phẩm "Chú Giải Luật Thiện Kiến" (Samantapasadika) và "Luận Về Tăng Chi Bộ Kinh" (Manorathapurani), thì cho rằng có 4 nguyên nhân tạo thành giấc mộng, gồm những xáo trộn của cơ thể, những kinh nghiệm quá khứ, những ảnh hưởng của thần thánh chư thiên, và điềm báo trước.

Cuộc đời là đại mộng

Chuyện kể rằng ngày xưa vào thời Chiến Quốc ở Tàu có nhà hiền triết Trang Tử nằm mộng thấy mình hóa bướm. Khi tỉnh ra ông còn không biết chắc là ông hóa bướm hay bướm hóa ông. Đó là câu chuyện nổi tiếng 'Hồ Điệp Mộng' nói lên triết lý mộng thực biến hóa huyền hoặc của Trang Chu. Thi hào Nguyễn Du trong Truyện Kiều cũng có đề cập đến chuyện hóa bướm này.

*Khúc đầu đầm ấm dương hòa
Ây là hồ điệp hay là Trang sinh
Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ây hồn Thục đế hay mình Đổ Quyên.*

Trang Tử còn mơ hồ giữa mộng và thực. Nhưng trong Kinh Lăng Già (Lañkāvatāra Sūtra) – bản kinh mà Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) xem như là tín vật ấn chứng để trao truyền Thiền Tổ Sư Đốn Ngộ tại Trung Hoa bắt đầu từ thế kỷ thứ 5 về sau cho đến Lục Tổ Huệ Năng – thì Đức Phật khẳng định rằng "Thế gian hằng như mộng," thế gian này cõi mộng. Trong Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật (Vajracchedikā-prajñāpāramitā Sūtra) – bản kinh mà từ đời Lục Tổ Huệ Năng lấy làm cốt lõi của Thiền Tông – thì Đức Phật dạy các đệ tử của Ngài là hãy quán sát tất cả mọi thứ trên thế gian này đều là "mộng," – Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như diễn, ứng tác như thị quán [tất cả các pháp hữu vi, như giấc mộng, như huyễn hóa, như bóng nước, như sương và như điện, nên quán sát như vậy].

Có một nghịch lý mà thực ra là một công án lớn của đời người rằng là nếu cuộc đời là mộng thì tại sao tất cả chúng ta đều thấy nó thực?

Muốn biết thế gian này có phải là mộng hay không thì nên biết con người sống trong đó có thật hay không. Để trả lời câu hỏi này, Kinh Na Tiên Tỳ Kheo (Milindapanhā – Di Lan Đà Vấn Kinh – do Giáo Sư Cao Hữu Đính dịch sang tiếng Việt), có đoạn Tỳ Kheo Na Tiên

trả lời Vua Di Lan Đà về con người có thực ngã hay không.

"Trong kinh, Phật có dạy như vậy: "Hiệp các món gong, thùng, bánh, mui... theo một mẫu mực nào đó thì thành một cái mà người ta tạm gọi là xe. Cũng như thế, hiệp tất cả đầu, mặt, tay, chân, hơi thở, lời nói, sự khổ, sự vui, điều lành, điều dữ... thì cũng thành một đơn vị mà người ta tạm gọi là cái "ta" để tiện bề phân biệt. Chứ thật ra thì không có cái "ta" chơn thật nào cả! Đúng như lời của nữ tôn giả Hoa Sĩ Ra (Vajirā) đã bạch với Đức Thế Tôn khi Ngài còn tại thế: "Danh xưng xe sở dĩ có là do nhiều món đồ hợp lại là vẽ thành. Nhiều món cơ thể vẽ thành một vật mệnh danh là chúng sanh".

Trong Kinh Suñña Sutta, khi ngài A Nan hỏi Đức Phật rằng ngài nghe nói rằng thế giới này là 'không' thì điều đó có đúng không. Đức Phật trả lời rằng – theo bản dịch Anh ngữ của Thanissaro Bhikku – *"Trong ý nghĩa rằng không có ngã hay không có bất cứ điều gì thuộc về ngã: Như thế, này Ananda, nói rằng thế giới này là không."*

Dựa vào lời Phật dạy trên, Ngài Long Thọ (Nagarjuna – 150-250 sau Tây Lịch tại Ấn Độ) đã phát triển thành giáo nghĩa Tánh Không (Sunyata) nói rằng tất cả mọi sự vật trên đời đều do duyên mà sinh nên chúng không có tự ngã, những gì chúng ta thấy có chỉ là sự giả hợp của các duyên, hay các điều kiện. Cho nên ngay trong lúc chúng ta thấy có mà thực chất đã là không (sunya), là mộng.

Điều làm cho chúng ta thấy rõ cuộc đời này là mộng chính là trong thời đại dịch hiện nay. Đoàn quân vi khuẩn vô hình vô tướng đã tàn phá thế giới này từ hơn nửa năm qua. Tất cả mọi thứ đều đảo lộn. Tất cả mọi thứ đều thay đổi. Người bệnh khắp nơi. Người chết như rạ. Sợ hãi, khủng hoảng lan tràn. Không có gì an ổn. Không có gì chắc thật. Mọi thứ đều là giả, là không, là mộng.

Khi hiểu được điều đó không những không làm cho chúng ta sợ hãi cuộc đời mà ngược lại làm cho chúng ta hết sợ hãi, vì mình đã nhìn thấy rõ bản chất của nó. Như Tâm Kinh Bát Nhã nói: "Chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách" [quán chiếu thấy rõ năm uẩn đều không thì vượt qua tất cả mọi khổ đau].

Như người nằm mộng khi tỉnh giấc thì sẽ hết sợ hãi các hiện tượng trong ác mộng.



Mẹ, ngôi chùa và mùa thu

MANG VIÊN LONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Nhà tôi ở cạnh một ngôi chùa có tên là Thiên Tôn – chỉ ngăn cách bởi một hàng rào cây dúi được cắt tỉa rất đẹp. Mẹ tôi thường bảo: “Nhà ở gần chùa là một điểm phúc”. Tôi chưa hiểu và tưởng tượng ra cái “điểm phúc” ấy như thế nào, nhưng hằng ngày chị em tôi thường rủ nhau qua sân chùa dạo chơi, được nằm ngủ trên những ghế đá dưới tàn cây nhãn, cây mít mát rượi; đôi khi lại được các cô chú chia cho vài trái chuối, vài cái bánh in – cảm thấy không có nơi nào hấp dẫn hơn nữa.

Buổi sáng sớm, sau khi đặt hai tô cháo đậu xanh và hai cục đường vào mâm, đẩy chiếc lồng bàn bằng mây cũ kỹ đã có đôi lỗ thủng; mẹ tôi bưng bả gánh đậu hũ lên chợ! Khu chợ quê của xã năm khép nép trên một khoảng đất trống; các sạp hàng, lều quán, đều làm bằng tranh tre, trông thấp bé – nghèo nàn như những mảnh đời ở đây. Hôm nào bán hết sớm, mẹ tôi quơ vội ít thức ăn, kịp về nấu cơm cho chúng tôi bữa trưa. Hôm nào ế, mẹ phải gánh đậu hũ đi rong sâu vào trong xóm, xế chiều mới về... Những hôm như vậy, tôi đều phải dặn em nằm ở ghế đá, chạy về thổi cơm. Chỉ ăn cơm với nước tương xin được ở chùa và đĩa cải luộc.

Sau bữa cơm chiều, tưới xong mấy vạt rau, luống cải, mẹ thường dắt chúng tôi qua chùa. Mẹ chỉ đưa hai chị em tôi vào chánh điện lạy Phật ba lạy, rồi thả cho chúng tôi

đi chơi tùy ý. Mẹ ngồi lại trước pho tượng Phật Di Lặc thật lớn đặt ở giữa, làm râm đọc kinh. Tôi không hiểu mẹ đọc những gì, nhưng nhìn dáng vẻ và nét mặt, tôi biết mẹ tôi vui và an tâm lắm. Mẹ ngồi bất động. Hai tay chắp giữa ngực. Tiếng đọc kinh vang lên đều đều, êm đềm, sâu lắng. Sau thời kinh, tôi không nhớ là bao lâu, nhưng thẳng em năm tuổi của tôi đã bắt đầu kêu buồn ngủ – mẹ dẫn chúng tôi về... Vừa chui vào mùng, thẳng em tôi đã ngáy khò khò ngon lành. Nhìn nó ngủ ngon và sâu, tôi nghĩ, tuổi thơ thật vô tư và đẹp biết bao. Trong tâm hồn nó, trí óc nó, chưa hề dính một vết bụi ưu phiền nào. “Đó là khoảng thời gian đẹp nhất của đời người...” – Tôi nghĩ vậy. Tôi nằm bên mẹ, lơ mơ ngủ, nghe tiếng mẹ thủ thỉ: “Con gắng trông em, đêm nào không sang chùa lễ Phật, đọc kinh – mẹ không ngủ yên giấc được!” Tôi chấp chờn chìm sâu vào giấc ngủ mà vẫn còn nghe tiếng mẹ tôi trăn trở, thở dài... Sinh thẳng Văn được chừng một năm, mảnh đạn trong lồng ngực cha tôi bắt đầu cựa quậy nhiều hơn. Mấy năm trước, thỉnh thoảng lúc trở trời, tiết giá lạnh, cha tôi mới bị đau nhức. Ông chỉ uống mấy loại thuốc rẻ tiền như Aspirin pH8, Stugeron, Prednisolone là cơn đau dịu dần. Đạo sau này, vừa đau nhức, vừa khó thở – lại kèm theo triệu chứng choáng

váng, buồn nôn; bác sĩ ở bệnh viện đa khoa tỉnh bảo phải chuyển vào Sài Gòn để giải phẫu, điều trị. Đi khám bệnh về, cha tôi im lặng không nói gì. Mẹ tôi gắng hỏi mãi, ông mới nhìn sừng lên đôi mắt bà, thở dài: “Muốn giải phẫu, điều trị, phải có ba chục triệu đồng – gia sản nhà ta làm sao có đủ?”. Mẹ tôi cũng phải im lặng. Một nỗi im lặng cay đắng. Mảnh đạn vô tình nào đã chui vào lồng ngực cha tôi, ghim mãi vào đó, suốt mấy mươi năm – để hôm nay đem lại nỗi đau thêm cho mẹ tôi? Tôi lại có ao ước muốn được lấy những mảnh đạn ấy ra cho cha tôi đỡ đau đớn; muốn được “nhìn tận mắt” chúng ra sao mà đã hành hạ cha tôi dữ như vậy?

Thế rồi sau một cơn khó thở và choáng kéo dài, cha tôi đã trút hơi thở cuối cùng. Dưới ánh đèn tròn vàng bệch, tôi thấy ông đưa tay lên như gọi tôi đến, rồi cánh tay buông xuống từ từ. Mẹ tôi không còn có thể giữ được sự im lặng lâu hơn nữa – bà òa lên khóc như một đứa trẻ! Thế là những mảnh đạn quái ác kia, lại theo cha tôi xuống sâu trong lòng đất! Có lẽ tôi sẽ chẳng bao giờ “nhìn rõ mặt” chúng, nhưng có một điều, tôi biết rõ – đó là những mảnh đạn độc ác! Kể từ dạo ấy, chúng tôi thường xuyên sang chùa chơi, lúc mẹ quây gánh đậu ra chợ. Một hôm, đang cùng Văn rượt đuổi theo mấy chú bướm, chị em tôi chạy tít ra vườn sau.

Dưới hàng tre già lá ngọn che rợp một vùng, chú Vy đang ngồi chẻ tre. Tôi ghé lại bên chú - thỏ thẻ: - Chú đang làm gì vậy? - Chẻ tre, vót nang... -Chẻ tre - vót nang để làm gì? - Để làm lồng đèn... - Làm lồng đèn để làm gì? - Không biết để làm gì sao? - Chú dừng tay nhìn lướt lên mặt tôi, cười thân tình. - Dạ, không! Tôi cười ngượng ngùng. - Chú làm lồng đèn để treo trước chánh điện nhân Rằm tháng 8 - Tết Trung Thu đó, biết không? - Chú làm cho cháu một cái với... - Được rồi! Chú cười cười có vẻ thích thú. Tôi quay lại cầm tay thẳng Văn, chợt nhớ: "À, mà chú làm cho cháu hai cái..." - Sao cháu tham vậy? Mới xin một cái, bây giờ đòi hai! - Chú vẫn nhìn hai chị em tôi với tia mắt triu mến, đầy thương cảm. Đêm Rằm tháng Tám năm ấy, cả xóm chỉ có hai chị em tôi là có lồng đèn cầm đi rung rinh đây đó. Buổi chiều, tôi và Văn cứ luẩn quẩn bên hai chiếc lồng đèn treo ở hiên nhà khách, không chịu về ăn cơm. Nghe tiếng mẹ tôi kêu vọng qua từ bờ rào, cô Hoàng phải cầm tay dắt chúng tôi ra cổng: "Hai cháu về ăn cơm đi, kéo mẹ chờ. Ăn xong, qua đây nhận lồng đèn..." Chú Tịnh đốt hai cây đèn sáp cắm vào hai chiếc lồng đèn, rồi giơ cao trước mặt chúng tôi - cười: "Cháu thích đèn ngôi sao hay đèn máy bay?" - "Em thích cái nào?" - Tôi hỏi Văn. Nó chỉ lên chiếc lồng đèn máy bay, vì trông lạ mắt, và đẹp hơn. - Nhỏ mà cũng có con mắt tinh thật đó chứ! - Cô Hoàng và cô Bé cùng kêu lên, cười giòn giã. Chúng tôi cầm lồng đèn đi dần ra ngõ. Mặt trăng đã nhô cao. Tròn đầy. Tỏa ánh sáng trong vắt xuống cánh đồng, thôn xóm, lối đi... Tất cả đều chìm đắm trong một màu trắng mát dịu. Các cô chú đứng ở cổng nhìn theo chúng tôi với những tiếng cười... Chúng tôi trở lại chùa



Chùa Thuyền Tôn, Huế

và theo sau là một bầy bạn nhỏ. Chùa đã đông người đến lễ Phật. Thầy trụ trì đang đứng ở ngưỡng cửa chánh điện, trông thấy đoàn chúng tôi ồn ào chạy vào sân; thầy bước xuống thêm - đưa tay vẫy gọi chúng tôi lại gần. - Sao, đi rước đèn có vui không? - Thầy ôn tồn hỏi. - Dạ thưa vui - vui; chúng tôi đồng reo lên. - Bây giờ có thích ăn kẹo không? - Dạ, thích - thích... Thầy quay lại gọi cô Hoàng. Chúng tôi được thầy tận tay phát cho một nắm kẹo sô-cô-la. Đứa nào cũng mừng húm. Cười toé toét... Đêm ấy chúng tôi ở lại chùa khuya hơn mọi ngày. Đèn cứ sáng. Trăng cứ trong. Các cô chú ngồi cả ở bậc hiên, vừa chuyện trò, vừa ăn kẹo, uống trà. Lần đầu tiên, tôi chợt cảm thấy cuộc sống các cô chú thanh thoi, vui vẻ quá! Tôi thầm mong ước sẽ được như vậy - Vào đời làm gì. Như cha tôi. Như mẹ tôi. Cho khổ? Sau cái Tết Trung Thu năm ấy, theo lời dặn của thầy trụ trì, các Tết Trung Thu tiếp theo mỗi cô

chú phải làm ba chiếc lồng đèn, để phát cho mỗi chúng tôi vào chiều ngày 14. Chùa có cả thầy ba chú, hai cô - như vậy là 15 chiếc lồng đèn đủ cho bọn nhỏ xóm tôi làm thành một đám rước rùm beng khắp nẻo... Suốt mùa trăng tháng tám, trong giấc ngủ của tôi bao giờ cũng đầy ắp ánh trăng, lồng đèn màu rực rỡ, và những viên kẹo thơm... Tuổi thơ của chị em tôi rồi cũng lùi xa dần. Thời gian bay qua nhanh quá. Quãng đời của tuổi mơ mộng tuổi thơ tôi đang nhường chỗ dần cho những lo toan, ưu phiền cùng mẹ. Tôi học hết cấp ba, thì Văn cũng vừa lên lớp 8. Có lẽ nhờ mẹ tôi sang chùa cầu nguyện hằng đêm, nhờ tôi biết mẹ cực khổ tận tụy hy sinh - nên miệt mài ngày đêm vui đầu vào chuyện học tập - tôi đã đậu thứ nhì vào trường Đại học Y Dược, ngành Y ở Sài Gòn. Ngày tôi từ giã mẹ và Văn để lên thị xã đón xe đi Sài Gòn, tôi có sang chào thầy trụ trì. Và ngỏ lời từ giã các cô chú trong chùa. Thầy xoa đầu tôi, nở nụ cười hoan hỷ: "Cháu

vào trong ấy gắng học cho giỏi hơn nữa nhé! Làm bác sĩ mà lơ mơ thì nặng tội lắm nghe không?” Thầy quay vội vào phòng, trở ra với chiếc bì thư: “Cháu cầm lấy mà chi phí lúc đi đường, Thầy mừng cháu đấy...” Tôi cầm phong thư, mà lòng tràn đầy xúc cảm. Lần đầu tiên trong đời tôi cầm phong thư tiền của Thầy mà rướm rướm nước mắt. Tôi biết được tiền bạc là khó kiếm, nhưng tình thương yêu nơi Thầy càng khó kiếm hơn. Tôi lắp bắp cảm ơn Thầy trong lúc nước mắt cứ tự nhiên tuôn chảy... Chỉ vài tháng sau, tôi được mẹ báo tin là Văn đã sang sống hẳn bên chùa Thiên Tôn – Thầy lo cho việc ăn học. Có lẽ thầy muốn chia sẻ gánh nặng cho mẹ tôi? Có lần tôi đã nghe Thầy bảo – lo cho một mình tôi ăn học ở Sài Gòn còn chưa nổi, lấy đâu mẹ tôi lo cho Văn? Nghĩ đến tháng ngày Văn được sống bên người Thầy đạo hạnh, cạnh các cô chú hồn nhiên vui vẻ – tôi cũng cảm thấy yên tâm, xóa dần nỗi buồn tủi về một đứa em bất hạnh. Như một sự sắp đặt nhiệm mầu, nhưng cũng vô cùng đau xót cho tôi – ngày tôi cầm lấy mảnh bằng bác sĩ y khoa chuẩn bị về quê thăm Thầy, thăm mẹ thì nhận được tin điện của Văn: “Mẹ đang hấp hối, chờ chị về!”

Từ vài năm nay, mẹ tôi thường có những cơn đau râm rạn, âm ỉ ở phần giữa bụng. Có lúc, chỉ đau thoáng qua. Có lúc cơn đau kéo dài suốt buổi. Tuy vậy, hễ ngồi dậy được, cơn đau tạm lắng yên, là mẹ lại quấy gánh đậu hũ lên chợ, hay bươn bả ra đồng... Tôi luôn nuôi ý định sẽ đưa mẹ vào Sài Gòn để khám chữa trị. Ước mơ chưa thực hiện được, thì mẹ đã ra đi vì chứng bệnh nan y: “Ung thư tử cung”. Tôi đã buông bỏ tất cả để trở về, nhưng chỉ kịp nhìn mẹ thoi thóp, khô héo như một chiếc lá. Tôi đã ở lại để cúng thất tuần mẹ



Ghi chú: Đây là truyện ngắn mới nhất của nhà văn Mang Viên Long gửi cho Tạp chí Ngôn Ngữ 9 trước khi tác giả mất.

– thật hy hữu thay, ngày ấy lại gần đến ngày Rằm tháng 8. Tết Trung Thu. Mặt trăng tuy chưa tròn đầy, nhưng vẫn rực rỡ, trong vắt như thuở nào. Trung Thu, hai tiếng ấy gợi lên trong tôi biết bao là kỷ niệm. Làng quê, ánh trăng, những chiếc lồng đèn, bánh kẹo, mẹ và ngôi chùa – tất cả đã mãi hẳn in trong tâm khảm tôi, như những kỷ niệm thiêng liêng, hạnh phúc nhất của một đời người. Tôi như lơ lửng giữa ánh trăng thu bàng bạc. Theo ý nguyện của Văn, Thầy trụ trì đã hỏi ý kiến của tôi về việc Văn xin xuất gia – sau đó sẽ thi vào trường Cao đẳng Phật học Lâm Đồng. Trước sân chùa, dưới tượng đài Đức Quán Thế Âm, trong ánh trăng Thu lạnh lẽo; chúng tôi đã thức suốt đêm, cùng những giọt nước mắt. Sau cùng, Văn nhắc lại lời mẹ: “Nếu con có duyên đi tu được, thì đó là phước lớn cho đời con, cho gia đình.” – Nhưng em có lúc nào hỏi kỹ lại lòng mình chưa? – Tôi nhìn sống sờ lên khuôn mặt

ươn ướt tràn đầy ánh trăng của Văn. – Đã rất nhiều lần rồi, chị à! – Văn trả lời rần rỏi – cuộc đời giả tạm này không có gì hấp dẫn em cả. – Giọng Văn đượm buồn. Tôi không muốn thuyết phục em, hay tỏ ra ép buộc Văn phải vào Sài Gòn cùng tôi – bởi vì, chính tôi – trên những bước đường tha phương cầu thực ấy, cũng thật mờ mịt. Tôi chưa nhìn thấy rõ, rồi những bước chân duyên mệnh kia sẽ đưa tôi về đâu? – Ngày kia – tức là đúng ngày Rằm, chị sẽ bạch cùng Thầy, làm lễ xuống tóc cho em. Tôi nghe rõ giọng nói của mình vang lên, như từ một cõi xa lạ nào vọng lại. – Em xin cảm ơn chị! Chúng tôi ôm chàng lấy nhau – mặc cho những dòng nước mắt nồng ấm ràn rụa trên mặt...

Vầng trăng Thu vẫn vắng vặc sáng trên đầu hai chúng tôi.

Mang Viên Long
(trích Tạp Chí Ngôn Ngữ 9)

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CANH KIM CHI CHAY



Canh kim chi chay với vị chua thanh và cay nồng kích thích vị giác



Canh kim chi chay được nấu từ nấm, kim chi muối và nước dùng rau củ

Không quá cầu kì như cách nấu canh kim chi mặn, bạn chỉ cần thao tác đơn giản là đã chế biến được món canh ngon như ý muốn. Canh kim chi chay là một món ăn đậm bạc nhưng hương vị rất hấp dẫn và cuốn hút. Sự kết hợp tuyệt vời của nấm, đậu hũ và đặc biệt là vị chua cay rất lạ của kim chi sẽ khiến người thưởng thức không thể nào quên được. Kim chi là món ăn đặc trưng của người Hàn và có lịch sử hình thành, phát triển cách đây hơn 4000 năm. Người Hàn sử dụng kim chi làm nguyên liệu chính chế biến món chay ngon. Canh kim chi chay là một cách biến tấu mới để có thể dùng được trong những ngày ăn chay kì của tín đồ tôn giáo hay cho ai đang trong giai đoạn ăn kiêng. Hãy cùng đổi vị cho bữa ăn của mình bằng món canh kim chi chay với các bước hướng dẫn sau đây.

Nguyên Liệu:

- 250g kim chi chay cắt miếng vừa ăn
- 2 bìa đậu phụ cắt khối nhỏ
- Nấm đông cô, nấm mỡ... (Tùy theo sở thích có thể chọn thêm các loại nấm khác)
- Nước dùng rau củ
- 2 muỗng dầu oliu
- Vừng (mè)
- Hành lá cắt nhỏ
- 1 muỗng cà phê đường nâu
- Muối hầm
- 1 thìa bột ớt Hàn Quốc

Cách Làm:

Bước 1: Làm nóng nồi với một ít ầu oliu rồi cho vừng vào rang. Khi thấy vừng thơm lên và chuyển sang màu vàng, bạn cho kim chi vào đảo đều trong khoảng 4 phút. Tiếp theo đó, cho các loại nấm, bột ớt, hành lá vào rồi đảo đều. Thêm vào khoảng 750ml nước dùng và đun sôi.

Bước 2: Khi nước sôi, bạn cho đường, muối vào và nêm nếm sao cho vừa ăn. Sau đó thêm đậu phụ vào, đảo nhẹ để đậu phụ không bị nát. Đun ở lửa nhỏ thêm 15 phút nữa là bạn có thể tắt bếp và thưởng thức được rồi đấy!

Một số mẹo để nấu canh kim chi chay ngon hơn:

Độ chua cay của món canh sẽ được quyết định bởi kim chi vì vậy, nếu thích chua nhiều có thể chọn loại kim chi muối để lâu hơn một chút và ngược lại. Nếu thích ăn cay, bạn có thể thêm ớt.

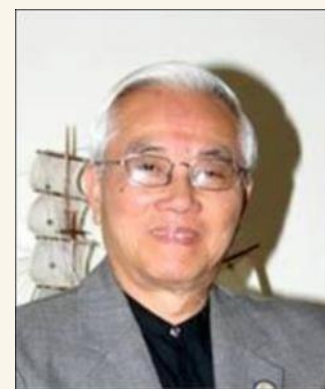
Nếu yêu thích khoai tây, bạn có thể thêm khoai tây vào canh kim chi chay sẽ giúp cho món canh thêm ngon.

Nên chú ý khi nêm vị trong kim chi đã được muối cùng các gia vị rồi nên có thể món canh bị mặn.

Cách làm canh kim chi chay khá đơn giản và không mất quá nhiều thời gian. Món ăn thích hợp dùng với cơm nóng cho những ngày chay. Một chút vị chua cay, thanh ngọt, đậm đà của canh kim chi chay sẽ là cách đổi vị tuyệt vời cho bữa ăn của bạn và những người thân yêu. Chúc các bạn thành công!

(Nguồn: *Trịnh Thị Kim Ánh*)

KHẮC PHỤC CHỨNG Ợ CHUA



Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức

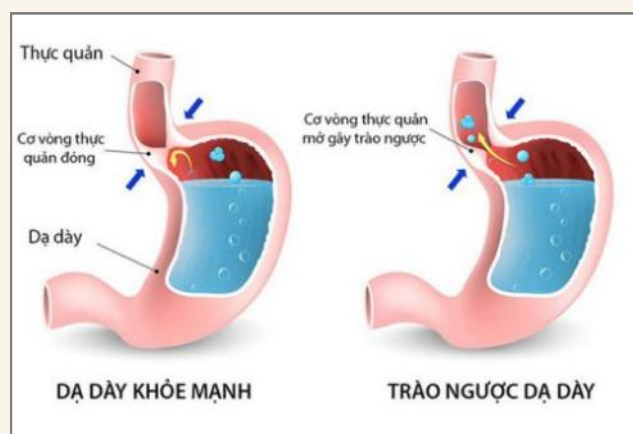
Y KHOA PHỔ THÔNG

Trong hoặc sau bữa cơm, bạn chưa kịp tận hưởng sự khoan khoái do các món ăn ngon đem lại thì đã phải nhăn mặt vì cảm giác đau rát như lửa đốt ở ngực và vị chua trong miệng. Đó là chứng ợ chua do bệnh trào ngược acid ở cuống thực quản gây nên.

Cảm giác đau và chua là do một dung dịch acid nhẹ trong dạ dày gây nên. Acid này có tác dụng giúp tiêu hoá thức ăn và tiêu diệt một số vi trùng lẫn lộn trong thực phẩm. Nó không làm tổn thương dạ dày vì bộ phận này có lớp màng ở mặt trong. Bình thường thức ăn cũng như acid được giữ trong dạ dày, không dội ngược lên nhờ chiếc van nằm ở cuối thực quản. Nhiều lúc chiếc van đó thư giãn hơi lâu khi ta nuốt thức ăn, chất chua lợi dụng cơ hội cửa mở, trào ngược lên thực quản.

Có vài mẹo vặt mà ta có thể áp dụng để tránh ợ chua:

- Không đi nằm ngay sau khi ăn no mà nên chờ ít nhất 2 giờ.
- Khi nằm nên gối đầu hơi cao hoặc nằm nghiêng phía bên trái.



- Tránh ăn quá no một lần mà ăn nhiều bữa nhẹ, bớt ăn đồ nhiều mỡ và chất béo.

Thuốc làm bớt ợ chua:

- Thuốc trung hòa acid trong dạ dày (do chứa các chất nhôm, canxi, magiê, natri), làm bớt ợ chua, có tác dụng nhanh chóng nhưng công hiệu chỉ kéo dài vài giờ. Nên uống thuốc sau khi ăn vì nếu uống trước bữa ăn, thuốc sẽ bị thải khỏi dạ dày rất nhanh. Nếu dùng lâu có thể gây táo bón hoặc tiêu chảy.

- Thuốc chống sự tiết acid trong dạ dày (như Tagamet, Zantac, Pepcid...). Tác dụng của thuốc bắt đầu độ nửa giờ sau khi uống và kéo dài 3-4 giờ, có thể làm bớt hay trị ợ chua. Nên uống trước khi ăn khoảng 1 giờ. Các loại thuốc này đắt tiền hơn thuốc trung hoà acid.

Những người bị bệnh ợ chua nặng thường phải uống thuốc hằng ngày, suốt đời. Để tránh sự bất tiện này, có thể dùng phương pháp giải phẫu. Các bác sĩ sẽ nâng phần trên của dạ dày lên, bao quanh cuống thực quản đủ chặt để có thể ngăn sự trào ngược acid.

Nếu bị chứng trào ngược acid kinh niên thì bạn phải tham khảo ý kiến bác sĩ ngay vì hiện tượng ợ chua mỗi ngày có thể là dấu hiệu của các bệnh khác trầm trọng hơn.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức
Texas- Hoa Kỳ.
www.bsnguyenyduc.com

NGHỆ THUẬT THUYẾT PHÁP

trong KINH PHÁP CÚ

Tâm Minh Ngô Tăng Giao

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trong gần nửa thế kỷ thuyết pháp độ sinh, Đức Phật đã giảng dạy và hóa độ cho rất nhiều người thuộc nhiều thành phần, căn cơ và nguồn gốc khác nhau. Tùy cơ duyên mà Ngài sử dụng những phương cách giảng khác nhau để khai mở trí tuệ cho hàng đệ tử. Có khi Ngài dùng lời dịu dàng để khuyên răn. Có khi Ngài dùng các lý luận sắc bén để thuyết phục. Có khi ngài dùng những ví dụ, những ngụ ngôn. Có khi ngài dùng những định nghĩa. Cũng có khi Ngài dùng các ẩn dụ mạnh mẽ.

Đức Phật dùng một phương pháp rất biệt tài trong tập Kinh Pháp Cú là sử dụng các ví dụ rất linh động và chính xác để gợi cảm cho người nghe mà xác chứng và nhiều khi lại giải thích thêm cho cặn kẽ hơn những điều Ngài nói. Các ví dụ ngài dùng thật vô cùng phong phú và khác biệt, lại giản dị, trong sáng, hường thượng, hiền thiện và giải thoát.

Truyện tích kể rằng vua Lưu Ly chỉ vì nghe thuật lại một lời nói có tính cách khinh khi đến nguồn gốc, dòng dõi mẹ và bà ngoại của mình nên xúc động và sinh lòng thù oán sâu đậm dòng dõi Thích Ca của Đức Phật. Vua mang quân sang tiêu diệt toàn thể những người cùng họ này. Trên đường trở về, quân đội của vua đóng dinh trại bên bờ sông để nghỉ. Giữa đêm khuya, một trận lụt to lôi cuốn tất cả vua và binh lính theo dòng nước. Mọi người đều bị chết hết. Nghe câu chuyện thương tâm ấy Đức Phật dùng hình ảnh nước lũ cuốn trôi xóm làng để ghi nhận rằng nhiều người đi đến sự sụp đổ của chính mình trong khi thực hành mưu đồ để thành đạt mục tiêu, miệt mài trong dục vọng, tâm phóng túng, không biết rằng "Diêm vương đang cắt ngắn mạng sống của họ":

(Pháp Cú 47)

*Tựa như nước lũ cuốn đi
Xóm làng say ngủ li bì nửa khuya
Tử thần cũng sẽ rước về*

Những người phóng túng, đam mê tối ngày

*Chỉ chuyên thu nhặt luân tay
Cánh hoa dục lạc chắt đây trong tâm.*

Cũng nhân truyện tích trên chúng ta nhận thấy vua Lưu Ly vì tàn sát quá nhiều người trong dòng họ Thích Ca mà phải chịu quả báo "hiện tiền" là bị nước lụt cuốn trôi ngay. Còn khi thấy quả nhiều người trong dòng họ Thích Ca bị giết chết, Thầy A Nan khóc lóc xin nhờ Đức Phật cứu cho, nhưng Đức Phật bảo đó là quả báo của dòng họ Thích Ca phải gánh chịu, vì trong một tiền kiếp, họ đã bỏ thuốc độc vào một hồ nước, giết hết loài cá trong hồ, nay cá ấy tái sinh ở nước của vua Lưu Ly và đến báo oán.

Đức Phật dạy nên chấm dứt tham luyến. Người còn đang say đắm, mê luyến về tài sản, về đàn gia súc, về con cháu, sẽ bị thần chết đến dẫn đi một cách bất ngờ, cũng như dân chúng trong làng đang say ngủ bị cơn lụt to nửa đêm tình linh lôi cuốn trôi ra biển:

(Pháp Cú 287)

*Người mà tâm mãi hằng ngày
Cháu con, gia sản đắm say chẳng ngừng
Khó mà thoát khỏi tử thần
Giống như thảm họa xóm làng ngủ say
Bị cơn nước lũ cuốn ngay.*

Từ hình ảnh lũ lụt Đức Phật đưa ra hình ảnh ao hồ. Ngài dạy sau khi nghe Pháp thời tâm của người hiền trí an tịnh như nước trong hồ sâu yên lặng. Lần khác Ngài dạy rằng tâm của bậc thánh nhân không dao động thời an tịnh như cõi đất bằng, kiên cố như trụ đồng và cũng phẳng lặng và trong suốt như ao sâu không bị bùn đất làm nhơ bẩn.

Hình ảnh từng giọt nước nhỏ rơi xuống lâu ngày cũng làm đầy được một cái bình, từ đó Đức Phật dạy là đừng nên xem thường điều ác dù nhỏ hay điều thiện dù nhỏ. Hình ảnh gần gũi khác là mưa trên mái nhà. Ngài dạy tâm không tu sẽ bị tham dục xâm nhập như mái nhà mà lợp không kín sẽ bị mưa dột vào. Trái lại nhà lợp kín sẽ không bị mưa dột như kẻ khéo tu.

Kể đến là hình ảnh cát bụi và cây cối. Ngài dạy là kẻ ác hại người thời ác kia trở lại gây khổ cho mình như tung cát bụi ngược chiều gió, cát bụi sẽ bay ngược trở lại vào mắt người tung. Lần khác Ngài dạy là kẻ xuất gia mà chẳng giữ mình, hành vi phóng đàng, tu hành buông lơi thời chỉ gieo cát bụi cho đời. Ngài cũng dạy rằng người không tự kiểm chế dễ bị dục vọng lôi cuốn như cây yếu trước cơn gió lốc. Lòng ái dục tiềm ẩn chưa bị tận diệt thời khổ não vẫn phát sinh trở lại như đốn cây mà không đào hết rễ thì nó vẫn đâm chồi sống lại mãi. Đức Phật diễn tả người phá giới tự hại mình như cây leo chum gửi leo quanh rồi siết chết cây vườn:

(Pháp Cú 162)

*Người phá giới tự hại mình,
Như dây chum gửi leo quanh cây vườn
Dần dần siết chết cây luôn,
Người này gieo hại bản thân vô bờ,
Gieo điều xấu, ác mong chờ
Mà quân thù địch ước mơ hại mình.*

Hình ảnh cỏ lau mọc dại cũng được nhắc tới. Đức Phật dạy "Người nào nuôi dưỡng ái dục thời sầu muộn sẽ gia tăng như cỏ dại mọc lên nhanh sau những cơn mưa". Lần khác Ngài khuyên "Đừng để cho lũ Ma quân dục tình phá hoại cái Tâm của mình như cơn lũ lụt làm hại đám cỏ lau". Có khi Ngài nhấn mạnh "Tham, sân, si, ái là bốn khuyết điểm của loài người như cỏ hoang làm hại ruộng vườn".

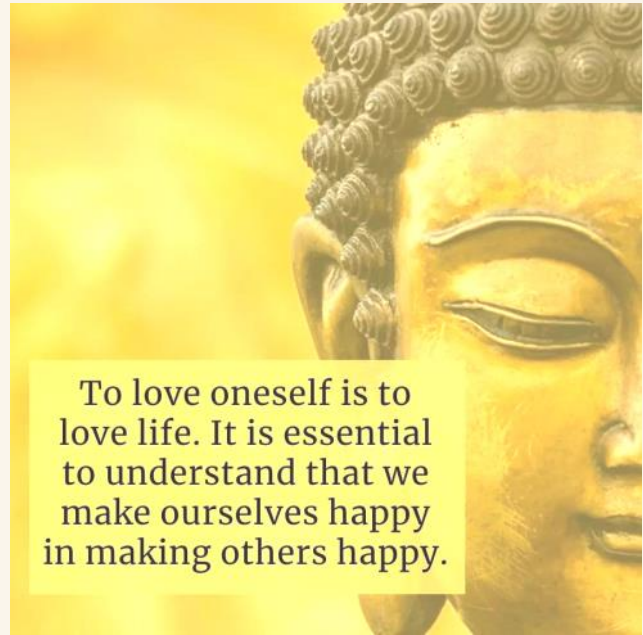
Đức Phật cũng dùng hình ảnh những súc vật mà chúng ta thường trông thấy trong cuộc sống hàng ngày để làm ví dụ khi thuyết pháp cho mọi người dễ hiểu. Ngài dạy "Ai học mà không hành thời vô ích, như kẻ chăn bò chỉ đếm bò cho chủ". Hoặc "Già nua, chết chóc lừa con người đến với tử thần như người chăn bò lừa bò ra cánh đồng". Hoặc "Bà La Môn là người đã giác ngộ như trâu dưng mảnh đầu đàn".

Đối với chuyện ái dục thời Đức Phật đưa ra hình ảnh "Ngày nào còn một bụi cây nhỏ dục vọng giữa nam và nữ mà chưa bị chặt ngã, thời ngày ấy tâm hãy còn bị trói buộc, giống như con bê đeo dính bò mẹ":

(Pháp Cú 284)

*Dây tình nam nữ, gái trai
Nếu mà chưa đứt, còn hoài vương mang
Thì tâm, ý vẫn buộc ràng
Như bê bú mẹ luôn ham, chẳng rời.*

Để thuyết pháp Đức Phật đưa ra nhiều hình ảnh của các sinh vật để người nghe dễ cảm nhận. "Ái dục của người sống dễ duôi tăng trưởng như dây leo. Nó nhay từ kiếp sống này chuyển sang kiếp khác như loài khi, vượn thích trái cây trong rừng". Hoặc "Kẻ bị bao trùm trong ái dục kinh hoàng như thỏ nằm trong bẫy". Hoặc "Những ai đắm say trong tham ái sẽ rơi trở vào dòng, như nhện



To love oneself is to love life. It is essential to understand that we make ourselves happy in making others happy.

sa vào lưới của chính nó".

Đức Phật cũng dạy "Những người trí tuệ thô thiển, khi hôn mê, tham ăn, thích ngủ, ngã lẩn, nằm dài như con heo to mà người ta nuôi bằng thức ăn thừa." Trong một dịp khác, vì ăn uống quá độ mà vua Ba Tư Nặc thường thấy mệt mỏi và khó chịu, nhờ Đức Phật khuyên dạy, vua ăn uống có độ lượng và do đó cải tiến tình trạng sức khỏe. Nhân dịp này để diễn tả kẻ ưa ngủ, ăn uống không chừng mực, nằm lẩn lóc qua lại, Ngài dùng hình ảnh con heo ham ăn cho nó bụng:

(Pháp Cú 325)

*Người phàm, ngu muội, tham ăn
Lại thêm ưa ngủ, nằm lẩn lóc hoài
Như heo ăn bụng no rồi
Tái sinh chịu mãi, luân hồi tránh đâu.*

Có một Tỳ kheo ít thông minh lại hay lơ đãng, vụng về. Ít khi biết nói những lời cho hợp thời, hợp cảnh. Trí tuệ không được mở mang. Ngài đưa ra hình ảnh bò với trâu để so sánh:

(Pháp Cú 152)

*Người không chịu học, chịu nghe
Giống như bò với trâu kia vô ngần,
Trâu bò lớn mạnh thịt gân
Nhưng mà trí tuệ trăm phần y nguyên
Nào đâu phát triển được thêm.*

Kể đến Đức Phật đưa ra hàng loạt hình ảnh súc vật khác. Ngài dạy: Người trí như tuần mã chạy nhanh bỏ lại phía sau những con ngựa gầy, lười biếng và hèn kém; Hỷ nhiệt tâm chuyên cần như ngựa giỏi chạy hăng lại thêm roi thúc giục; Luyện được lòng ẩn nhẫn mới là khó, khó hơn luyện được voi; Kẻ có tài tự chế ngự được mình là điều rất quý, quý hơn cả tài huấn luyện la, lừa, ngựa và voi; Người phóng túng, không biết tự kiểm

chế giống như con voi hung hăng khó trị.

Nhân có một thầy Sa di trẻ tuổi có giới hạnh rất trang nghiêm nhưng về sau muốn hoàn tục. Bà mẹ thầy thuyết phục thầy không nên làm vậy. Cuối cùng thầy nhận định được sự ích lợi dồi dào phong phú của đời sống thiêng liêng đạo hạnh. Đức Phật khuyên thầy "Hãy khéo điều khiển tâm mình như tay quản tượng giỏi điều phục voi":

(Pháp Cú 326)

Như Lai thử trước buông lung

Bao nhiêu tham dục cứ thường chạy theo,

Tâm ta nay đã xoay chiều

Nhờ vào chánh niệm ta

điều phục tâm

Như voi hung dữ vô ngần

Nhờ tay quản tượng sẽ

thuần tính ngay

Đức Phật dạy "Người không tiến bộ về vật chất và tinh thần sẽ ăn năn hối hận như con cò già bên cái ao không cá". Trong một dịp khác tâm của một Tỳ kheo bị những tư tưởng xấu chế ngự, Ngài khuyên thầy nên giữ vững tâm, khắc phục tư tưởng xấu vì "Cá mắc câu và bị kéo lên khỏi nước, vớt trên đất khô, vùng vẫy như thế nào thì tâm của người trí cũng vùng vẫy và phấn đấu để tránh xa dục vọng như thế ấy":

(Pháp Cú 34)

Tựa như cá ở hồ ao

Bị đưa khỏi nước quăng vào bờ kia

Vẫy vùng, sợ sệt kể chi,

Tâm người nên vậy khác gì cá đâu

Phải vùng vẫy, phải lo âu

Cổ mà phấn đấu thoát mau tâm mình

Khỏi tay Ma giới dục tình.

Hình ảnh loài quạ, diều hâu cũng được nhắc tới "Sống không hộ thẹn, lại lỗ mắng trơ trên như loài này thời dễ":

(Pháp Cú 244)

Sống không xấu hổ bao giờ

Lại thêm lỗ mắng giống như quạ diều

Chê bai, khoác lác đủ điều

Khoa trương, ngạo mạn, tự kiêu thán

ngày

Sống như vậy thật dễ thay!

Hình ảnh những cánh thiên nga, những cánh chim tung bay tự do trên bầu trời cũng được mang ra để làm ví dụ thuyết pháp. Đức Phật dạy "Chư vị A La Hán không còn luyện ái tựa như những con thiên nga rời bỏ ao hồ". Và "Không nên luyện ái vật thực, không màng đến vật chất thời sẽ thành thoi trong cảnh Niết Bàn giống như chim bay giữa chốn

không trung. Tìm chim dấu vết vô vàn khó thay." Rồi hình ảnh ong trong vườn "Đi trì bình khát thực mà không gây phiền phức cho ai như loài ong chỉ hút mật của hoa rồi bay đi mà không gây tổn hại đến hương hay sắc của hoa".

Đức Phật dạy "Thấy lỗi người thì dễ, nhưng lỗi mình thời quả là khó thấy". Một ông trưởng giả nọ muốn đến yết kiến Đức Phật nhưng có mấy vị đạo sĩ nói xấu Ngài để thuyết phục ông ấy đừng đi. Nghe câu chuyện, Đức Phật lưu ý các đệ tử rằng có người chỉ thấy lỗi kẻ khác, lắm khi là những lỗi không bao giờ có, nhưng lại không thấy lỗi của chính mình:

(Pháp Cú 252)

Lỗi người dễ thấy biết bao

Lỗi ta khó thấy ai nào muốn

khui,

Lỗi người cứ cố phan phui

Như tìm trấu lẫn trong nồi

gạo kia

Lỗi ta lại giấu giếm đi

Tựa người săn bắn muốn che

dấu mình

Hay như con bạc cố tình

Cờ gian bạc lận lưu manh dấu

bài.

Hình ảnh thợ săn ẩn núp giấu

mình và kẻ cờ gian bạc lận trong đời sống hàng ngày

được đưa ra thật sinh động.

Hình ảnh hoa sen cũng được

nhắc tới nhiều lần. Một Tỳ

kheo đang hành thiền về tính

cách ô trước của thể xác

nhưng không hiệu quả. Đức Phật thấy vậy

trao cho thầy một cành sen và dạy thầy an

trụ tâm vào đây. Vị Tỳ kheo thành công, đặc

những từng Thiền và phát triển tâm lực. Theo

lời khuyên của Đức Phật về sau thầy đắc quả

A La Hán. Đức Phật dạy "Hãy cắt đứt dây tình

cảm như ngắt cành sen mùa thu":

(Pháp Cú 285)

Dây tình ái hãy dứt liền

Như tay ngắt bỏ cành sen thu tàn

Siêng tu an tịnh đạo vàng

Là đường Phật dạy tìm sang Niết Bàn.

Trong đám người mê muội vẫn có những

người giữ mình cao thượng như "hoa sen

thanh khiết mọc lên giữa đầm bùn như, rác

rười". Người đã dập tắt ái dục không còn sâu

muộn như "giọt nước rời lá sen", như "mưa

trơn tuột khỏi hàng lá sen". Bà La Môn không

luyện ái dục lạc như "giọt nước trôi mau trên

lá sen", như "hột cải trên đầu mũi kim"

không thể dính lại được.

Kể đến là mặt trăng với mặt trời. Người

trong sạch, không bợn nhơ như "mặt trăng

sáng ngời giữa bầu trời không mây":

(Pháp Cú 413)



*Người như bần phỉ sạch rồi
Như trăng vắng vặc sáng ngời trong đêm
Rất thanh tịnh, rất lặng yên
Diệt trừ ái dục quần bần hại mình
Bà La Môn thật xứng danh.*

Dầu trẻ tuổi nếu nhiệt thành với giáo pháp, thầy Tỳ kheo có thể rọi sáng toàn thể thế gian này như "mặt trăng ra khỏi vùng mây". Hào quang Đức Phật rạng tỏ ngày như đêm;

(Pháp Cú 387)

*Mặt trời chiếu sáng ban ngày
Mặt trăng đêm xuống tỏa đầy ánh quang
Gươm đao, nhưng giáp huy hoàng
Trận tiền chiếu sáng rỡ ràng cho Vua
Bà La Môn vốn từ xưa
Hào quang chiếu sáng khi tu hành thiện,
Nhưng hào quang Phật vô biên
Ngày đêm chiếu sáng khắp miền nhân gian.*

Trong Kinh Pháp Cú có nhiều ví dụ cho thấy rằng không phải Đức Phật chỉ thuyết pháp cho hàng trí thức mà Ngài cũng giảng dạy giáo lý cho cả các trẻ em nữa. Ngài dùng những chuyện ngụ ngôn rất giản dị để cho mọi người đều hiểu được lời Ngài muốn giảng dạy. Như thí dụ cái bánh xe lăn theo chân con vật kéo xe, bóng theo người, mái nhà khéo lợp, một làng đang say ngủ, ao hồ sâu thẳm và trong veo, hoa có hương thơm, ong hút mật v.v... Trí tuệ của Đức Phật đã tỏ rạng trong cách trình bày chân lý cao thâm với những danh từ thông thường, dễ hiểu, không rườm rà phiền phức.

Trong nhiều ví dụ, chúng ta nhận thấy Đức Phật cũng có cái nhìn của một nhà nghệ sĩ tài ba. Hình ảnh vị Tỳ kheo chèo thuyền lướt tới, thuyền được tát cho nhẹ nước, và nhờ vậy thuyền lướt tới mau chóng và nhẹ nhàng. Hình ảnh này nói lên đặc tính vừa hướng thượng vừa siêu thoát, diễn tả vị Tỳ kheo đoạn trừ được lòng tham và sân hận và đang mau chóng tiến dần đến mục đích Niết Bàn an lạc. Chiếc thuyền trống rỗng. Chiếc thuyền ví như thể xác này và nước trong thuyền là những tư tưởng xấu.



Truyện tích kể rằng vài vị tu sĩ hiểu lầm phẩm hạnh của Đại đức Ca Diếp và bàn tán với nhau rằng ngài còn luyện ái những thí chủ và họ hàng thân thuộc. Nghe vậy, Đức Phật giải thích rằng Đại đức Ca Diếp đã cắt đứt mọi luyện ái. Ngài đưa ra hình ảnh một vị tu sĩ không có nhà cửa chùa chiền, cư xá riêng tư, như con ngỗng trời, rời bỏ hồ ao, bay liệng giữa hư không. Thầy tu đi lang thang rày đây mai đó không luyện ái một nơi ở nhất định nào, bởi vì thầy đã hoàn toàn tự do, đã thoát ra khỏi mọi quan niệm về "ta" và "của ta":

(Pháp Cú 91)

*Những người cố gắng tu thân
Luôn luôn hằng hải, tinh thần thật cao
Đâu còn lưu luyện là bao
Nơi ăn chốn ở thưở nào tại gia
Ví như những cánh thiên nga
Rời ao hồ cũ bay xa tít mù
Đâu còn nhớ tiếc nơi xưa.*

Khi Đạo Phật ra đời và khi đức Phật bắt đầu thuyết pháp hành đạo, Ngài đã gặp phải một số rất đông các bậc Đạo sư của nhiều giáo phái khác. Họ có giáo lý và phương pháp tu hành riêng biệt, nên một mặt Đức Phật dùng những định nghĩa thật chính xác và rõ rệt để nói lên phần giáo lý pháp môn của mình, sai khác với họ như thế nào; mặt khác Ngài phải tìm hiểu thật chính xác giáo lý và phương pháp tu hành của các giáo phái đó. Với những danh từ họ thường dùng, Ngài đưa ra những định nghĩa thật mới mẻ, thật chính xác, phù hợp với lập trường giáo lý và pháp môn của Ngài. Thí dụ như đối với danh từ "Muni", ẩn sĩ, mà chúng ta thường dùng để gọi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài định nghĩa rằng "Muni" hay Mâu Ni có nghĩa là im lặng, nhưng im lặng như ngu si đâu được gọi là ẩn sĩ. Mâu Ni phải là người có trí, biết đo lường cân nhắc phải trái:

(Pháp Cú 268)

*Kẻ ngu dần dần lặng yên
Đâu thành một vị thánh hiền ẩn danh,
Nhưng người trí tuệ tinh anh
Cầm cân nảy mực phân ranh tỏ tường
Chọn lành, bỏ dữ chẳng màng
Mới là ẩn sĩ thuộc hàng xứng danh.*

Có một vị Bà La Môn sống cuộc đời ẩn dật, tu theo lối khổ hạnh. Một hôm ông ta nghĩ Đức Phật gọi các đệ tử của Ngài là bậc xuất gia, ông sống ẩn cư, tu khổ hạnh thời cũng đáng được gọi là người xuất gia. Ông ta đến gặp Đức Phật và nói lên ý nghĩ ấy. Đức Phật đọc lên bài kệ sau đây để cùng một lúc định nghĩa Bà La Môn, Sa Môn và người xuất gia:

(Pháp Cú 388)

*Người mà nghiệp ác dứt xa
Xứng danh tên gọi là Bà La Môn
Người mà an tịnh luôn luôn*

*Xứng danh tên gọi Sa Môn tu hành,
Người mà ô nhiễm diệt nhanh
Mới là một bậc thuần thành xuất gia.*

Một nhóm sáu vị Tỳ kheo đi đó đi đây rêu rao rằng mình là người học rộng. Đức Phật dạy “Không phải vì nói nhiều mà người ta cho rằng là bậc học rộng. Bậc có trí tuệ phải là người an tịnh, không sân hận oán thù và không sợ sệt”:

(Pháp Cú 258)

*Nào đâu cứ phải nhiều lời
Mới là kẻ trí, chuyên đời tinh thông
Ai mà an tịnh thân tâm
Oán thù, hãi sợ trăm phần dẹp nhanh
Mới là người trí xứng danh.*

Trong một số trường hợp, Đức Phật cũng dùng những “ẩn dụ” để thuyết pháp. Một ngày nọ có một nhóm các thầy Tỳ kheo từ phương xa đến đánh lễ Phật. Lúc bấy giờ có một trưởng lão đáng người thấp lùn đang đứng ở cuối phòng. Đức Phật hướng về phía trưởng lão và nói với các vị Tỳ kheo rằng: “Này chư Tỳ kheo, các ông có trông thấy vị Tăng đứng ở phía kia không?”

Đức Phật nói: “Đó là người đã giết mẹ, cha và hai nhà vua hiếu chiến, và đã tiêu diệt một quốc gia cùng với vị đại thần phụ trách quốc khố, vị A La Hán ra đi, không sâu muện” (câu 294). Rồi Ngài nói tiếp: “Đó là người đã giết mẹ, cha và hai ông vua của giai cấp Bà la môn và tiêu diệt con đường nguy hiểm, vị A La Hán ra đi, không sâu muện” (câu 295).

Các vị Tỳ kheo nghe xong đều rất ngạc nhiên, chẳng hiểu được thâm ý của Đức Phật, mới xin Đức Phật giải thích thêm. Sau khi lãnh hội và quán triệt được ý nghĩa thâm sâu của hai câu kệ trên, các vị Tỳ kheo đó đắc quả A La Hán.

Hai câu Pháp Cú 294 và 295 này thật khó mà hiểu rõ được ý nghĩa nếu ta không xem các bản “chú giải” ghi chép lại trong kinh tạng. Các câu kệ đó mang ý nghĩa của lời ẩn dụ như sau: “Giết mẹ, giết cha, không phải là trừ diệt Cha Mẹ thật của mình. Ý nói đã diệt trừ xong các nguyên nhân khiến con người phải tái sinh trong cõi đời này. Diệt trừ xong ái dục và ngã mạn để thoát khỏi vòng luân hồi. Mẹ là ẩn dụ cho lòng tham ái, và cha là ẩn dụ của ngã mạn. Chính vì tham ái và ngã mạn mà ta phải tái sinh nhiều đời, nhiều kiếp trong cõi ang luân hồi này. Hai vị vua chính là hai biên kiến của vô minh: thường kiến và đoạn kiến, thường tạo ra nhiều tranh cãi vô ích, cần phải được phá bỏ. Vương quốc lãnh thổ kia chính là 6 căn và 6 trần: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vị Quốc khố đại thần là để chỉ lòng tham đắm dục lạc phát sinh và chất chứa từ 6 căn đó. Sau cùng, hồ tướng thứ năm chính là con quỷ thứ năm làm



cản trở sự định tâm, phát tuệ. Đó là ‘nghe’ của 5 triền cái: tham dục, sân hận, hôn trầm, trạo cử, và hoài nghi. ang hi đã đoạn diệt tất cả các chướng ngại này thì hành giả mới thông dong, tự tại, đi đến giải thoát ...”. Hai câu Pháp Cú trên có thể được kèm luôn với lời chú thích và diễn tả lại như sau để cho dễ hiểu hơn:

(Pháp Cú 294)

*Trừ mẹ ái dục cho mau,
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào, khoe khoang,
Trừ hai Vua nọ kiêu căng
Tham vọng, hiếu chiến, ý càng lắm sai
Chẳng tin nhân quả, luân hồi
Khó mà giải thoát, muộn đời hại dân,
Trừ thêm vương quốc kia luôn
Hạ mười hai xứ: sáu trần, sáu căn
Tự mình làm chủ giác quan
Tạo ra an lạc thân tâm bội phần,
Trừ luôn cả vị đại thần
Bo bo gìn giữ kho ang quốc vương
Khác gì một kẻ làm đường
Ham mùi luyện ái, vẫn vương cuộc đời
Trừ xong mọi việc trên rồi
Vị A La Hán thành thoi cõi lòng
Ra đi, sâu muện chẳng còn.*

(Pháp Cú 295)

*Trừ mẹ ái dục cho mau,
Trừ cha kiêu ngạo, tự hào luôn luôn,
Trừ hai Vua Bà La Môn
Luôn mang tư tưởng sai lầm mãi thôi
Chẳng tin nhân quả luân hồi
Khó mà giải thoát, muộn đời ngu si
Trừ con đường nọ hiểm nguy
Giống năm chướng ngại ngăn che mắt trần
Giống năm vị tướng dữ dằn
Hoài nghi là tướng đứng hàng thứ năm,
Trừ xong mọi việc khó khăn
Vị A La Hán thên thang cõi lòng
Ra đi, sâu muện chẳng còn.*

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

THẦY NHỎ KHÔNG THẦY LỚN

Ông tăng uyên bác lắm, viết sách, dịch kinh, độ chúng việc gì cũng tinh tấn và nhiệt tâm. Ông không chỉ lo việc đạo mà còn gánh vác việc đời, nhắc nhở thế sự đạo điền, ra tay giữ gìn mỗi hộ quốc, hộ dân, cảnh tình người mê:

- Người tu đạo không làm chính trị nhưng có quan điểm chính trị rõ ràng.

Quan quyền cầm hận thẩu xương, bắt ngài bỏ tù, giam lỏng, tịch thu bản thảo và giữ bao nhiêu trò tiểu nhân khác. Ngày ngài tịch, thế giới tiếc thương, nhiều nơi tổ chức tưởng niệm. Ấy vậy dân tình bị bùng mắt bịt tai nên hồng ai hay, báo chí, truyền thông câm nín. Trong khi ngày ngày đưa tin cô ca sĩ lòi quần lót hiệu này, cậu ca sĩ mang giày hiệu kia, đại gia uống chai rượu ngàn đô... Trong hàng ký giả cũng còn có người biết chuyện, than:

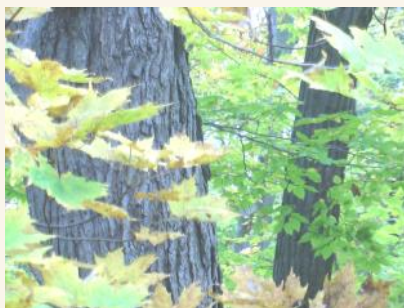
- Núi Thái trước mặt không thấy, chỉ thấy sâu bọ.

Báo ngoài đời thế, báo trong đạo cũng nín luôn, không một dòng nhắc đến. Anh ký giả kia ngoa ngán thổ lộ:

- Ăn cơm chúa mùa tối ngày, chủ không cho phép nói thì làm sao dám mở miệng, tình đời vốn đã không, tình pháp lý sao có được!

CƯỚP LỘC

Sau khi du nhập vào nước mình, Phật giáo phát triển rộng khắp xã hội, trên từ triều đình vương tôn công tử, dưới thì bá tánh lê dân. Các tổ ngày xưa dùng phương tiện giáo hóa, chấp nhận những tín ngưỡng dân gian, pha trộn những yếu tố địa phương... Đến thời mặt pháp thì sự việc trở nên trầm trọng. Một số tà sư nặng danh văn lợi dưỡng, chánh kiến không vững, hoặc giả mê mờ mà đẩy mạnh việc phong thủy, xin xăm, cúng sao, mở ngài, cướp lộc... Nhất là những ngày hội xuân, cướp lộc trở nên bạo phát, loạn động ảnh hưởng xấu đến thiên môn. Trí thức, Phật tử có chánh kiến bất bình:



- Lộc phải gieo trồng mỗi ngày một tí, mỗi đời một ít mới có. Lộc ở đâu sẵn mà đi cướp?

Dù bao người lên tiếng nhưng trò cướp lộc vẫn cứ tái diễn hàng năm, bởi vậy mới có thơ rằng:

*Người mê tin tưởng
chuyện tào lao*

*Tà sư đẩy mạnh bậy làm
sao*

*Lộc tích dài lâu đâu dễ có
Đầu xuân cướp lộc khéo
bày trò.*

VÔ MINH

Thiên hạ thế kỷ hai mươi mốt, ai ai cũng theo trào lưu công nghệ cao, chứng khoán, kinh tế vĩ mô. Bạn bè mở đều thành ông nọ bà kia cả, chí ít cũng chủ tiệm móng, riêng mỡ cứ let đẹt với chuyện viết lách. Hôm nọ có bài được đăng báo, mỡ đem khoe bạn bè với hy vọng được chúng khen, nào ngờ cả đám cười sảng sặc:

- Vớ vẩn đến thế là cùng, bọn tớ chẳng rỗi hơi xem mấy cái ngữ ấy!

Trong đám bạn có kẻ thương tình, vỗ vai mỡ:

- Lo mà kiếm tiền cho bằng anh em, đừng có ngớ ngẩn yu vợ như thế nữa!

Mỡ cảm ơn rồi rít, hứa sẽ thôi ngớ ngẩn, nào ngờ vừa hứa xong thì cảm khái nổi lên, lại ngâm:

*Của tin chỉ có chừng này
Đem khoe thiên hạ vẽ
bày xưng hô*

*Tập tành tấp tễnh bi bô
Giật mình cười cợt cái đồ
vô minh*

Người bạn lắc đầu, lăm lăm trong miệng trước khi bỏ đi

- Nặng quá rồi, hết thuốc chữa.

SAO LÀM VẬY

Sau một thời gian xa cách, hai người bạn gặp nhau, tay bắt mặt mừng. Một người hỏi:

- Tôi nghe người ta khen anh tốt tánh, không hờn giận ai, bỏ qua bất đồng ý kiến, lại hay giúp đỡ người khác... Sao anh có thể làm vậy được?

Người kia cười cười trả lời:

- Sao anh không làm được vậy?

Anh bạn không trả lời mà hỏi vặn:

- Làm vậy để được gì?

Người kia vẫn cười:

- Được gì mới làm vậy sao? Đơn giản là làm vậy thì sao cũng được.

Bây giờ người bạn tỏ vẻ phục:

- Anh làm vậy được, quả đúng thật anh là người như vậy!

ĐẮP MỘ CUỘC TÌNH

Con hẻm chật chội, ngột ngạt với những bê tông và mái tôn, trời nóng hầm hập, đã vậy suốt ngày, bị tra tấn bởi karaoke. Nhà Ut Cọt vang giọng nhe nhe say: "...Đêm đông lê bước chân phong trần tha hương..."

Chú Bày cảm rằm:

- Nóng thấy bà cổ, con bà nó chứ đêm đông rét mướt, phong trần!

Vừa nói xong thì nhà Ba xì kể bên, rên rỉ nhừa nhựa: "...Lá rơi đắp mộ cuộc tình..."



Bà Hai cuối xóm cười như mếu:

- Nó đắp mộ cuộc tình từ hệ năm ngoái đến hè này vẫn còn đắp, hồng biết bao giờ đắp xong cho cái lỗ nhĩ bà con trong hẻm được nghỉ ngơi?

Con hẻm ngày đêm vẫn ăm ỉ bởi giàn loa kẹo kéo, chẳng biết bao giờ mới hết kiếp nạn này.

TAO ĐÀN

Sau khi tái mở cửa làm ăn, kinh tế coi mòi khấm khá hơn tí, dân chúng cũng dễ thở, bung ra làm ăn. Công viên xé đất cho thuê, nhiều quán cà phê, quán nhậu mọc lên, mỗi sáng chủ nhật hội chim của chú Ba đem chim ra thi đấu tiếng hót, người ta khen:

- Sinh hoạt văn hoá vui chơi lành mạnh!

Cách đó vài cây số, chợ Cầu Ông Lãnh khá sầm uất, dân chúng làm ăn phát đạt, giang hồ cũng theo đó kéo về lập căn cứ, dân du thủ du thực cũng đông. Những chiều tối, khách ăn nhậu vô cùng bắt náo, karaoke hát hò ăm ỉ, khách say xin đá bậy lung tung, ói mửa tùm lum, khác xa với vẻ lịch lãm của vườn Tao Đàn. Chú Ba là dân kỳ cựu ở đây, tức cảnh sinh tình viết đối chơi chữ:

*Tao Đàn sáng sáng
nghe chim hót*

*Ông Lãnh đêm đêm
thấy chúng hò (*)*

CA NÔ

Quốc gia đến hồi suy vi, thất phu nhiều như rươi, bọn vô liêm sỉ thẳng thừng. Chúng nó không biết gì đến dân tình quốc sự, miễn ăn no, nhậu kỹ, khoe thân, khoe của... Giặc phương Bắc xà xéo đất đai, cướp biển, cướp đảo cũng mặc kệ, đã thế chúng còn tráo nói lời phản bội:

- Tàu nó lấy hai hòn đảo

thôi mà, nó có lấy quốc gia đâu!

Dân mạng sục sôi, thế mà tay ca sĩ ấy chẳng những không xấu hổ mà lại gân cổ chửi bới mạ lỵ người dân. Quan nha thấy không ổn, bèn phạt y một ít tiền vật vãnh để xoa dịu dư luận. Dư luận cười chế diễu:

*Ca nô không phải ca nô
mà là ca nô*

*Bán nước chẳng thật bán
nước lại là bán nước*

XỬ LẠ

Khi dịch mới hoành hành, xứ Trạng ít bệnh, ít nhiễm. Quan tướng xứ ấy tự cho mình là giỏi nhất thiên hạ, ngày ngày đăng đàn tự sướng:

- Bọn tớ chống dịch tốt nhất thế giới! Bọn tớ sẵn sàng chia xé kinh nghiệm chống dịch, trị bệnh cho các xứ khác. Luật bọn tớ nghiêm lắm, người nước ngoài, người trong nước đều phải cách ly mười bốn ngày.

Thế rồi dịch bùng phát mạnh, dân chúng phát giác người nước lạ vào ra, đi lại như chỗ không người. Nhân sĩ trí thức cất vấn:

- Tàu lạ vào biển nhà, vào cảng không ai hay. Người lạ đến đi không ai biết. Hàng lạ toàn độc hại tràn ngập chẳng ai quan tâm... lạ đầu mà lạ thế?

Quan tướng cho là xô xiên bèn cho còn đồ ra tay đánh đập, quấy nhiễu những ai dám lên tiếng. Dù bạo lực tàn độc nhưng không thể bịt miệng dân được, có người khảng khái:

- Nay mai cờ lạ cắm trên đầu không chừng, khi ấy xứ trạng sẽ thành xứ lạ nốt!

Georgia, 09/2020

(*) Hò: Hát hò, hò dô (uống) vừa là tiếng lóng chỉ ối mưa.

VỢ GIẢ CHẾT DỐI CHỒNG

Một chàng cưới được vợ xinh
Nàng tuy rất đẹp, tính tình lại hoang
Chàng thương vợ thật nồng nàn
Nhưng nàng trái lại phũ phàng chẳng yêu
Ngoại tình một sớm một chiều
Tình nhân sẵn đó nàng theo tức thì
Muốn về nhà bỏ chồng kia
Tìm qua người mới tính bề kết duyên.
Khi chồng vắng mấy ngày liền
Nàng tìm một lão bà quen thân nàng
Nhỏ to kín đáo dặn rằng:
"Khi tôi rời khỏi ngôi làng ngày mai
Bà tìm xác chết của ai
Xác cô con gái không người thân quen
Mang về nhà để một bên
Chồng tôi trở lại bà liền báo ngay
Rằng tôi là xác chết này
Mọi người tâm liệm sẵn đây đợi chàng."
Bà già thực hiện chu toàn
Đúng theo kế hoạch của nàng vợ hư.
Khi chồng về lại nhà xưa
Nhìn qua xác chết rất ư buồn rầu
Chàng ngồi khóc suốt canh thâu
Rồi đem hỏa táng, có đâu hay gì
Tin rằng vợ đã chết đi
Tro xương còn lại chàng thì dẫu yêu
Đựng trong hũ để mang theo
"Khối tình quá khứ" nâng niu đem ngày.
Vợ chàng lúc đó vui vầy
Kết duyên đậm ấm với tay nhân tình,
Thời gian thoáng chốc trôi nhanh
Thế rồi chồng mới lạnh tanh với nàng
Nay ruồng rẫy vì chán chường
Khiến nàng tui phận tìm đường trở lui
Quay về tổ ấm trước thôi
Thưa cùng chồng cũ những lời yêu thương:
"Em đây là vợ của chàng
Trở về nói lại dở dang cuộc tình!"
Người chồng lớn tiếng thanh minh:
"Vợ tôi đã chết cỏ xanh nắm mỡ
Cô sao ăn nói hồ đồ
Dối gian chi vậy! Thế cô muốn gì?"
Cô nàng biện bạch tía lia
Mong chồng nhận vợ xưa kia là mình
Nhưng chồng phủ nhận tận tình:
"Vợ tôi đã chết rành rành từ lâu
Tôi nào tin được cô đâu
Nhận cô làm vợ nghe sao lạ kỳ!"

*

Thế gian nào có khác gì
Lắm người thành kiến rất chi sai lầm
Nhưng không chịu cái đời dân,
Nhu phường ngoại đạo tà tâm lâu đời
Dù nghe Giáo Pháp tuyệt vời
Cũng không tin tưởng vào nơi Đạo Vàng
Giống người chồng ngốc thảm thương
Vợ tuy còn sống trăm đường chẳng tin.

thơ

TÂM MINH NGÔ TẢNG GIAO

(Thi hóa Kinh Bách Dụ)

*

The Wife Pretends To Be Dead

Once upon a time there was a stupid man who loved very much his beautiful wife. However, she had no true love for him. In the meantime, she associated herself surreptitiously with another man. Burning with lecherous passions, she wanted to leave her husband to be with her lover. She secretly told an old woman, "After my departure, I would like you to place a woman's corpse in my house. You then tell my husband that I'm dead."

The old woman did what she was told. She told the husband shortly after his return that his wife passed away. He went to see the corpse and believed it was that of his own wife. He grieved and wept bitterly. He gathered a great deal of wood and oil together for the cremation. Then he put the ashes into a bag and had it with him day and night.

Shortly after, the wife got tired of her lover. She came back and told her husband, "I'm your wife."

The husband answered, "My wife died a long time ago. Who are you to lie to me that you are my wife?"

The husband refused to believe her, in spite of her repeated explanations.

So are the heretics who, having learned the heretical doctrine, confusedly stick to it with all their soul and take the doctrine to be the right one without altering their mind forever. Thus they will be unable to believe, accept or keep any other creed even it is an orthodox one.

(Phần tiếng Anh trích dẫn trong "Sakyamuni's One Hundred Fables" của Tetcheng Liao)

Chỉ có con đường đó mà thôi

TIỂU LỤC THẦN PHONG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tiếng kèn réo rắt như xoáy vào tâm, thầy yoga ngồi xếp bằng nhập thần trong tiếng kèn, mắt nhắm nghiền, thân lắc lư, má phồng lên, bụng hóp lại vận hơi để thổi. Lặn hơi thoát qua những cái lỗ kèn hoá thành những âm thanh ma mị đầy sức mê hoặc. Hai con rắn hổ mang từ trong hai cái nồi đất vươn mình lên cao, lắc lư, uốn éo theo điệu kèn, mang nó bạnh ra to bè, lưỡi thè thật dài, thờ phỉ phò, khi thì lặng lẽ như hai sợi dây thừng. Tiếng kèn lên cao, tiết tấu nhanh thì thân nó cũng lượn nhanh, âm điệu trầm lắng khi thầy yoga nạt hơi thì nó hạ xuống thấp ngang miệng nồi. Không biết nó bị mê hoặc bởi tiếng kèn hay là nó đang thôi miên thầy yoga? người xem cũng ngần ngại chẳng biết là đang mơ hay mê?

Trong đền Parranajata hương xông, hương bột, hương xoa được các tín đồ dâng lên, các loại bột màu hồng, cam, vàng... rắc và xoa khắp nơi, những nhúm hoa vạn thọ xé tơi ra để quanh bên các bệ tượng thần Brama. Nền cháy lung linh, thầy tư tế vừa dứt lời kinh thì nhã nhạc lập tức rộn rã reo rắt, tiếng trống paranưng vỗ tom tom, tiếng kèn da diết, tiếng đàn bay bổng như quần lấy đôi chân và đôi tay nàng Kumaratunga. Nàng xoay tít múa, đôi chân trần quần quít những bước như dúi vào nhau, hai bàn tay bắt ấn với ngón tay cong điệu đà múa

vô cùng ảo diệu, eo nàng tròn trịa và phin phín nhưng dẻo như sợi bún, điệu lắc eo nồng cháy, dài xà rồng lắt phất, sợi dây đeo mũi lắc theo nhịp điệu của nàng. Đôi mắt nàng to tròn đen lay láy, nhìn vào mắt nàng như thấy cả ngàn năm Hindu. Thần Brama đã lấy hai ngôi sao sáng trên bầu trời gắn vào hốc mắt cho nàng, khi nàng mới tượng hình trong bụng mẹ, xương cốt nàng thần lấy đất nặn ra, thịt da và máu thần khuấy nước mà thành, sau đó thần lấy một tí gió thổi vào lá phổi của nàng. Thế rồi nàng từ bụng thần Brama mà vào đời. Tiếng hát thánh thót như ca-lãng-tần-già, trong veo như nước suối giữa rừng, lại da diết như tiếng kèn của thần yoga. Nàng múa hát để cúng dường thần Brama. Khi nàng dần tượng hình, mỗi sát na đi qua thì thần Shiva lại lấy đi chín trăm chín mươi chín tế

bào từ thân nàng. Thần Brama và thần Vishnu lại bồi vào một nghìn linh tám tế bào mới cho nàng. Thần Vishnu xoa bóp tạo hình cho đến ngày nàng chào đời. Lớn lên nàng có tiếng xinh đẹp, hát hay, múa giỏi ai cũng công nhận nàng là bông hoa rực rỡ nhất của thành Vidarasina

Khi nàng múa hát, bọn công tử vương tôn trong thành mê đắm. Ngoài lễ vật dâng lên thần Brama, bọn họ còn tranh nhau dâng những món quà tặng quý giá cho nàng, đó là những tấm xà ri đẹp nhất, những món vàng ngọc trang sức đặc biệt nhất. Trong đám công tử ấy, chàng Rajipbalanca là nổi trội hơn cả. Chàng rất tuấn tú đẹp trai, thân hình săn chắc, hai bắp tay đeo vòng vàng hình rắn thần Naga. Chàng luôn tặng cho nàng những món quà độc nhất và chàng chưa bỏ qua một cuộc múa hát nào của nàng. Trái tim chàng đã bị cầm tù bởi ánh mắt nàng. Linh hồn chàng bị trói buộc bởi nhan sắc và tiếng hát của nàng.

Thế rồi nàng ưng thuận làm vợ chàng, ngày cưới của hai người trở thành ngày hội của cả thành Vidarasina. Các thầy tư tế đọc kinh và cầu phúc suốt hai ngày đêm, sau đó là những ngày tiệc tùng múa hát cả mùa trăng. Hai người sống trong những tháng ngày hoan lạc tuyệt mỹ của kiếp người, hạnh phúc tưởng chừng như bất tận, tuổi trẻ sung mãn không



hề biết mệt, của cải quá phú phê để không phải bận tâm mưu sinh, danh vọng cao nhất thành... Cuộc đời họ ngập trong mật ngọt và hoa thơm.

Hai người quên mất, lúc họ hoan lạc và hạnh phúc như thế thì thần Shiva mỗi ngày âm thầm rút đi ba ngàn tế bào từ thân thể họ. Lúc bấy giờ thần Vishnu chỉ bồi đắp lại một nghìn linh tám tế bào mà thôi. Họ vẫn vui chơi, vẫn thảnh ngày tiệc tùng đầu đêm suốt sáng mà không hề hay biết gì.

Một ngày hạ huyền của tháng Năm, mẹ nàng, bà Vaijarajita trút hơi thở cuối cùng. Thần Shiva đã hoàn tất công việc của mình, thần đã hủy diệt một sự sống, một tiểu phẩm mà thần Brama tạo ra và thần Vishnu giữ gìn gia cổ bấy lâu nay.

Nàng khóc lóc thảm thiết, tiếng khóc của nàng cũng da diết như tiếng hát, tiếng khóc làm bao người phải rơi lệ theo. Chàng Rajipbalanca tưởng chừng trái tim mình tan nát vì tiếng khóc của nàng. Chàng dùng bao nhiêu phương chức để an ủi nàng nhưng không làm sao cho nàng vơi sầu não. Nàng lên đèn dâng lễ vật và than khóc:

- Hỡi thần Brama, Vishnu, Shiva! Hỡi các vị thần linh tối cao và thiêng liêng! Các thần đã tạo ra chúng con, cho chúng con sự sống, sao lại nỡ hủy diệt chúng con? Những tháng ngày hoan lạc của chúng con vội tàn lụi, để rồi chúng con phải chịu cảnh già nua, khổ đau, bệnh tật và chết chóc.

Khóc than xong, nàng lấy bột màu cam xoa lên các pho tượng, các loại hương bột, hương xông, hương thiêu được nàng dâng lên, mùi thơm ngào ngạt trong đền. Rajipbalanca nói:

- Em đừng vì đau khổ mà nói lời bất kính các vị thần. Các vị thần chỉ làm trách vụ của mình, nếu thần Shiva

không hủy diệt thì lấy đâu ra thần Brama tạo ra và thần Vishnu duy trì? Chúng ta chết đi rồi lại tái sinh cũng từ đất, nước, gió, lửa; cái vòng luân hồi này bất tận! Em đừng than khóc nữa, một ngày kia cũng sẽ đến lượt mình, càng than khóc càng khổ đau mà người chết cũng không thể sống lại, anh thì tan nát cõi lòng.

Buổi sáng tháng Năm, thầy Krishinatanga đi khất thực qua cửa đình nàng. Nàng ra đặt bát và chấp tay cúi đầu chào thầy

- Bạch thầy Krishinatanga, thầy ít bệnh, ít thiếu não. Người ta đồn đại thầy có thần thông chăng? có thể nào giúp cho mẹ tôi sống lại chăng?

Thầy Krishinatanga từ tốn:

- Cảm ơn thí chủ đã cúng dường thực phẩm, cầu chúc thí chủ an lạc. Sa môn Krishinatanga này không có thần thông, cũng không có thể làm cho người chết sống dậy, không có ai làm được điều đó cả! Ngay cả thần Brama cũng chịu thôi!

Nàng lại hỏi:

- Tôi nghe Sa môn Cù Đàm có lục thông, các đồ đệ cũng chứng đắc thần thông, vậy mà không giúp người chết sống lại thì hoá ra thần thông không có thật ư?

- Thần thông có thật, tuy thần thông không thể làm cho người chết sống lại được nhưng thần thông giúp cho người sống ít bệnh, ít khổ, ít thiếu não, nhiều an lạc, nhiều tỉnh giác, nhiều hoan hỷ. Thần thông của Sa môn Cù Đàm là giúp cho người sống biết làm thiện lành.

- Thế nào là thiện lành?

- Không giết hay vui với kẻ khác giết là thiện lành, không lấy những gì không phải của mình là thiện lành, không hành dâm với người ngoài giá thú là thiện lành, không nói sai sự thật là

thiện lành, không uống rượu và chất gây nghiện là thiện lành.

- Thế Sa môn Cù Đàm là ai?

- Là người tỉnh thức, người đã đoạn sạch mọi lậu hoặc, không còn sanh tử nữa.

- Sa môn Cù Đàm không còn sanh tử nữa, vậy có bằng thần Brama không?

- Thế Tôn Gotama không phải là thượng đế, càng không phải là thiên thần. Brama thọ tám vạn đại kiếp, hết phước vẫn đọa như thường. Thế Tôn Gotama là thầy của trời và người.

- Thế Tôn Gotama không còn sanh tử, thế sao không giúp cho người khác cũng hết sanh tử?

- Có đấy! Vì vấn đề này mà Thế Tôn Gotama đã thị hiện đản sanh ở vườn Lumbini. Ngài lớn lên trong hoàng cung, rồi ngài buông bỏ tất cả để tu tập và tìm ra con đường thoát sinh tử luân hồi. Ai y cứ theo phương pháp ngài chỉ dạy thì cũng đắc được như ngài. Thế Tôn chỉ dạy phương pháp và con đường cho mọi người chứ không thể đi thay cho ai. Ai muốn thoát sanh tử luân hồi thì phải tự dẫn thân, tự thắp đuốc lên mà đi!

- Mẹ tôi mới mất gần đây, thầy là đồ đệ của Thế Tôn Gotama, thầy có thể cho tôi biết mẹ tôi sẽ tái sanh vào đâu?

- Tôi không có ngũ nhãn, cũng chưa chứng đắc tam minh lục thông nên tôi không thể biết mẹ của thí chủ thác sanh về đâu. Tôi chỉ biết chắc mẹ của thí chủ thác sanh vào một cảnh giới tương ứng với những gì mà khi sống bà ấy vẫn thường làm khi còn sống.

Nói xong, thầy Krishinatanga đọc bài kinh phước đức hồi hướng cho mẹ nàng và chúc phúc cho nàng. Thầy quay lưng và khoan thai từ tốn trở về vườn trúc bên ngoài thành Vidarasina.

Năm ấy, nàng Kumara-

tunga, bông hoa xinh đẹp, tiếng chim ca-lăng-tần-già của thành Vidarasina bước vào tuổi ngũ tuần. Khuôn mặt xinh đẹp xuất hiện nếp xếp, quanh đôi mắt sáng ngày nào giờ nhiều vết chân chim, mái tóc óng ả đen tuyền như gỗ mun đã lốm đốm bạc dù nàng vẫn thường dùng củ nâu, vỏ sồi để nhuộm. Cơ thể nàng đầy đà không còn nhanh nhẹn nữa, các khớp xương ít nhiều đau nhức, nếu lúc trước nàng có thể múa hát thâu đêm thì bây giờ chỉ chùng chênh giờ là đuối.

Bấy giờ thần Shiva ngày ngày lấy đi tám vạn bốn ngàn tế bào từ thân thể và trí óc của nàng. Thần Vishnu chỉ có thể bồi lại tám ngàn bốn trăm tế bào mới mà thôi, cái già đang xông xộc đến. Thần Shiva đang hủy diệt, đang hiện diện trong mỗi sát na. Thân xác như thế, tinh thần nàng còn khổ hơn. Chàng Rajipalanca không còn yêu nàng như thuở nào, chàng đã nạp thêm ba cô gái xuân thì, vị chi trong dinh nàng giờ có bốn vị phu nhân. Đã mấy năm nay chồng nàng say sưa với các cô gái trẻ đẹp, không còn đoái hoài gì đến nàng, thỉnh thoảng ghé thăm qua quýt mà thôi.

Một buổi sớm mai nàng ngồi soi bóng qua chiếc gương đồng, lòng nhiều phiền muộn thiếu não. Chợt nàng nhớ lại lời thầy Krishinatanga năm nào, nàng bèn gọi hai thị tỳ thân tín sửa soạn lễ vật để đi đến vườn trúc. Ở vườn trúc, mấy thầy sa môn cho biết thầy Krishinatanga đã đến vườn sa-la; tìm đến vườn sa la thì thầy đã về rừng muốn. Nàng vẫn không nản lòng, cất bước đến rừng muốn thì gặp được thầy. Nàng mừng lắm, đánh lễ và cúng dường vật thực đến các thầy ở đây. Sau khi các thầy thọ thực xong nàng mới giải bày nỗi niềm u uất. Thầy Krishinatanga nhẹ nhàng chậm rãi:



- Con người ta đến với nhau không ngoài bốn mối quan hệ: báo ân - báo oán, đòi nợ - trả nợ. Phu thê cũng không ngoài duyên và nợ, có duyên thì xa xôi cách mấy cũng gặp, không duyên thì có ở cạnh bên vẫn xa. Nợ hết mà duyên còn thì tốt đẹp biết bao, duyên hết mà nợ còn thì tội lắm. Trường hợp của thí chủ cũng không tệ lắm, chồng thí chủ mê ái dục, sắc dục cũng là lẽ thường tình, nhưng ông ấy chưa đến nỗi bạc đãi với thí chủ. Con người ta đến thế gian này rất cô độc, độc sanh, độc tử, độc khứ, độc lai, gặp nhau chung một quãng đường để làm cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em... nhưng rồi cũng phải chia ly, đường ai nấy đi, nghiệp ai nấy chịu, phước ai nấy hưởng. Việc được lại thân người, gặp lại người cũ thì khó vô vàn. Thí chủ hãy lo cho thân mình, đừng hối tiếc chuyện ngày đã qua, đừng mong cầu chi chuyện ngày chưa đến, hãy sống với ngày hôm nay, hãy làm việc thiện lành. Một ngày nào đó thần Shiva hoàn thành việc hủy diệt thì thí chủ còn phước lành để tái sanh cõi an lành.

Ngưng một lát, thầy hỏi:
- Thí chủ thấy sức khỏe và nhan sắc bây giờ so với mười lăm năm trước như thế nào?

Bạch tôn giả:
- Đã suy giảm rất nhiều.
Thầy Krishinatanga lại hỏi:
- Thế mười lăm năm nữa thì ra sao?

- Bạch tôn giả, sẽ rất tồi tệ và có thể không kịp nhận biết nó sẽ ra sao.

- Thí chủ đã hiểu, đã thấy sức mạnh của thần Shiva rồi! Thần Brahma, thần Vishnu, thần Shiva có mặt trong mỗi sát na, ở trong mỗi con người và vạn vật. Năm xưa mẹ thí chủ qua đời, ấy là lúc thần Shiva hoàn tất nốt công đoạn cuối và thần Brahma lại bắt đầu công đoạn mới. Việc sanh tử cứ như thế không bao giờ dừng dứt. Chỉ có Thế Tôn Gotama đã chấm dứt sanh tử luân hồi, một số tôn giả lỗi lạc hành đúng pháp mà Thế Tôn chỉ dạy cũng vượt thoát sanh tử luân hồi. Tôi và các thầy ở đây ngày đêm nương náu và hành các pháp mà thế tôn chỉ dạy. Các thầy cũng đang trên đường vượt thoát sanh tử. Thí chủ và những người như thí chủ, tôi không dám khuyên gì hơn là hãy giữ gìn năm điều thiện lành mà tôi đã nói năm xưa. Năm điều thiện lành ấy là cơ sở để tái sanh lại cõi người, còn nếu thí chủ tinh tấn hơn thì làm mười điều thiện lành, sau khi thân hoại mệnh chung thì sanh cõi thiên.

Nàng Kumaratunga nghe pháp mà lòng sanh hỷ lạc lạ thường, tâm thần nhẹ nhõm, bao nhiêu thiếu não phiền muộn tan như khói mây. Nàng quỳ hôn chân thầy Krishinatanga và chào từ biệt, trên đường trở lại thành Vidarasina nàng và thị tỳ đi qua làng Raja, lúc ấy có một gã đàn ông túm tóc đánh đập dã man một người phụ nữ gầy còm, có lẽ người ấy là vợ y. Những đứa trẻ neho nhóc đứng nhìn đầy sợ



hãi. Nàng tiến lại gần, gã đàn ông thấy người của hàng sát-đế-lợi thì vội vàng lẩn tránh, còn thiếu phụ thì sợ sệt không dám ngước mắt nhìn. Nàng đỡ bà ấy lên, thì bà ấy sợ tội nên quỳ sụp xuống. Nàng cố an ủi và bảo bà ấy đừng sợ, lúc ấy bà ta mới dám nhìn nàng. Đôi mắt bà ta đen mà khô ráo, cổ lẽ cái khổ của kiếp người, nỗi nhọc nhằn của người nữ bao năm nay đã vắt khô nước mắt và sức lực của bà ta. Nàng cho bà ta một ít tiền và an ủi thêm vài lần nữa trước khi về lại dinh.

- Đừng sợ, bà đừng sợ! Tôi cũng như bà thôi, tôi cũng có chồng và có nỗi khổ khác, không có cái khổ nào giống cái khổ nào, có điều cái khổ của tôi không thấm vào đâu so với cái khổ của bà. Thế Tôn Gotama đã nói: Không có giai cấp trong dòng nước mắt cùng mặn, dòng máu cùng đỏ. Tôi tuy sanh ra trong dòng sát-đế-lợi nhưng rồi cũng chịu sanh tử như bà thôi, cuộc sanh tử này không bao giờ ngưng nghỉ, cái khổ còn đeo đuổi khi mà tử sanh chưa tận.

Nàng Kuramatunga lại lên đường, lòng vẫn thắc mắc: "Thần Brama tạo ra chúng con, sao nữ đế chúng con khổ như thế này?" Nàng lại thì thầm, không biết là tự nói với lòng mình hay nói với hai thị tỳ:

- Thế Tôn Gotama vượt thoát sanh tử, chỉ có con đường của ngài mới dẫn đến hết khổ mà thôi!

TIỂU LỤC THẦN PHONG
Ất lã thành, 072020

AN LẠC TRONG TĨNH LẶNG

*Dòng sông nào đưa ta về tĩnh lặng?
Cơn gió nào thổi cuốn não phiền đi?
Cỏ và cây in dấu bước chân đi,
Ngồi nơi đây, trú an trong tĩnh thức.*

*Dù trần thế, có nhiều nhương phiền phức,
Dòng Tâm mang phiền não đổ ra khơi,
Mặc dù cho sóng gió có nổi trôi,
An lạc vẫn sáng ngời trong tâm tưởng.*

*Ngồi tĩnh lặng, an nhiên không vọng tưởng,
Chú tâm theo từng hơi thở vào ra,
Mắt và tai khép lại chẳng nhìn nghe.
Thân nhẹ nhõm không động vì suy nghĩ.*

*Cứ như thế, thân và tâm an nghỉ,
Và từng giây, từng phút nối liền nhau,
Thời gian như ngừng đọng chậm theo sau.
Thân và tâm giờ đây tràn an lạc.*

*Rồi sau đó, tâm lặng yên quan sát.
Không suy tư, không vọng tưởng lo âu,
Tâm lắng nghe dòng tư tưởng nhiệm màu,
Lúc chợt đến, chợt đi rồi chợt tắt...*

*Cho tới lúc tâm không còn dính mắc,
Tâm nhẹ nhàng như đứng đỉnh ngọn tre,
Tâm an nhiên vào thế giới bao la.
Và tan theo vào không gian vô tận,*

*Thân lúc này tưởng chừng như biển mát,
Nguồn tâm đang lặng lẽ khắp mọi nơi,
Thân và tâm tuy một bỗng là hai
Tâm đã vào nguồn Không Gian Vô Trụ.*

*Thân bất động, hiện tại trong an trú
Tâm nhẹ nhàng vào tĩnh lặng Chân Nguyên
Cánh Cổng Trời không cửa rộng thênh thang,
Tâm hòa tan vào Chân Không Diệu Hữu...*

thơ THỰC UYÊN

Tám vạn bốn nghìn cây...

HÀN THÙY GIANG

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tôi thường có niềm vui mỗi khi đọc được một bài hay một tập thơ hay. Vui vì mừng cho tiếng Việt mẹ đẻ, có thêm một kho tài sản quý.

Cũng với tôi, thế nào là thơ hay? Giản dị lắm. Thơ có nội dung thuận lẽ hiểu sinh của trời đất, ấy là hay. Về nghệ thuật thì những tác phẩm đó đưa ra những kết cấu ngôn ngữ, hình ảnh, nhạc điệu... đầy bất ngờ, hoàn toàn chưa từng có ai viết trước đây.

Và tôi thực sự vui, vui đến mức thao thức suốt một đêm, khi đọc bản thảo những bài haiku, có tên: *Tám Vạn Bốn Nghìn Cây* của Pháp Hoan.

Pháp Hoan là một tu sĩ Phật giáo, xuất gia học đạo đến nay được chừng 15 năm. Giỏi ngoại ngữ, nên Pháp Hoan dịch rất nhiều các tác phẩm thơ của các nhà thơ cổ điển và hiện đại của nền văn học Đức, Áo, Anh, Mỹ...

Cảm hứng từ những vần thơ dịch, như chú ngựa tuyết trắng hý vang trời mùa Giáng Sinh đã mang tới cho ngài bút Pháp Hoan tập thơ *Lịch Mùa*. Tập thơ gồm các bài thơ viết theo thể tự do, để cho ngôn ngữ được tự do tấu lên khúc hát của riêng mình, và để độc giả được ngắm vũ điệu đẹp của tiếng Việt được uốn lượn tung bay trên bầu trời thi ca...

Nhưng đó là trước đây vài năm. Giờ, Pháp Hoan đang viết một tập những bài haiku, và gửi tôi xem vì tấm lòng mến mộ của tôi.

Haiku, về hình thức là một "bài thơ" trên khía cạnh hình thức của ngôn ngữ. Thực một bài "haiku" chỉ có 3 câu. Và 3 câu đó có tổng cộng 17 âm tiết, do tiếng Nhật là tiếng đa âm. Những bài haiku cổ xưa, như của Matsuo Basho hay Ryokan... thường được truyền lại bằng sách khắc in, hoặc những bản thư pháp viết tay vô cùng đẹp và độc đáo.

Tôi vẫn muốn gọi đó là những bài haiku, bởi những bài viết theo hình thức này, ra đời cổ xưa nhất, thực là những công án thiền, hay một pháp nào đó chợt được thiền nhân顿 ngộ. Những bài đó không phải là thơ.

Bởi vì nếu là thơ, thì dù vẫn dùng hình thức như bài haiku, nhưng sẽ có trong đó cái tình. Chữ tình vốn là đặc tính của thể giới người thường, không có trong thể giới tu hành. Hay nói cách khác, chữ "tình" trong thể giới của đốn ngộ hoàn toàn khác chữ tình trong thể giới thơ ca người thường.

Nhưng chúng ta đang sống trong thế giới người thường, và đắm đuối yêu thương. Pháp Hoan cũng vậy. Tác giả có những bài haiku hai tầng nghĩa, có cả chữ tình và cả sự顿 ngộ.

Trước hết, phải nhắc tới phẩm tính của một vị tu sĩ Phật Giáo. Vì Pháp Hoan có một bài thể này:

*Dưới chân núi phía tây
tôi đi vào chốn ấy
tám vạn bốn nghìn cây.*

Thì ai học Phật cũng từng biết, Phật Giáo tuyên

giảng có tám vạn bốn nghìn pháp môn. Tác giả hình tượng lời giảng đó bằng tám vạn bốn nghìn cây.

Nhưng khi đọc, tôi thấy chuyện đó không mấy quan trọng. Tôi chỉ thấy một cảnh núi non hùng vĩ, một khu rừng xanh thắm, tràn đầy sức sống, bí ẩn... Và một tu sĩ áo nâu đi về phía ấy, đi mãi đi mãi... cho tới khi mất hút. Đi, cũng tức rời cả một thế gian ở phía đằng sau... Tính thơ đẹp đến nhường ấy.

Con mắt quan sát cảnh vật, sự vận động vô thường của vạn pháp... của Pháp Hoan đã chọn được những góc nhìn riêng, và đưa tới những bất ngờ. Nhưng cái chính là tác giả đã thể hiện được nó qua ngôn ngữ, thể hiện một cách vừa đủ, tối giản, và cũng tuân thủ, một cách lỏng lẻo thôi, những quy tắc của thể haiku... và tạo ra nhạc điệu riêng ở mỗi bài.

Chúng ta cùng thưởng ngoạn một số bài haiku viết theo "hướng này":

*Thiên tọa qua mùa đông
hoa nở trắng ngoài đồng
ngõ tuyết chưa tan.*

*Sau buổi tọa thiền
vương trên tà áo
mặt mũi hoa đêm.*

*Vân tước bay trong mây
tôi đi trên mặt đất
giữa muôn trùng cỏ cây.*

*Ni sư vào làng
một con bướm trắng
đậu tràng áo nâu.*

Khi tôi vắng nhà

*vườn cải ra hoa
gọi mời cánh bướm.*

*Ao thu
bong bóng nước
vỗ trong sương mù.*

Riêng cái nhìn về sống chết, về sự đau khổ của thời gian, một vấn nạn của cõi vô thường, lại được Pháp Hoan viết bằng điều thăng hoa từ "cái tình" của nhân sinh, và cũng rất đẹp:

*Sau cơn mưa
đất nồng hương hoa
ngôi mộ mới.*

*Từng hạt sương rơi
trong lòng giếng cũ
mấy mùa thu trôi.*

Là một cư sỹ, cuộc sống thế gian giữa chốn Thiền môn, hay Cửa Không... là mối duyên lớn cho tác giả "nhìn thấy" một điều mà tác giả chợt thấy (đốn ngộ):

*Cửa Không mở ra
một cánh bướm nhỏ
bay vào cõi hoa.*

Cũng từ "mối duyên" nơi Cửa Không đó, mà Pháp Hoan đã viết nên bài thơ tuyệt đẹp này:

*Dưới vầng trăng non
những con sóng lướt
thân hình Quan Âm.*

Dưới chân tượng Phật Bà Quan Âm, một đêm trăng, có lẽ là trăng khuyết, nên trời cũng tối lắm, cái nhìn ngược sáng qua bức tượng Phật Bà, khiến cho những đường nét của Pháp thân Phật mang tính nữ, những đường cong của bức tượng, cùng ánh trăng, tạo nên những con sóng ánh sáng, mềm mại, dịu dàng, đầy chở che. Chữ "thân hình Quan Âm" đã làm nên một vị thi sỹ thực sự trong màu áo tu hành.

Nhưng chỉ đắm đuối nơi Cửa Không? Không. Pháp Hoan còn viết những bài chuyện hay về những câu chuyện của thế gian. Ví như lòng hoài niệm trên đường lữ



Pháp Hoan sinh năm 1992, Bình Thuận. Từng sống và học tập tại viện Phật học ứng dụng châu Âu (Đức quốc). Có tác phẩm xuất hiện trên *Tiền Vệ*. Tập thơ đầu tay *Lịch mùa* được xuất bản bởi AJAR press năm 2016. Ngoài sáng tác thơ ca, Pháp Hoan còn viết truyện cực ngắn dưới bút danh Lê Khải, dịch và giới thiệu những tác phẩm từ tiếng Anh và tiếng Đức sang tiếng Việt. Pháp Hoan hiện sống và làm việc tại Vancouver, Canada. (trích phaphoan.wordpress.com)

hành, mà ta thấy phảng phất hương vị haiku của Basho, nhớ về xứ Kinh Bắc xưa, kinh đô của Phật Giáo Đại Thừa Việt Nam:

*Tiếng vạc kêu sương
đâu rồi con đường
về miền Kinh Bắc!*

Những bài haiku đốn ngộ cái không chấp trước, phân biệt, hay vọng niệm của thế gian vô thường:

*Mộng này triền miên
nở qua biên giới
vạn cảnh đồ yên.*

*Nơi biên giới này
không Nam không Bắc
mưa mùa xuân bay.*

Pháp Hoan vốn hay nói đùa. Có khi tác giả ví mình như một đệ tử thời xa xưa,

luôn bị sư phụ quở trách vì không lo học đạo, chỉ lo làm thơ.

"Có khi tác giả hỏi mọi người, có nên "định ra" một vị Bồ Tát với câu niệm rằng: "Nam Mô Thi Ca Vương Bồ Tát Ma Ha Tát," hay không. Tất nhiên đó chỉ là câu đùa.

Cũng như vũ trụ vui đùa chúng ta bằng những cơn gió. Chúng ta cũng vui đùa bằng những niệm thiện lành như những bài haiku. Miên sao, sau khi đọc, chúng ta nhìn thế giới, hay vạn pháp sâu hơn, rõ hơn. Tâm chúng ta cũng ngày một thiện lành, tĩnh tại và thuận lẽ hiểu sinh của trời đất.

Cảm ơn Pháp Hoan đã viết cho mọi người những bài haiku ấy.

The Story of Khemaka, the Son of a Rich Man

Dhammapada, Verses 309 & 310

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (309) and (310) of this book, with reference to Khemaka, the son of a rich man. Khemaka was also the nephew of the renowned Anathapindika.

Khemaka, in addition to being rich, was also very good-looking and women were very much attracted to him. They could hardly resist him and naturally fell a prey to him. Khemaka committed adultery without compunction. The king's men caught him three times for sexual misconduct and brought him to the presence of the king. But King Pasenadi(Prasenjit) of Kosala did not take action because Khemaka was the nephew of Anathapindika. So Anathapindika himself took his nephew to the Buddha. The Buddha talked to Khemaka about the depravity of sexual misconduct and the seriousness of the consequences.

Verse 309: Four misfortunes befall a man who is unmindful of right conduct and commit sexual misconduct with another man's wife: acquisition of demerit, disturbed sleep, reproach, and suffering in niraya/hell.

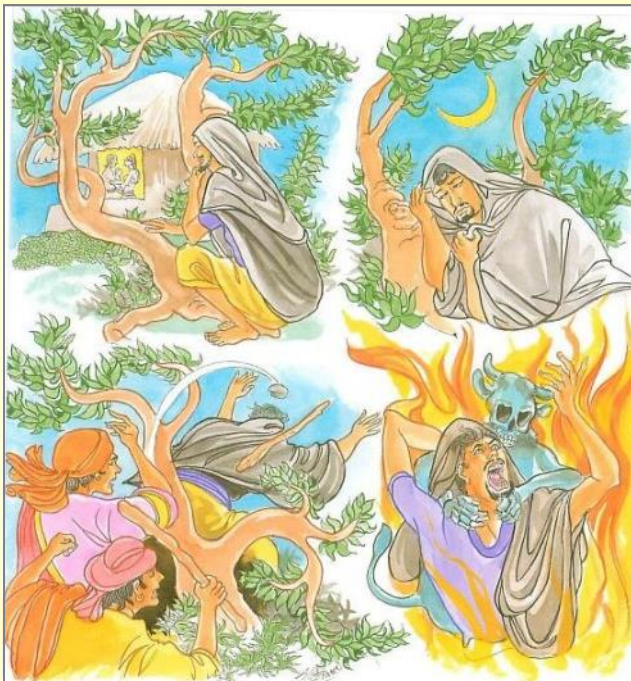
Verse 310: Thus, there is the acquisition of demerit, and there is rebirth in the evil apaya realms. The enjoyment of a scared man with a scared woman is short-lived, and the king also metes out severe punishment. Therefore, a man should not commit misconduct with another man's wife.

At the end of the discourse Khemaka attained Sotapatti Fruition.

Translated by

Daw Mya Tin, M.A.,

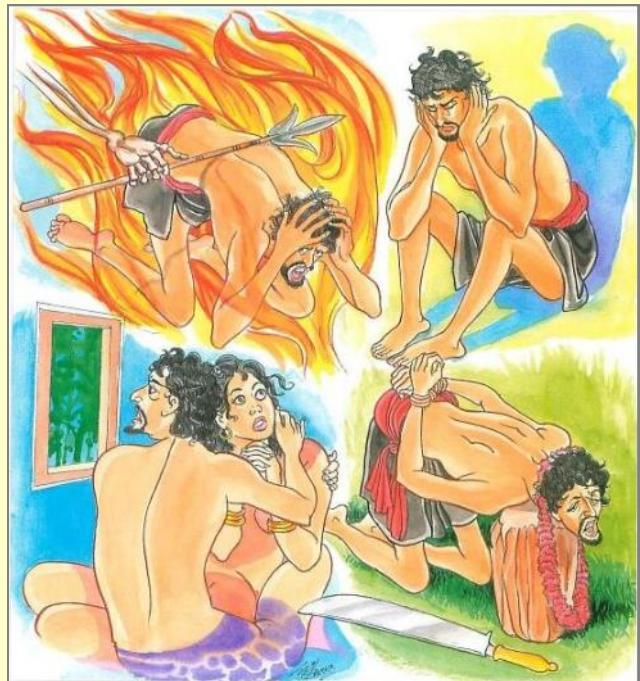
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma.



Adulterer gathers demerit and lies uneasy. Suffering censure here he faces pain in hell.

309. *Cattāri thānāni narō pamattō
āpajjati paradārīpasāvī
apuriṇalābhān na nikāmasayyaṇ
nindān tāṭṭyaṇ nrayaṇ catulthaṇ.* (22:4)

Four things befall that heedless one
sleeping with one who's wed:
demerit gained but not good sleep,
third is blame while fourth is hell.



To the adulterer, 'tis limited pleasure and punishment's dread. A sin he should totally shun.

310. *Apuriṇalābhō ca gati ca pāpikā
bhīṭassa bhīṭāya raṭṭi ca thōkikā
rājā ca daṇḍaṇ garukaṇ paṇṇī
tasme narō paradāraṇ na sāvē.* (22:5)

Demerit's gained and evil birth,
scared man and woman - brief their joy,
the king decrees a heavy doom:
so none should sleep with one who's wed.

Hy sinh

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU
(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Ngày xưa, có một người lái buôn nhân đức và hiền hậu, một ngày kia, chàng cùng năm người khách khác vượt trùng dương chèo thuyền qua xứ lạ để mua các thực phẩm và châu báu. Mua xong, mọi người đều vui vẻ dong buồm trở về xứ.

Khi ra đi thì trời quang mây tạnh, gió thuận buồm xuôi, nhưng khi thuyền ra khơi, thì thời tiết bỗng thay đổi, gió xoay chiều, từng đám mây đen ùn ùn kéo đến dần dần lan tỏa khắp cả bầu trời. Những lằn chớp rạch từng luồng sóng ngoằn ngoèo giữa vùng trời mây gió. Tiếng sấm vang dậy, mưa ào ào đổ xuống. Gió mỗi phút mỗi mạnh, sóng mỗi lúc mỗi to, tiếng gầm thét dữ dội và nhào lộn như điên cuồng.

Chiếc thuyền nhỏ, lên xuống theo với đợt sóng nổi chìm. Được một lúc thì lái gầy, buồm đứt, chiếc thuyền lao đảo quay tít mấy vòng như chiếc lá vàng, giữa cơn gió lốc, bỗng bị úp lại và chìm hẳn.

Cưỡng quít hải hùng và lo sợ, những người trong thuyền đều bị sóng cuốn ra giữa bể. Trong khi ấy người lái buôn bám vào được cột buồm, còn năm người bạn đồng hành không bám vào đâu được cả và sắp bị chìm sâu vào đáy bể. Họ kêu cầu rên la rất thảm thiết. Ai đã từng chứng kiến tiếng khóc náo lòng của một kẻ sắp lìa trần mà không động lòng đau xót? Cũng chính vì tiếng khóc ấy, đã khơi dậy ở lòng người thương gia một tình thương vô hạn, một sự hy

sinh cao cả mà trừ phi những bậc Thánh nhân thì ít người làm được.

Chàng ta quay mũi cột buồm lại, rồi bơi đến vớt từng người một, khi cả năm người bạn đều níu vào cột buồm chàng mới hơi yên lòng, nhưng vì cột buồm nhỏ, không thể chịu đựng được sức nặng của sáu người. Kể cả người lái buôn kia nữa, nên bị chìm dần xuống nước. Người lái buôn tự nghĩ: Nếu ta ham sống cứ níu vào cột buồm này, thì không những một mình ta chết mà năm người kia cũng không tài nào thoát khỏi. Nếu ta dùng sức mạnh mà gạt bớt một người ra khỏi cột buồm thì có lẽ cứu được thân ta và bốn người kia nữa. Nhưng việc ác đức ấy ta không nỡ và không thể làm. Chi bằng ta hy sinh ta để cứu những người khổ nạn ấy.

Nghĩ như thế nên người lái buôn thả cột buồm và bị sóng đánh chìm nghiêm. Cột buồm bấy giờ được nhẹ bớt, từ từ nổi lên lại. Năm người kia nhờ thế mà được an toàn, trở về quê hương sum họp với gia đình họ.

Người lái buôn nhân đức và hiền hậu ấy là tiền thân của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thiện Châu

Cứu một người bị nạn hơn bố thí tất cả.

Các sao tuy có sáng, chẳng bằng sức sáng của mặt trăng.



CHÂN NHƯ

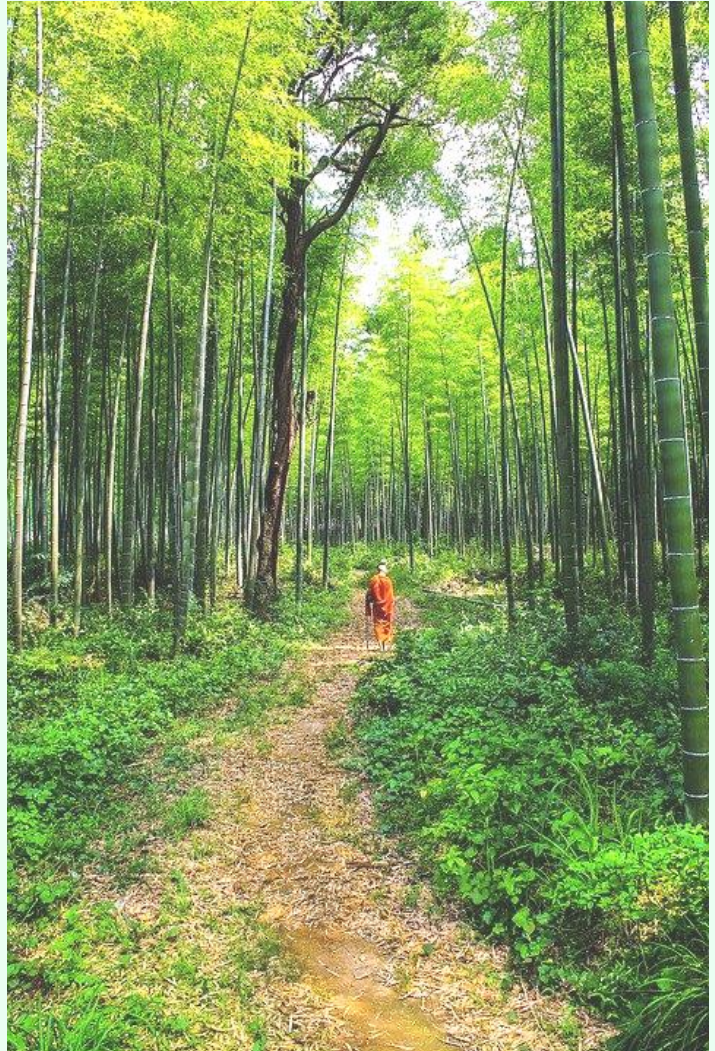
*Bốn bề tĩnh lặng lá chết rơi
Tâm ý tập trung chẳng một lời
Vô ngôn cốt lõi khi thiên tọa
Mặc cho gió thổi vờ lá rơi!*

*Đi tìm Phật Pháp khắp đông-tây
Thân đạt trôi bao kiếp sóng đời
Mảnh hình hài ta yêu thương ấy
Cũng có ngày phải rách tan thôi!*

*Lạng thang đi mãi cõi tử-sanh
Khấp nẻo đường trần, ôi gian nan!
Ngược xuôi sáu hướng đời lên xuống
Mấy ai thấy được “cái Tâm” chơn!*

*Rồi một ngày đẹp trời đầu xuân
Ta gặp một Người đây Chánh Tâm
Điều cao siêu được Người chỉ bảo
Tánh Phật sáng ngời có đâu xa
Viên ngọc bảo ẩn sâu chèo áo
Mang ra dùng ắt được giàu sang
Chẳng còn những tâm tưởng nghèo nàn
Cũng chẳng còn bị ai sầu não
Cũng không cả nghĩ suy loạn tưởng
Tĩnh lặng như mặt nước hồ thu
Trở về lại với tâm Chân Như
Là vĩnh viễn thoát ly sanh-tử!*

San Jose, 2020



thơ DIỆU VIÊN

Vu Lan nhớ Mẹ

TRẦN THỊ ANH LOAN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Mẹ ơi! Mới đó mà Mẹ đã bỏ chúng con ra đi gần ba năm rồi. Thời gian trôi qua nhanh quá Mẹ nhỉ? Con chưa một lần về thăm nhà kể từ ngày Mẹ mất! Con thật có lỗi với Mẹ rất nhiều. Nhưng vì hoàn cảnh, con xin Mẹ bỏ qua cho con. Có lẽ ngày mai tang Mẹ con sẽ về.

Con sợ nhất là ngày về thăm nhà Mẹ ạ. Nhớ lại trước kia mỗi lần biết con về, Mẹ ngồi ngoài cửa đợi con. Xuống xe con ôm chầm lấy Mẹ, gọi "Mẹ" thật to. Thấy con Mẹ rất vui, nhưng hai hàng nước mắt của Mẹ chảy dài xuống má. Thế rồi hai Mẹ con ôm nhau mà khóc. Sau đó Mẹ và con cùng hàn huyên tâm sự. Có khi quần quít bên Mẹ nói chuyện suốt ngày mà sao con vẫn cứ thêm muốn nói.

Mỗi lần về thăm nhà, con ít muốn đi chơi đâu vì không muốn rời xa Mẹ. Con nghĩ rằng được bên cạnh Mẹ phút giây nào là niềm hạnh phúc của con, nên con khao khát được gần gũi Mẹ, được sờ lên đôi vai gầy của Mẹ, được hôn lên má Mẹ, được rẽ tóc và chải đầu cho Mẹ... Những lúc ấy, con thấy mình thật sự được sung sướng vô cùng. Đôi khi con muốn nói chuyện với Mẹ thật nhiều, nói thật nhiều, để rồi khi đi xa, biết con có còn được nói chuyện với Mẹ nữa không. Và cứ mỗi năm mùa Xuân về, gửi quà về mừng tuổi Mẹ, là con lại buồn lại lo, chẳng hay sức khỏe của Mẹ thế nào? Mẹ ăn uống ra sao? Mẹ đã già ví như trái sung, còn đó rồi rụng hời nào không biết, cho

nên con cứ buồn:

*"Giờ mỗi mùa xuân đến,
Con lại chẳng được vui,
Sợ ngày con xa Mẹ,
Nó gần - Con đơn côi"*

Về thăm Mẹ đợt trước, thấy sức khỏe của Mẹ kém đi con rất lo. Thời gian trôi qua, sức khỏe của Mẹ hao mòn dần theo năm tháng. Ở nhà chơi với Mẹ ít lâu, rồi đến ngày con cũng phải ra đi. Trước khi đi vài ngày, con buồn ghê quá, buồn vì sắp phải xa Mẹ. Nhiều lúc con ngồi nhìn Mẹ thật lâu, lòng con buồn không tả xiết, nhưng con cố gắng làm vui kéo sợ Mẹ biết, Mẹ sẽ buồn. Linh cảm làm con có suy nghĩ và sợ rằng lần này đi là lần xa Mẹ vĩnh viễn. Biết là như vậy nhưng chúng con không còn cách nào hơn được. Rồi con đành phải rút ra đi. Con biết là Mẹ rất buồn nhưng Mẹ hiểu rõ hoàn cảnh của con nên Mẹ khuyên con cứ an tâm ra đi, đừng lo gì cho Mẹ cả.

Thế rồi, sáu tháng sau, vào một đêm đầu năm dương lịch, chúng con nhận được tin sét đánh từ xa gọi về: "Mẹ mất". Trời đất như quay cuồng, con điếng cả người. Con chỉ biết kêu lên "Mẹ ơi" rồi lặng người không nói được nữa. Con thấy như cả bầu trời sụp đổ. Chân tay con bủn rủn. Đầu óc con rối bời. Thật không một nỗi đau nào bằng nỗi đau mất Mẹ! Con cầu mong đó là giấc mơ thôi hoặc người đưa tin nghe nhầm. Nhưng sự thật hết sức phũ phàng: Mẹ đi thật rồi. Mẹ đi luôn rồi. Mẹ đã ra đi vĩnh viễn. Ôi! Vô vàn

thương tiếc Mẹ, Mẹ ơi!

Bao năm qua, sống ở đất khách quê người, con luôn luôn buồn thương nhớ Mẹ. Ngày Mẹ mất đột ngột quá, hơn nửa ngày mai táng Mẹ quá gần kề nên chúng con không về kịp được, lòng bồn chồn, đứng ngồi không yên, ruột con nóng bừng như lửa đốt, tim con như se thắt lại. Ước gì con được cùng anh chị em lo đám tang cho Mẹ, được đứng trước quan tài của Mẹ, quần vành khăn tang trên đầu, để gọi là đền đáp công ơn sinh thành dưỡng dục của Mẹ, nhưng nào có được đâu. Con buồn rĩ rượi, người con phờ phạc hẳn đi. Nhưng dù sao con cũng thấy được xoa dịu bớt phần nào khi chông con hiểu được nỗi đau của con, bèn an ủi, vỗ về con, đưa cả gia đình về chùa nhờ Thầy làm lễ phục tang cho Mẹ. Tại chùa, chúng con cũng làm đầy đủ thủ tục của một đại tang, nhưng đó chỉ là làm để mà tưởng nhớ đến Mẹ thôi, chứ không có ý nghĩa bằng chúng con đứng bên quan tài của Mẹ mà phục tang cho Mẹ!

Thế rồi ngày lại ngày, chúng con đều dành thời giờ đọc Kinh niệm Phật cầu nguyện cho Mẹ, cầu xin cho vong linh của Mẹ sớm được về miền Tịnh độ. Trong chùa, bạn bè con ai ai cũng biết rằng con đã mất Mẹ, họ thường an ủi con khi thấy con buồn.

Ngày rằm tháng Bảy mỗi năm, con sợ nhất là lên chùa dự lễ, vì lễ dự lễ là con rất buồn vì nhớ Mẹ. Năm nào cũng vậy, đến lượt cài bông

hồng, con không khỏi ngậm ngùi nhớ thương Mẹ, cố gắng nín khóc, nhưng hai hàng nước mắt cứ chảy ròng. Con đã khóc tức tưởi khi các cháu tự động cài lên ngực áo của con một đóa hoa màu trắng. Nhìn người bạn ngồi bên, họ được cài lên áo một đóa hoa hồng màu đỏ, con thấy họ sung sướng lạ lùng. Trước kia con cũng được điểm phúc như họ, nhưng giờ đây thì đâu còn nữa! Nhiều khi con cứ ngồi hàng giờ hình dung ra hình bóng Mẹ, dáng Mẹ hao gầy. Cuộc đời của Mẹ đã chịu nhiều cay đắng nên nhan sắc Mẹ đã chóng tàn tạ theo thời gian, nhưng Mẹ nào có quản đến. Suốt đời Mẹ đã lặn lội nuôi chúng con, lo cho chúng con ăn học nên người.

Trong anh em chúng con, có người rất thương Mẹ, nhưng có người đôi khi cũng làm Mẹ phiền lòng. Nhiều lúc con biết Mẹ không được vui nhưng lòng Mẹ thương con vô bờ bến, Mẹ đã rộng lòng quảng đại bỏ qua tất cả, rồi Mẹ cứ tiếp tục nhắc nhở, hỏi han như xưa...Thật tấm lòng của Mẹ vô cùng cao cả! Con xin ghi nhớ mãi, tôn kính Mẹ suốt đời, và con cũng thành kính dâng lên Mẹ lòng biết ơn, công đức sinh thành dưỡng dục mà Mẹ đã dành cho anh em chúng con.

Con biết lần này con về, không còn được Mẹ ra đón như ngày xưa, con hình dung ra cánh tương đó mà đã thấy cả một không gian ảm đạm bao phủ lên người con, lòng con thấy tái tê, buồn thương nhớ Mẹ nào nê!

Khi còn nhỏ, đôi khi con còn hờ hững, chưa biết nhiều đến công ơn của Mẹ, nhưng ngày con khôn lớn, rồi con có gia đình, có con, nuôi con, khi con nó ốm nó sốt, ruột gan con cũng héo hắt và nóng buốt như lửa đốt theo! Nỗi nhọc nhằn nuôi con và lo sợ khi con mình đau bệnh như thế nào thì con nghĩ Mẹ nuôi con cũng vậy hay hơn thế nữa, chừng đó con mới

NHỚ MẸ VÔ VÀN

(Thương tặng hiền thê: Trần thị Anh Loan)

*Xa Mẹ bao năm, nhớ vô vàn,
Làm thơ tặng Mẹ, cầu an khang
Thơ chưa kịp gửi, tin Mẹ mất,
Sửng sốt, ghen ngào, lệ chứa chan.*

*Mẹ đi vội vã, không lời nhắn,
Tức tưởi lòng con, dạ nát tan,
Ở cõi Trời kia, Mẹ có biết,
Đêm ngày nhớ Mẹ, buồn miên man.*

*Mẹ mất, hiểu đạo, nén khóc than.
Tỏ lòng hiếu thảo tới đạo tràng.
Chỉ thành niệm Phật cầu cho Mẹ:
Mau về Tịnh Độ: Cõi Bình An.*

thơ **TÂM LƯƠNG**
ĐÀO MẠNH XUÂN

hiểu và thương Mẹ nhiều hơn. Kể từ ngày con lập gia đình con ít được gần gũi Mẹ. Con phải theo chồng đi tha hương cầu thực rày đây mai đó, con không được sống gần Mẹ, an ủi Mẹ lúc tuổi già, nhưng lúc nào trong lòng con nghĩ chỉ có Mẹ là tất cả! Càng ngày chúng con càng già đi nhưng đứng trước Mẹ con cảm thấy bé bỏng như ngày nào.

Trong cuộc sống, có lúc con gặp phải cảnh khó khăn. Mẹ là điểm tựa, là nguồn sống khi con gặp hoạn nạn. Mẹ đã thường an ủi, nhắc nhở chia sẻ cho con tất cả từ vật chất đến tinh thần, để con được làm tròn bổn phận một người

con, người em, người vợ và người mẹ đối với đàn trẻ nhỏ. Giờ đây ngồi ngẫm nghĩ lại, con sống có tình có nghĩa với mọi người là cũng nhờ công ơn dạy bảo khuyên răn của Mẹ. Con hiểu Mẹ là người có học, Mẹ cứ xử có nghĩa có tình với tất cả mọi người và một lòng thủy chung son sắt.

Những ngày đã qua và suốt quãng đời còn lại con sẽ làm đúng những điều Mẹ dạy: đó cũng là món quà của con thành kính dâng lên linh hồn Mẹ.

Mùa Vu Lan về giữa đôi bờ Tử - Sinh, con viết những dòng này kính dâng lên hương hồn Mẹ - Kính mong Mẹ chứng giám! Con thương nhớ Mẹ lắm, Mẹ ơi !

THE REALM OF SUFFERING

Vinh Hao

Translated by BACH, XUAN PHE

Suffering and pain cover all humanity, the whole world. That is a fact, a truth that no one can deny. Precisely because no one can avoid it, suffering becomes normal in each person's subjective perception; and it's only noticeable when pushed overboard. At that moment, people collapse and then accept the truth.

We pretend to forget that there is suffering, large or small, always ready to come to us, at any time. We turn away from suffering, cling to transient pleasures to overcome this life; or perhaps, we have gotten used to accepting, being suffering.

Turning away from suffering is not the way to deal with it. In fact, suffering follows us all the way from birth to death. Religions have shown us how to escape suffering. But either way, first we have to realize the causes of it in order to find the appropriate treatment method.

Suffering from poverty, sickness, social injustice, war, natural disasters, these are all just phenomena that everyone can see, and can contribute effort or money to reduce or appease. But if one meditates more deeply, we can see the source of human suffering is due to desire and craving. Greedy for what we have not, or already have, but not enough of; being selfish, loving only what belongs to yourself, loving what you want to possess or have possessed, loving even what you have assimilated yourself (like family, place of birth, place of residence, ethnicity, color, religion, party, doctrine, ideas, etc.). If desires and cravings are always met satisfactorily, and their results are constant, there will be no suffering or anger. But that is only the result (or happiness, satisfaction) of the individual, not to mention how it will harm others. The greed and insatiable possession of an individual will surely cause disadvantages and harm to many others both in the family and in society. In addition, the result of this desire and craving is always affected, governed by the uncertain, destructive nature of everything, and even psychology. Therefore, the happiness of the greedy individual will change, and the material achievement that individual gains will also change. The ever-changing aspect of all psychological and physical phenomena in this world combined into a common misery, universalizing humanity, and living beings.

The character of vandalism is also the characteristic of human suffering.

Practitioners engage in life, only the wish is to spread their mercy to all, regardless of skin color, ethnicity, rich-poor, class... Human blood and tears, in whichever country or region, the redness of blood and salinity of the tears are the same (*), and it is still the result of sorrow. The suffering of human beings and sentient beings is endless; so the wish to bestow pleasure and suffering is also endless. Experience the pain of your own suffering and compassion for all sentient beings. Use your beginning Bodhi mind and loving-filled eyes to deal with life. Don't stand with this side, or that side, but stand from the muddy quagmire of the world in order to take the steps of the humble and outstanding individuals.

California, July 23, 2020

(*) This image and idea is borrowed from a Buddhist motto.

Ngõ thoát

(tức **Phương Trời Cao Rộng 3**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

CHƯƠNG MỘT

Mặt trời chưa mọc nhưng bên ngoài đã sáng ửng. Buổi sáng chủ nhật ở khu xóm này dường như không có dấu hiệu của sinh hoạt con người. Chỉ nghe tiếng chim ríu ra ríu rít trên những hàng cây cao. Lá cây ướt đầm, tưởng chừng vừa được tắm dưới một cơn mưa. Thực ra chẳng có cơn mưa nào đêm qua cả; chỉ có sương mai kéo xuống thấp, mù tóa cả một vùng gia cư lụp xụp đang còn an giấc. Chú nhện trên nhánh muồng trâu có lẽ đã hì hục giăng cho xong cái lưới khổng lồ suốt đêm qua nên bây giờ hãy còn mỗi một thu nhỏ người lại, ngủ vui ở vòng tâm của màng lưới. Nếu chú thức dậy sớm như tôi sáng nay, hẳn chú sẽ có dịp thưởng thức sự kết tụ kỳ diệu của những hạt sương sớm, tạo thành những chuỗi ngọc trai nhỏ, long lanh, óng ánh, ngang dọc theo những đường tơ mịn màng do chính chú dệt nên.

Con đường đất đỏ chạy ngang trước cổng là con đường duy nhất của xóm nhỏ này dẫn ra lộ chính, vắng hoe. Tôi thanh thản nhấp từng ngụm trà nóng. Chờ đợi.

Tất cả đều đổ vỡ, tan nát, hỏng. Tôi sẽ làm lại từ đầu kể từ hôm nay. Một người đàn ông, xấp xỉ sáu mươi, sẽ đến đây, chờ tôi đi.

Bao nhiêu chuyện cũ, bao nhiêu thăng trầm bảy năm qua, dường như đã tiêu tằm, mất dạng theo nước qua cầu. Chỉ có bóng hình mới nhất, biến cố đau thương mới nhất, là còn chồi dậy, nhập nhòa ẩn hiện theo cái mạng nhện ướt sương, hay theo những nhánh dâm bụt thưa thớt nơi bờ rào.

*"Bến xa ngọn ngút mây trời
Cung đàn dứt nhịp trận cười ngang cơn
Bờ kia bến nọ hai đường
Dòng sông chảy mộng hồ trường nửa canh."*
Phù Du

Không phải tôi không tận tình khơi dậy những chuyện cũ. Chỉ vì từ nhiều năm nay, tôi bắt đầu lao mình vào những toan tính và sinh hoạt mới hơn trên đất lạ miền nam, nên không còn chút thời giờ thơ mộng nào để những kỷ niệm xưa được sống lại một cách trọn vẹn. Ký ức tôi như cái thùng hồ sơ của một chàng thư ký bận bịu thiếu ngăn nắp, được sắp theo thứ tự từ dưới lên trên: cái nào càng cũ thì càng được nằm ở gần phía đáy, cái nào mới thì nằm chồng lên trên. Mới chồng lên cũ. Hiện tại chồng lên quá khứ. Hôm nay chồng lên hôm qua. Nhìn vào thùng hồ sơ, chỉ thấy được cái gì nằm phơi mặt lên trên. Cuộc sống cứ thế mà chảy tới, chảy tới. Và vụt cái, đã

bảy năm trôi qua, kể từ khi tôi rời bỏ đôi Trại Thủy trong một đêm hè Nha Trang...

Cho nên, đáng lý vào lúc ngồi uống trà chờ đợi như sáng nay, tôi có thể nhớ về bao kỷ niệm buồn vui với những người thân và bạn bè, hoặc nhớ đến Như Như, thiếu nữ đứng lại trên đôi Trại Thủy đêm ấy, thì tôi lại nghĩ đến nàng, Mộng Huyền, một cô gái đến và vượt khỏi con tim băng khuâng ngỡ ngàng của tôi như một giấc mộng thoảng qua.

Đừng cho rằng tôi có *mới* *nới* cũ, hoặc xỉ vả rằng tôi là kẻ không chung tình, hay tệ hơn: bạc tình! Tu sĩ làm gì được phép có thứ tình cảm trai gái ủy mị vướng víu nhau mà bảo rằng *chung* hay *bạc*. Con đường của tu sĩ Phật giáo là con đường giải thoát, mà muốn giải thoát, trước tiên phải vượt qua ái tình và dục vọng. Con đường tu tập của đạo nhân dẫn đến cõi vô thủy vô chung trong khi con đường tình yêu thế tục đòi hỏi một quá trình, một giai đoạn có thủy có chung. Tình yêu của tu sĩ là tình yêu đối phó, tình yêu xa ly, chẳng phải là tình yêu chiếm hữu. Chiếm hữu thì lẫn xả vào nhau, quấn quít nhau, cột trói nhau, giao ước với nhau bằng tâm lý, thể xác hay giấy tờ. Đối phó hay xa ly thì tìm cách kềm chế, chuyển hướng, rũ bỏ, vượt xa hay giải thoát—cùng lắm là chạy trốn trước khi sa đọa. Đối với tu sĩ, người ta phải cầu mong sao họ bạc tình, lạnh nhạt chừng nào tốt chừng đó vì càng chung tình đắm đuối thì càng khó giải thoát. Cho nên, nếu tôi quên được Như Như, hay quên được Mộng Huyền, thì người ta phải mừng cho tôi mới phải. Vậy đó, nói lòng vòng một hồi, chẳng qua tôi chỉ muốn thú thực rằng, tim tôi hãy còn đau ê ẩm vì chuyện của Mộng Huyền, thiếu nữ mới quen cách đây hai tháng và chia tay cách đây một tháng. Tôi nghĩ đến

nàng nhiều hơn Như Như chẳng qua là vì xấp hồ sơ của nàng nằm ở trên, vậy thôi.

Huống chi, tại sao phải nhắc đến một Như Như đã hóa thân vào hư không vô cùng vô tận để trở thành một cái gì không còn nói được nên lời, một cái gì bất sinh bất diệt!

Vâng, tôi có thể khẳng định rằng Như Như trong tôi là một Như Như bất diệt, dù rằng có một Như Như thực tế bước lên xe hoa một ngày mùa đông hai năm trước. Một khi cái đẹp hiện hữu một cách tròn đầy trong chính bạn, dù chỉ trong một thoáng chốc nào đó, tất cả những bóng sắc bên ngoài đều trở thành những phóng ảnh huyền hoặc của nó. Những phóng ảnh đó, đến và đi, sinh và diệt, trẻ hay già, lên xe hoa hay không lên xe hoa, đều chẳng làm hao tổn gì về mệnh mạng tráng lệ của cái đẹp nội tại.

Như Như không làm bạn lòng tôi nữa. Cảm ơn một dĩ vãng đã lặng lẽ nằm yên dưới lớp bụi thời gian. Tôi lao về phía trước. Tôi thấy bóng sắc lãng mạn, mới mẻ, sâu đậm khác, ẩn hiện chập chùng trước mắt. Tôi nghĩ đến Mộng Huyền, rồi tôi lại tiếp tục phấn đấu,

giữ bỏ, xa rời, vượt thoát nàng. Ôi, tại sao tôi lại cứ gặp gỡ và rung động bởi những phóng ảnh mộng寐 bên ngoài để rồi quần quai đau đớn! Người ơi, hãy đi đi, đừng đến bên tôi nữa. Cứ cho tôi nổi cô quạnh nhưng đừng cho tôi cơn đau xé lòng như thế!

*

Người đàn ông đưa tôi đến bến xe bằng xe đạp rồi vội vàng từ giả. Chiếc xe lam nhả khói mù mịt. Thịnh thoảng nó lại húc hặc lên mấy tiếng như một cụ già đang ho khi trời trở lạnh, rồi lại hú ga như một chàng thanh niên hứng chí lấy hơi trong một cuộc thi đấu thể lực nào đó, vung lên chạy bon bon. Qua những khoảng đường xấu có nhiều ổ gà, nó bị xóc lên từng hồi, và thực chẳng khác một con cóc mệt mỏi đang cố gắng nhảy những bước miễn cưỡng của nó.

Tôi đi gọn gàng, không mang hành lý. Đó cũng là cái cố để bà cụ ngồi đối diện với tôi giữ hộ một đứa bé trai, vì bà ấy phải lo trông coi ba, bốn giỏ đồ linh tinh trên xe mà nếu sơ sẩy, có thể bị kẻ gian đánh cắp. Thằng bé ngồi trong lòng tôi trông kháu khỉnh và khôi ngô lắm. Nó tự





THU CẢM

*Thu qua chạm phải giấc mơ sương,
Trái gót mòn chân khắp nẻo đường.
Lá biếc thay mùa theo nắng nhạt,
Môi hiền mỉm nụ hóa màu thương!*

*Mênh mông trời đất hoà giai điệu,
Bát ngát ao hồ tỏa ánh dương...
Thôn thức nhìn mây tâm khế hỏi:
Kiếp người bao nữa hết sầu vương?*

thơ TRÚC NGUYỄN

nhiên ngồi với tôi, không thắc mắc hay ngại ngùng gì. Nó cũng chẳng e dè vỗ lên đùi tôi hay vịn về cánh tay áo sơ mi của tôi bằng hai bàn tay mũm mĩm của nó. Dầu mang tâm trạng của một kẻ đi trốn, với tiếng xe ồn ào và khói xăng làm cay cả mắt, với niềm đau đượm chôn lấp vội vàng trong lòng, tôi vẫn thấy một chút thư thối, vui vui thế nào ấy. Có lẽ là nhờ sự hiện diện của một đứa bé hồn nhiên, đẹp như thiên thần đang ngồi trong lòng mình.

Càng rời xa phố thị, những ưu phiền trong tôi càng vơi đi dần. Tôi tận hưởng những giây phút an lành đó bên một đứa trẻ. Nó không an ủi tôi bằng những lời lẽ mà người lớn đã làm, và gần như nó cũng không màng để ý đến tôi dù vòng tay tôi luôn trong tư thế bao bọc cho nó khỏi ngã. Hai thiếu nữ ngồi bên cạnh tôi cứ trầm trầm khen ngợi và nựng nịu đứa bé, và luôn tiện cứ nhìn tôi, cười duyên như

ngắm thán phục tôi đã cho ra đời một tác phẩm khá khinh là đứa bé. Họ lên xe sau nên không rõ là tôi chỉ giữ dùm con cháu người ta chứ không phải tôi là cha đứa bé. Còn chuyện nựng nịu đứa bé, tôi không quen làm việc đó trước đám đông, và tôi cũng không muốn đánh mất tự nhiên của thằng bé, vì nếu tôi bẹo má hay xoa đầu nó, vô tình tôi nhắc rằng nó đang ở trong vòng tay của một kẻ lạ mặt, ít nói.

Tôi ngồi im lặng quan sát và giữ gìn nó như giữ cho loài hoa mắc cỡ đứng thẹn thùng khép lại những phiến lá nhạy cảm của chúng.

*

Cuộc sống dạy cho chúng ta những suy tư và cảm nghĩ khôn khổ. Quen thuộc và quanh quẩn mãi trong giới hạn đó, chúng ta không còn khả năng để

vươn tới một chân trời nào cao rộng hơn, hoặc mất đi ngay cả khuynh hướng muốn đập vỡ những tường vách ngục tù đã giam hãm chúng ta trong cố chấp, hẹp hòi và suy tư cục bộ. Sự tương giao giữa chúng ta với cuộc đời cũng không ra khỏi giới hạn đó. Tương giao ấy chỉ có ý nghĩa như sự hấp thụ và đào thải kiến thức hay kinh nghiệm của kẻ khác, hoặc là sự giao hợp giữa những cảm quan, hiểu biết để nặn đẽ ra một thái bào mới chẳng khác chi mảy về tinh chất. Chúng ta tiến đến chỗ văn minh tột đỉnh của đời sống xã hội bằng con đường cải thiện, chế biến những kiến thức của đời. Cho nên, sự tôn thờ một đối tượng thần linh, con người, hay con đê của những thứ ấy—một nền văn minh vật chất hay tinh thần giả hiệu—cũng đều là một căn bệnh. Căn bệnh ấy khiến chúng ta chỉ tạo nên những ước lệ và tập quán trong đầu óc, trong nếp suy nghĩ,

cảm tính, để rồi khó chấp nhận những cái gì mới lạ bên ngoài, từ kẻ khác, nhóm khác. Chúng ta thường u mê xác tín rằng cái gì của ta, thuộc về ta đều là hay, là đúng, là cao đẹp; còn của kẻ khác, nhóm khác thì chẳng có nghĩa gì. Kẻ nào có ý nghĩ và niềm tin trái ngược với chúng ta, ta cho là kẻ ấy lầm đường lạc lối, nếu không quay về với chúng ta thì đáng bỏ đi! Rồi chúng ta trở thành thù nghịch, chống báng, giết hại, bó buộc nhau chỉ để chứng tỏ chân lý của chúng ta. Chúng ta tạo biết bao đau khổ cho kẻ khác chỉ vì muốn họ được hạnh phúc bằng những suy tưởng và niềm tin y hệt chúng ta. Chúng ta muốn kéo kẻ khác vào gian phòng bưng bít của chúng ta chỉ để biết những gì ta có trong gian phòng đó. Cuối cùng, chúng ta đã tạo ra những kẻ đối lập, tạo nên nhiều kẻ thù trên cuộc đời. Chúng ta luôn đối diện nhau nhưng thường bị ngăn cách bởi những lý lẽ và quan niệm riêng của chúng ta. Chúng ta đối thoại với nhau bằng cách sắp xếp hay nín kén, viện dẫn những kiến thức xưa cũ lượm lặt được từ những kẻ có đầu óc y hệt hệ thống tiêu hóa của loài nhai cỏ. Hoặc chúng ta nói với nhau bằng các phương thức: sử dụng những ngôn từ êm ả, ngoa ngụy để tự hạ hay để áp đảo kẻ khác, chinh phục kẻ khác—mà những thứ này vẫn chỉ là cách nói, kỹ thuật nói chứ không phải là tiếng nói của thương yêu, của sự thật. Càng lớn lên, càng già đi, chúng ta càng bị chôn sâu trong lòng đời man trá và gò ép đó mà không tự hay biết.

Đến với trẻ thơ, chúng ta không cần thiết phải trang bị sẵn những kiến thức và ngôn ngữ khuôn sáo. Chúng ta có thể vất bỏ tất cả những thứ vô nghĩa đó và ngồi bên cạnh đứa bé để lắng nghe, để quan sát, để hòa nhập với nó trong những ngạc nhiên và

nét ngây thơ thú vị của nó. Nói chuyện với một đứa bé, chúng ta không bị bó buộc bởi những ngôn từ nữa. Nói sao cũng được, hoặc không nói gì cũng được. Cuộc đối thoại sẽ không còn là một cuộc đối thoại nữa, mà là sự hòa nhập trong nhau với tình thương, với sự cao khiết, trong sạch.

*

Chiếc xe lại gào lên với những tiếng rên của một con vật bị thương. Hành khách xăm xì lo lắng xe bị hư giữa đường. Chỉ có đứa bé là thản nhiên, đưa một mình với con mèo nhựa trên tay. Ấy thế mà xe không hư, nó tiếp tục chạy êm ru trên con lộ vừa ngập nắng mai.

Sương tan rồi không khí vẫn còn lạnh lạnh. Hình như có một cơn mưa bất thường đêm qua ở vùng ngoại ô này nên trên mặt đất đôi chỗ hãy còn đọng nước. Hai bên đường là đồng ruộng xanh ngát. Đâu đó vẫn còn hương thơm ngai ngái của mùa gặt vừa qua. Mầu lúa mới kéo tôi về một lúc với những kỷ niệm thôn dã mà tôi đã bỏ lại sau lưng để trở thành một kẻ lang thang lẫn trốn như hôm nay.

Đến một khúc quanh, xe bỗng giảm tốc độ rồi ngừng hẳn. Hành khách chưa hiểu chuyện gì. Tưởng là tài xế ham hồ muốn rước thêm một khách chịu khó nào đó để lấp vào cái bậc bước lên bước xuống ở sau xe. Nhưng không phải vậy: xe bị chặn lại bởi một tốp người vận thường phục đang chờ sẵn dưới gốc cây phượng bên đường. Một trong những người chặn xe nói với tài xế và hành khách:

“Bà con bình tĩnh. Chẳng có gì quan trọng đâu. Chúng tôi là công an tỉnh Đồng Nai muốn làm việc với xe này một chút.”

Vừa dứt lời, anh công

an mập mập tuổi trung niên đó đảo mắt thật nhanh một lượt trong xe rồi nhìn ngay vào tôi, xong đi vòng ra phía sau xe. Tài xế vẫn ngồi trên xe, quay lui nói lớn với hành khách, giọng như nhựa nhựa, kéo dài một nỗi chán chường, chịu đựng:

“Bà con xuống xe cho công an kiểm tra đi. Nhanh nhanh chút rồi đi bà con ạ.”

“Khỏi. Chúng tôi chỉ muốn xem giấy tờ tùy thân của các anh thanh niên thôi,” anh công an khi này tiếp lời ngay.

Trên xe chỉ có hai người trong lứa thanh niên: một người ngồi ở cuối xe, gần chỗ lên xuống; người còn lại là tôi. Người kia nhanh nhẩu xuống xe. Tôi trao đứa bé lại cho bà cụ ngồi đối diện, rồi lom khom bước xuống theo. Xe chật ních, tôi phải lách mình khó khăn mới lần được xuống đất. Không có chuyện xảy ra thì thôi, nay có chuyện, tôi bỗng thấy, bỗng hiểu tất cả. Sống quen trong một xã hội mà việc bắt bớ tù đầy xảy ra hàng ngày, xảy ra khắp nơi, người thường dân trong đó có tôi, tự đứng có được kinh nghiệm và sự bén nhạy để đoán biết việc chặn xét chiếc xe này là nhằm vào ai. Chắc chắn phải là tôi, vì nhìn bộ vá chàng thanh niên xuống trước người ta biết ngay anh ta rõ ràng là một công an, bám theo xe, ngồi phía sau để canh chừng tôi. Tại sao tốp người này tự xưng là công an Đồng Nai trên quãng đường còn thuộc địa phận Sài Gòn? Trong chế độ công an trị, những người mặc áo sơ mi trắng, tóc hớt cao, có quyền chặn xe lại và mặc nhiên khám xét, đâu cần phải tự xưng là công an Đồng Nai hay Sài Gòn? Việc tự xưng này rõ ràng là có một sự cố ý nào đó. Và tại sao các xe khác qua lại trên đường đều được chạy tự do, chỉ chặn duy nhất xe này? Tại sao chỉ muốn xét giấy tờ tùy thân của các anh thanh

niên chứ không xét hàng hóa hay các hạng hành khách khác? Đó là các chi tiết cho thấy đã có sự dàn cảnh hay sắp xếp để chặn bắt tôi ngoài đường.

Khi tôi xuống tới đất thì chàng thanh niên kia đã làm xong phận sự trình giấy tờ. Thấy tôi ra khỏi xe, anh công an lúc nãy trở tới đón ngay. Bầy anh công an khác cũng mặc sơ mi trắng, cùng hướng về phía tôi, vây quanh tôi. Anh công an mập mạp mà tôi nghĩ là có cấp bậc cao nhất trong bọn, nói với tôi mà hai mắt cứ nhìn hai tay tôi, có vẻ như là anh sợ tôi móc dao hay là súng ra—thói quen đề phòng nghề nghiệp của ngành công an tình báo:

“Anh cho xem giấy tờ tùy thân.”

“Tôi không mang giấy tờ gì theo hết.”

“Đi đường mà không mang theo giấy tờ à?”

“Hôm nay Chủ nhật, đi chơi chút đầu cần phải mang giấy!”

“Thế anh tên gì? làm nghề gì? ở đâu?”

“Tôi tên Võ Khánh. Tôi ở quận Bình Thạnh.” Tôi chọn tên Võ Khánh với hai chữ đầu là V, K trùng hợp với tên thật của tôi cho dễ nhớ.

“Võ Khánh hả?” vừa hỏi anh công an vừa cười. Nụ cười của anh làm tăng thêm phần xác quyết trong tôi rằng việc chặn xét xe này chính là để bắt tôi chứ không ai khác. Tôi đã bị lộ, bị chỉ điểm, bị theo dõi, ngay từ sáng sớm khi đang trên đường ra bến xe. Tôi biết tôi không thể nào thoát được nữa. Vừa rồi tôi chỉ thử đưa ra một tên giả xem các anh công an phản ứng thế nào. Nếu họ bắt tôi vì tội không có giấy tờ, rồi lại tiếp tục chặn bắt những người khác trên đường thì việc bắt bớ này không có gì trầm trọng: không phải là chủ ý bắt tội, chỉ tại có *tật giạt mình* mà tôi nghĩ lung tung thôi. Nhưng anh công an đã đáp lại cái

tên giả của tôi bằng tràng cười hênh hếch trong khi quay nhìn các đồng chí khác của mình, ý muốn nói với tôi rằng: thôi, chúng tôi biết anh quá rồi mà!

“Chứ không phải anh có cái tên gì nghe hay lắm sao! Cái tên đó cũng từng làm chúng tôi ăn ngủ không yên đó mà!”

Anh ta nói vậy thì tôi có biện hộ, giấu giếm hay chối quanh cũng vô ích. Tôi cười theo:

“Tên tôi quan trọng như vậy sao?”

Anh công an chìa cái lệnh truy nã trước mặt tôi:

“Tên anh nè, phải không? Anh hiểu chúng tôi muốn gì rồi chứ hả?” nói rồi, anh rút tờ giấy lại thật nhanh, xếp tư, bỏ vào túi áo.

Tôi mỉm cười chấp nhận. Tôi không đọc hết được cái lệnh truy nã ấy nhưng cũng thấy loáng thoáng tên tuổi và nghề nghiệp của mình. Cách đây mấy tháng, mấy người bạn từ kinh tế mới về Sài Gòn đã cho tôi biết là công an tỉnh Đồng Nai có lệnh truy nã tôi, ra thông báo cho đồng bào các huyện là ai bắt được hay chỉ chỗ ẩn náu của tôi cho chính quyền sẽ được thưởng một con bò (phần thưởng hấp dẫn cho người dân quê); sau đó ít lâu, phần thưởng đổi thành năm chục ngàn đồng (tức ngang với ba con bò). Họ đã nắm chắc mọi vấn đề và biết đích xác tôi là ai mới chặn chiếc xe lam này. Dù tôi có miệng lưỡi cách mấy cũng không chối cãi được rằng cái tên trong lệnh truy nã chính là tôi. Huống chi, tôi vốn không phải là kẻ có khiếu ăn nói, biện luận đôi co bằng miệng. Tôi im lặng chấp nhận cho họ bắt, và trong một phản ứng vô tình khó hiểu nào đó của một kẻ lâm nạn sắp sửa vào tù, tự dưng tôi quay lại nhìn về hướng chiếc xe lam như muốn vẫy

chào giã biệt mọi người. Đám hành khách trên xe trở mắt nhìn tôi. Chàng thanh niên khi nãy là hành khách xuống trình giấy thì bây giờ cũng đứng nhập bọn với tốp công an, có lẽ vì vở kịch đã chấm dứt, không cần thiết phải đóng vai hành khách nữa. Thấy tôi quay lại nhìn về hướng xe, một anh công an nghi ngờ tôi có đồ đạc hay đồng bọn gì trên xe, bèn đến lục soát. Họ cẩn thận cho người đi cùng xe với tôi như vậy mà vẫn chưa thấy yên tâm. Phải xét lại trên xe. Trong khi một anh công an khám xét lại trên xe thì phía này, anh công an chỉ huy cũng bảo tôi đưa hai tay lên khỏi đầu và một người khác bắt đầu lục soát khắp người tôi. Thấy không có gì, họ ra lệnh tài xế xe lam lái đi.

Tốp công an này đều chạy xe hai bánh gắn máy. Anh công an chỉ huy lại chiếc Vespa màu xám tro, dẫn đầu. Một anh chở tôi trên chiếc Honda màu đen loại 90 phân phối, có một người ngồi phía sau, kèm tôi ở giữa. Hai bên là hai chiếc Honda khác, mỗi chiếc hai người. Rồi hai người nữa đi chung một chiếc, chạy bọc hậu. Có lẽ họ sợ có người đến giải cứu tôi chứ để đối phó một mình tôi, họ đâu cần phải lo xa quá như vậy. Giả như đi bắt tôi họ chỉ có hai người thôi, tôi cũng bằng lòng đi theo chứ không kháng cự gì. Cái trò cút bắt này đã kéo dài bốn tháng nay rồi. Tôi đã ước mong chấm dứt nó sớm sửa bằng cách đào thoát ra nước ngoài, còn không thì trốn vào một chiến khu nào đó để tiếp tục đấu tranh, hoặc chấp nhận vào tù. Không tìm thấy chiến khu, rồi mấy lần trốn đi vượt biên đều thất bại, tôi đã mệt mỏi, chỉ muốn vào tù cho xong. Giờ thì kết quả đã rõ. Tôi không có ý trốn chạy hay phản kháng gì hết. Tôi chấp nhận bị bắt và đi theo họ vào tù.

(còn tiếp)